

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

HÀ THỊ THU HƯỜNG

**HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG ĐỐI VỚI
NGƯỜI NGHÈO TỪ THỰC TIỄN HUYỆN ĐÔNG HƯNG,
TỈNH THÁI BÌNH**

LUẬN VĂN THẠC SĨ CÔNG TÁC XÃ HỘI

HÀ NỘI - 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

HÀ THỊ THU HƯỜNG

**HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG ĐỐI VỚI
NGƯỜI NGHÈO TỪ THỰC TIỄN HUYỆN ĐÔNG HÙNG,
TỈNH THÁI BÌNH**

Chuyên ngành: Công tác xã hội

Mã số : 8760101

LUẬN VĂN THẠC SĨ CÔNG TÁC XÃ HỘI

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. NGUYỄN TRUNG HẢI

HÀ NỘI - 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn này là công trình nghiên cứu thực sự của cá nhân tôi, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào. Các số liệu, nội dung được trình bày trong luận văn này là hoàn toàn hợp lệ và đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Tôi xin chịu trách nhiệm về đề tài nghiên cứu của mình.

Tác giả

Hà Thị Thu Hương

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	III
DANH MỤC BẢNG BIỂU	IV
MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu đề tài	3
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	10
4. Đối tượng khách thể và phạm vi nghiên cứu	10
5. Phương pháp nghiên cứu	11
6. Những đóng góp mới của luận văn	14
7. Kết cấu luận văn	15
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN_CỘNG ĐỒNG ĐỐI VỚI NGƯỜI NGHÈO	16
1.1. Một số khái niệm cơ bản	16
1.1.1. Nghèo và người nghèo.....	16
1.1.2. Công tác xã hội.....	26
1.1.3. Nhân viên Công tác xã hội.....	30
1.1.4. Tác viên phát triển cộng đồng.....	34
1.2. Lý luận về phát triển cộng đồng đối với người nghèo	34
1.3. Các yếu tố tác động	47
1.3.1. Yếu tố văn hóa xã hội.....	47
1.3.2. Yếu tố đặc điểm của người nghèo.....	48
1.3.3. Yếu tố thuộc về nhân viên, cộng tác viên công tác xã hội.	48
1.3.4. Yếu tố thuộc về công tác chỉ đạo điều hành chương trình giảm nghèo.....	49
1.4. Cơ sở pháp lý liên quan đến phát triển cộng đồng đối với người nghèo	49
1.4. 1. Văn bản pháp lý về người nghèo.	49
1.4.2. Văn bản pháp lý về công tác xã hội đối với người nghèo.....	50
Tiểu kết chương 1	51

Chương 2: THỰC TRẠNG VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG ĐỐI VỚI NGƯỜI NGHÈO TẠI HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH....	52
2.1. Khái quát về địa bàn và khách thể nghiên cứu.....	52
2.1.1. Khái quát về địa bàn nghiên cứu:.....	52
2.1.2. Khách thể nghiên cứu	56
2.2. Thực trạng hoạt động phát triển cộng đồng đối với người nghèo tại huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	60
2.2.1. Hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức.	60
2.2.2. Hoạt động kết nối nguồn lực.....	68
2.2.3. Hoạt động hỗ trợ dịch vụ xã hội.....	74
2.3. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động phát triển cộng đồng đối với người nghèo trong giảm nghèo bền vững tại huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.....	81
2.3.1. Yếu tố văn hóa - xã hội.....	82
2.3.2. Yếu tố đặc điểm của người nghèo.....	83
2.3.3. Yếu tố thuộc về nhân viên, cộng tác viên công tác xã hội	84
2.3.4. Yếu tố thuộc về công tác chỉ đạo điều hành chương trình giảm nghèo của chính quyền địa phương.....	85
Tiểu kết Chương 2.....	87
Chương 3: GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ.....	89
3.1. Một số nhóm giải pháp	89
3.1.1. Nhóm giải pháp về chính sách giảm nghèo.....	89
3.1.2. Nhóm giải pháp tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản	91
3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động công tác xã hội trong công tác giảm nghèo.....	98
KẾT LUẬN.....	102
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	104

III

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TỪ VIẾT TẮT	NỘI DUNG ĐẦY ĐỦ
TBXH	Thương binh xã hội
BCĐ	Ban chỉ đạo
KTXH	Kinh tế xã hội
BTXH	Bảo trợ xã hội
NVCTXH	Nhân viên công tác xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
CBCĐ	Cán bộ cộng đồng
KH-KT	Hoa học kỹ thuật
CTXH	Công tác xã hội
CD	Cộng đồng
PTCD	Phát triển cộng đồng
NVXH	Nhân viên xã hội
TTCN	Tiêu thủ công nghiệp

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu đồ 2.1. Cơ cấu nghề nghiệp của các hộ nghèo	58
Biểu đồ 2.2. Thu nhập bình quân hàng tháng.....	59
Biểu đồ 2.3. Sự tham gia của hộ nghèo trong các tổ chức đoàn thể.	60
Biểu đồ 2.4. Nội dung của hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức	65
Biểu đồ 2.5. Sự tham gia của người dân trong hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức	66
Biểu đồ 2.6. Huy động nguồn lực trong hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức.....	67
Biểu đồ 2.7. Sự tham gia của người dân vào hoạt động kết nối nguồn lực	73
Biểu đồ 2.8. Huy động nguồn lực từ cộng đồng cho hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức.....	74
Biểu 2.19. Tỷ lệ tiếp cận các dịch vụ xã hội.	76
Biểu 2.10. Mức độ tham gia của người dân trong các dịch vụ xã hội trong giảm nghèo bền vững.	77
Biểu 2.11. Mức độ huy động nguồn lực cộng đồng đối với các dịch vụ xã hội	79
Biểu 2.12. Mức độ tác động của các dịch vụ xã hội đến gia đình.....	80
Bảng 2.1. Thống kê đặc điểm của hộ gia đình.	63
Bảng 2.2. Hình thức của hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức	
Bảng 2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động phát triển cộng đồng.....	81

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

“Nghèo” là một vấn đề mang tính xã hội “Nóng” và thường xuyên được đưa ra thảo luận trong các diễn đàn kinh tế- xã hội trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng. Hiện nay, với hơn 1 tỷ người trên trái đất thì 1,25 USD là khoản chi tiêu hằng ngày cho thực phẩm, thuốc men và chỗ ở là khoản chi tiêu vượt khả năng chi trả đối với họ. Theo đó, Ngân hàng thế giới (The World Bank) đã xếp thực tế khắc nghiệt đến ảm đạm này vào nhóm “*nghèo đói cùng cực*”.

Trên thực tế, “Đói nghèo” không chỉ làm cho hàng triệu người không có cơ hội được hưởng những thành quả văn minh tiến bộ của loài người mà còn gây ra những hậu quả nghiêm trọng về kinh tế xã hội đối với sự phát triển, tàn phá môi trường sinh thái. Vì vậy, nếu vấn nạn “đói nghèo” vẫn diễn ra và có dấu hiệu gia tăng trên khắp các châu lục và chưa có giải pháp hữu hiệu nào đưa ra đạt hiệu quả, chính vì lẽ đó không một mục tiêu, chỉ tiêu nào mà cộng đồng quốc tế, cũng như mỗi quốc gia đặt ra trong những năm qua như tăng trưởng kinh tế, cải thiện đời sống, bình đẳng giới, hoà bình ổn định, bảo đảm các quyền con người được thực hiện có hiệu quả. Cũng như các nước trong khu vực và trên thế giới, Đảng và Nhà nước ta luôn luôn đặt con người là vị trí trung tâm của sự phát triển, coi xoá đói giảm nghèo là một trong những mục tiêu cơ bản của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Những năm gần đây, nhờ chính sách đổi mới, kinh tế nước ta tăng trưởng nhanh, đời sống đại bộ phận nhân dân đã được nâng lên một cách rõ rệt. XĐGN từ chỗ là phong trào (giai đoạn 1992-1997) từ năm 1998 đến nay xoá đói, giảm nghèo đã trở thành chương trình mục tiêu quốc gia và được đưa vào kế hoạch định kỳ 5 năm của Chính phủ và các địa phương, đến nay đã qua 4 giai đoạn (1998 - 2000; 2001 - 2005; 2006 - 2010; 2011-2015). tính đến nay đã có khoảng 43

triệu người dân Việt Nam thoát khỏi nghèo đói, tỷ lệ nghèo giảm từ mức 29% năm 2002, xuống chỉ còn 8,4% năm 2014 [1].

Tuy nhiên, một bộ phận không nhỏ dân cư, đặc biệt là ở các vùng cao, vùng sâu, vùng xa vẫn đang chịu cảnh đói nghèo, thiếu thốn, chưa đảm bảo được những điều kiện tối thiểu của cuộc sống.

Ở Thái Bình, chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo luôn được coi là nhiệm vụ trọng tâm trong tổng thể phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Sau nhiều năm thực hiện, đặc biệt 5 năm thực hiện Chương trình giảm nghèo giai đoạn 2011-2015, kết quả giảm nghèo trên địa bàn tỉnh đã thu được những thành công nhất định, được thể hiện rõ nét bằng sự quan tâm, quyết tâm của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân trên địa bàn tỉnh, cụ thể: tỷ lệ hộ nghèo từ 8,12% (năm 2011) xuống còn 2,90% vào năm 2015 (giai đoạn 2011-2015), giảm 5,22%, bình quân mỗi năm giảm 1,04%. Số hộ nghèo từ 46.388 hộ giảm xuống còn 17.809 hộ, giảm 28.570 hộ, bình quân mỗi năm giảm 5.715 hộ [2]. Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn đang còn nhiều khó khăn, thách thức, tỷ lệ hộ nghèo đã giảm; tỷ lệ hộ tái nghèo còn cao, tỷ lệ thoát nghèo chưa bền vững và khoảng cách chênh lệch về thu nhập giữa nhóm hộ giàu nhất và nhóm hộ nghèo nhất, giữa khu vực nông thôn và thành thị có nơi chưa được thu hẹp.

Đông Hưng nằm giữa trung tâm tỉnh Thái Bình, phía Đông giáp huyện Thái Thụy, phía Bắc giáp huyện Quỳnh Phụ, phía Tây và Tây Bắc giáp huyện Hưng Hà, phía Tây Nam giáp huyện Vũ Thư, chính giữa phía Nam giáp thành phố Thái Bình, phía Đông Nam giáp huyện Kiến Xương.

Huyện Đông Hưng có diện tích đất tự nhiên 191,76km². Địa giới hành chính gồm 43 xã và 01 thị trấn, với dân số là 246.355 người

Theo kết quả tổng điều tra rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo qui định tại Quyết định 59/QĐ-TTg (áp dụng cho giai đoạn 2016-2020), toàn tỉnh có 32.340 hộ nghèo chiếm tỷ lệ 5,27%, trong đó huyện Đông Hưng có 4.371 hộ nghèo chiếm tỷ lệ 5,17%

Hiện đã có nhiều nghiên cứu về thực trạng, nguyên nhân, giải pháp của xóa đói giảm nghèo. Tuy nhiên, nghiên cứu về phát triển cộng đồng đối với người nghèo trong giảm nghèo bền vững dưới góc độ công tác xã hội là còn mới và khá ít. Vì vậy, nghiên cứu về thực trạng hoạt động phát triển cộng đồng đối với người nghèo trong giảm nghèo bền vững và các yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng này rất cần thiết để đưa ra một số kiến nghị nhằm nâng cao tính hiệu quả và chuyên nghiệp trong việc giảm nghèo bền vững tại huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Xuất phát từ lý do thực tiễn nêu trên, với kinh nghiệm trên 06 năm hoạt động trực tiếp trong lĩnh vực giảm nghèo, trong thời gian tới bản thân mong muốn góp một phần nhỏ vào công cuộc giảm nghèo của huyện Đông Hưng, chính vì mong muốn đó tác giả chọn đề tài: “ *Hoạt động Phát triển cộng đồng đối với người nghèo từ thực tiễn huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình*” làm đề tài cho luận văn tốt nghiệp của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Giảm nghèo ở Việt Nam không chỉ là vấn đề chính sách mà còn là một vấn đề xã hội nổi bật, chủ đề của rất nhiều các nghiên cứu, đánh giá được thực hiện bởi các tổ chức trong và ngoài nước. Đối với các tổ chức trong nước, một phần là các Viện, trung tâm thuộc các Bộ/ngành, số khác thuộc các trường Đại học. Các tổ chức nghiên cứu về giảm nghèo cho thấy cách thức tiếp cận, đánh giá và các kết quả nghiên cứu rất phong phú, nhiều chiều về giảm nghèo ở Việt Nam. Cũng từ đó, hệ thống các khuyến nghị trong các nghiên cứu rất phong phú và đa dạng. “Nghèo đói” luôn luôn là vấn đề “Nóng” của mỗi quốc gia, vùng lãnh thổ đặc biệt là những quốc gia đang phát

triển, chính vì vậy vấn đề này đã thu hút được số lượng lớn các nhà khoa học tham gia nghiên cứu ở nhiều lĩnh vực, khía cạnh của đời sống xã hội nơi mà vấn đề “Nghèo đói” còn tồn tại.

Cho đến nay ở Việt Nam đã có nhiều công trình nghiên cứu đã đề cập đến vấn đề xoá đói giảm nghèo (XDGN), trong đó có các công trình mang tầm vóc quốc tế:

Nhóm các công trình nghiên cứu chung về giảm nghèo ở Việt Nam

- Các tác giả Do Hoai Nam, Gre Mills, Dianna Games (2007) với cuốn “*Vietnam and Africa: Comparative lessons and mutual opportunities*” (Việt Nam và Châu Phi: So sánh các bài học kinh nghiệm và cơ hội) đã nghiên cứu về cơ hội và kinh nghiệm trong phát triển nông nghiệp và an ninh lương thực ở Việt Nam và Châu Phi, vai trò của tăng trưởng kinh tế trong XDGN cũng như phân tích về nguồn vốn viện trợ phát triển và sự tận dụng hiệu quả nguồn vốn viện trợ (ODA) đối với các quốc gia này [3]

Cơ quan hợp tác phát triển quốc tế Thụy Điển (SIDA) (1995), có đề cập trong cuốn “*Vấn đề nghèo ở Việt Nam*” một định nghĩa rất rộng về cái nghèo, đã đi sâu phân tích tình hình nghèo của các nhóm nghèo ở Việt Nam, đánh giá những tác động của công cuộc đổi mới đến người nghèo gắn liền với các vấn đề y tế, giáo dục, tín dụng...đưa ra một số vấn đề có ý nghĩa chiến lược cần xem xét để nâng cao hiệu quả giảm nghèo ở Việt Nam [4].

Oxfam: “*Mô hình giảm nghèo tại một số cộng đồng điển hình ở Việt Nam*”, Hà Nội - 2013. Nghiên cứu của Oxfam đã chỉ ra một số mô hình sinh kế cho người nghèo ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn gắn với các nét văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc, đồng thời chỉ ra các yếu tố xã hội và chiến lược sinh kế đối với mô hình giảm nghèo thành công tại các cộng đồng ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Nghiên cứu cũng đưa ra những luận điểm nhằm củng cố phương pháp cùng tham gia trong theo dõi

giảm nghèo và các yếu tố tiên phong, lan tỏa, gắn kết cộng đồng, tận dụng lợi thế, thích ứng với điều kiện mới, đa dạng hóa sinh kế, phòng chống rủi ro và quản trị địa phương ở mỗi mô hình giảm nghèo khác nhau [5]

Tập thể tác giả: “*Nghèo đói và xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam*”, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội - 2001; Bối cảnh nghiên cứu Bước sang thế kỷ XXI, đói nghèo vẫn là vấn đề có tính toàn cầu. Một bức tranh tổng thể là thế giới với gần một nửa số dân sống dưới 2USD*/ngày và cứ 8 trong số 100 trẻ em không sống được đến 5 tuổi. Vì vậy một phong trào sôi nổi và rộng khắp trên thế giới là phải làm như thế nào để đẩy lùi nghèo đói...Còn Việt Nam thì sao? Vấn đề đặt ra là phải làm sao đẩy lùi được tình trạng đói nghèo xuống. Nhưng muốn có những chính sách, biện pháp xóa đói giảm nghèo hiệu quả thì nhất thiết phải hiểu được những nguyên nhân nào dẫn tới tình trạng nghèo đói của Việt Nam [6]

Tác giả Nguyễn Thị Hằng (1997): “*Vấn đề xóa đói giảm nghèo ở nông thôn nước ta hiện nay*”, Nxb. Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Đói nghèo thường gây ra xung đột chính trị, xung đột giai cấp, dẫn đến bất ổn về xã hội, bất ổn về chính trị. Mọi dân tộc tuy có thể khác nhau về khuynh hướng chính trị nhưng đều có một mục tiêu là làm thế nào để quốc gia mình, dân tộc mình giàu có [7].

Đề tài nghiên cứu “*Giải pháp xóa đói giảm nghèo nhằm phát triển kinh tế - xã hội ở các tỉnh Tây Bắc – Việt Nam*” của tác giả Nguyễn Thị Nhung (2012) đã phân tích thực tiễn về XDGN tại Việt Nam trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Nghiên cứu đã tập trung làm rõ mối quan hệ giữa xóa đói giảm nghèo và phát triển kinh tế - xã hội, vai trò của xóa đói giảm nghèo đối với phát triển kinh tế - xã hội nói chung và đối với các tỉnh Tây Bắc Việt Nam nói riêng, trong đó đã chỉ ra những tác động của xóa đói giảm nghèo đến phát triển kinh tế - xã hội, xác định vai trò của xóa đói giảm nghèo đối với

việc phát triển kinh tế - xã hội: xóa đói giảm nghèo là một trong những bộ phận cấu thành quan trọng của phát triển kinh tế - xã hội nhằm khắc phục những tác động tiêu cực, trái ngược của đói nghèo đến phát triển kinh tế - xã hội. Đối với Tây Bắc, xóa đói giảm nghèo có tác động và vai trò thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Hiệu quả của xóa đói giảm nghèo càng cao thì vai trò của nó đối với phát triển kinh tế - xã hội càng lớn. Đồng thời nghiên cứu cũng chỉ ra nguyên nhân nghèo đói là tác nhân làm cản trở quá trình phát triển kinh tế - xã hội: Tây Bắc nghèo đói nổi bật lên là đặc điểm nghèo đói của đồng bào với những tập tục thói quen sản xuất nhỏ lạc hậu. Sự tụt hậu vì nghèo đói của Tây Bắc với phần lớn là đồng bào do khả năng tiếp cận với các điều kiện của phát triển hạn chế... nên đã cản trở quá trình phát triển. Do đó xóa đói giảm nghèo là tất yếu trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo và thực hiện giảm nghèo bền vững là góp phần thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững ở các tỉnh Tây Bắc Việt Nam.

Tác giả Nguyễn Thị Hoa (2011) với đề tài nghiên cứu "*Hoàn thiện các chính sách xóa đói giảm nghèo chủ yếu của Việt Nam đến 2015*" nghiên cứu chỉ ra rằng đến nay chưa có một nghiên cứu nào đưa ra được một khung lý thuyết hoàn thiện chính sách, đặc biệt là đánh giá chính sách XĐGN hoàn chỉnh. Về thực tiễn, các cá nhân hay các tổ chức phi chính phủ và nhà tài trợ dù đã thực hiện nhiều nghiên cứu về đói nghèo nhưng liên quan đến đánh giá chính sách XĐGN lại rất hạn chế. Nếu có thì cũng chỉ là chính sách riêng lẻ hoặc tập trung vào một số chính sách chính thì lại bị hạn chế về thời điểm đánh giá. Đặc biệt chưa có một nghiên cứu nào vừa đánh giá đồng thời nhiều chính sách trong suốt ba giai đoạn của chương trình XĐGN (từ năm 1998 đến nay) phục vụ cho công tác hoạch định chính sách XĐGN đến năm 2015 [8].

Tác giả Nguyễn Thị Thanh Huyền (năm 2013) với đề tài nghiên cứu "*Tác động của hội nhập quốc tế tới bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành*

thị tại Việt Nam” Luận án đã chỉ ra hội nhập có tác động đến bất bình đẳng thu nhập nông thôn – thành thị tại Việt Nam. Đặc biệt, các nhóm tỉnh có mức độ hội nhập sâu có kết quả chung với cả nước, cụ thể xuất khẩu/GDP càng tăng càng làm giảm bớt chênh lệch thu nhập giữa hai khu vực này. Trong khi đó FDI/GDP càng tăng thì càng làm tăng chênh lệch thu nhập nông thôn – thành thị tại Việt Nam. Ngoài ra, một số nhân tố khác cũng tác động đến mức chênh lệch này như tỉ lệ số hộ sử dụng internet, hay trình độ học vấn của chủ hộ đều có những tác động nhất định. Từ những phát hiện trên, luận án đưa ra một số giải pháp nhằm hạn chế chênh lệch thu nhập giữa nông thôn – thành thị tại Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế như: Thúc đẩy xuất khẩu hàng nông sản; Đa dạng hóa thu nhập cho người dân nông thôn; Ưu tiên đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp; Thúc đẩy mạnh đầu tư vào cơ sở hạ tầng nông thôn [9].

Một số nghiên cứu về phát triển cộng đồng trong giảm nghèo ở Việt Nam

Tác giả Phan Huy Đường, Đại học Quốc gia Hà Nội, “Phát triển cộng đồng: Phương pháp quan trọng của công tác xã hội trong xóa đói giảm nghèo”. Tác giả đã nêu khái quát vai trò của phát triển cộng đồng trong xóa đói giảm nghèo ở nước ta; các nguyên tắc cơ bản của phát triển cộng đồng; các phương thức của phát triển, trong đó nhấn mạnh phương thức tăng cường năng lực của cộng đồng thông qua tăng cường năng lực cho người dân tham gia nhận diện vấn đề của người nghèo; lập kế hoạch; huy động nguồn lực cộng đồng [10] .

Tác giả Nguyễn Mạnh Đôn, có bài viết trao đổi trên diễn đàn của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (đăng ngày 20/02/2005) “Một số suy nghĩ về hoạt động phát triển cộng đồng và xóa đói, giảm nghèo vùng đồng bào dân tộc”, đã khái quát 06 nguyên nhân và đề xuất các giải pháp,

trong đó có các giải pháp chủ yếu và cần được ưu tiên như: Nâng cao nhận thức và năng lực của người dân và cộng đồng; chuyển giao công nghệ theo hướng ưu tiên phù hợp đặc thù địa lý và dân tộc; xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ đời sống, sản xuất và lưu thông. Đặc biệt tác giả nhấn mạnh các hoạt động trên phải dựa trên nguyên tắc phát huy tối đa sự tham gia của người dân và cộng đồng để đảm bảo tính hiệu quả và bền vững của các chương trình, dự án; cần sử dụng phương pháp tiếp cận cho phù hợp; xây dựng khả năng hợp tác giữa người dân và cán bộ phát triển... [11]

Nghiên cứu “Phát triển cộng đồng đối với người dân tộc Dao trong xóa đói giảm nghèo từ thực tiễn xã Hồ Thầu, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu” của tác giả Nguyễn Thị Hồng Nga (2016) làm rõ thêm thực trạng nghèo và các vấn đề chung trong thực hiện giảm nghèo, cũng như hạn chế trong thực hiện phát triển cộng đồng đối với hộ nghèo. Tác giả cũng đã đưa ra một số giải pháp nhằm thực hiện hiệu quả hơn mục tiêu giảm nghèo tại cộng đồng, từ đó giúp người nghèo tiếp tục khai thác những thế mạnh sẵn như điều kiện tự nhiên, cơ sở hạ tầng cũng như các giá trị bản địa như văn hóa, đặc sản, đặc biệt tác giả đã đưa ra một số các kết nối dịch vụ và các giải pháp hỗ trợ tín dụng cho người nghèo, các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, hỗ trợ việc làm...từ đó giúp người nghèo có thêm điều kiện sản xuất vươn lên thoát nghèo [12] .

Tác giả Nguyễn Thu Thủy (2016) với nghiên cứu “*Phát triển cộng đồng đối với người trong giảm nghèo bền vững từ thực tiễn huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh*” . Trong nghiên cứu của mình, tác giả đã đưa ra lý luận về người trong thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững, cũng như trong hoạt động phát triển cộng đồng đối với người trong giảm nghèo bền vững, trong đó đã áp dụng một số lý thuyết vào trong nghiên cứu, các yếu tố ảnh hưởng và cơ sở pháp lý của phát triển cộng đồng trong giảm nghèo bền vững.

Bên cạnh đó đưa ra một số giải pháp trong các hoạt động phát triển cộng đồng; đó là: tuyên truyền, nâng cao nhận thức; hỗ trợ sinh kế; hỗ trợ cung cấp dịch vụ xã hội cơ bản (giáo dục, nước sạch và vệ sinh, nhà ở, y tế, tiếp cận thông tin) để nâng cao đời sống của đồng bào trong hoạt động giảm nghèo bền vững [13] .

Từ những kết quả nghiên cứu trên có thể thấy, các công trình nghiên cứu trên đều đề cập đến vấn đề đói nghèo dưới các góc độ khác nhau cả về lý luận và thực tiễn, các công trình đó đều nghiên cứu hoặc một phạm vi rất rộng (vĩ mô) hoặc đi vào nghiên cứu một lĩnh vực rất cụ thể của đói nghèo hay nghiên cứu đưa ra giải pháp mang tính đặc thù ở một vùng kinh tế hoặc tại một địa phương chưa cụ thể hoá vấn đề nghiên cứu trên một đối tượng cụ thể. Một số công trình, bài viết trên cho thấy, có nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề đói nghèo và gợi mở hướng giải quyết những vấn đề đói nghèo bằng phương pháp cộng đồng. Thành quả của những công trình nghiên cứu đã cung cấp những luận cứ khoa học, thực tiễn và hướng vận dụng giải quyết vấn đề này theo nhiều phương pháp, góc độ khác nhau, trong đó có phương pháp phát triển cộng đồng. Tuy nhiên, vấn đề nghiên cứu phát triển cộng đồng trong xóa đói giảm nghèo áp dụng đối với đối tượng là người nghèo trong giảm nghèo bền vững ở huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình vẫn là một khoảng trống chưa có công trình nghiên cứu được thực thi tại địa phương này. Vì vậy, đề tài mà tác giả lựa chọn để nghiên cứu có tính mới và tính cấp thiết đối với công cuộc giảm nghèo hiện nay ở tỉnh Thái Bình.

Với đề tài nghiên cứu này nhằm chỉ ra những tồn tại, hạn chế và cách khắc phục nó để phục vụ cho những mục đích cao cả hơn, phù hợp hơn, từ đó định hướng chương trình giảm nghèo xuyên suốt từ nay đến năm 2020 (giai đoạn 2016 - 2020). Đề tài “*Hoạt động Phát triển cộng đồng đối với người nghèo từ thực tiễn huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình*” góp phần giảm nghèo

bền vững cho người nghèo huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình dựa trên các hoạt động phát triển cộng đồng theo hướng chuyên nghiệp của Nghề công tác xã hội. Qua đó, góp phần không nhỏ trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống và đảm bảo quyền con người cho chính người nghèo.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu lý luận, thực trạng hoạt động phát triển cộng đồng đối với người nghèo trong giảm nghèo bền vững từ thực tiễn huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình và các yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng. Từ đó, đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động phát triển cộng đồng theo hướng công tác xã hội chuyên nghiệp tại huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Nghiên cứu những vấn đề lý luận về giảm nghèo, và phát triển cộng đồng đối với người nghèo trong giảm nghèo bền vững.

Phân tích thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động phát triển cộng đồng đối với người nghèo tại huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động phát triển cộng đồng đối với người nghèo từ thực tiễn huyện Đông Hưng nói riêng và đóng góp cho sự phát triển nghề công tác xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Bình nói chung.

4. Đối tượng khách thể và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng và khách thể nghiên cứu

4.1.1. Đối tượng nghiên cứu

Phát triển cộng đồng đối với người nghèo từ thực tiễn huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

4.1.2. Khách thể nghiên cứu

- 160 người là chủ hộ nghèo các xã nghiên cứu

- 10 người là đại diện chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể có liên quan.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi nội dung: Nghiên cứu hoạt động thực trạng phát triển cộng đồng đối với người nghèo tại huyện Đông Hưng tỉnh Thái Bình, cụ thể đó là: Các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức; hoạt động kết nối nguồn lực; hoạt động hỗ trợ các dịch vụ xã hội.

- Phạm vi không gian: 04 xã gồm xã Hồng Giang, xã Hồng Châu, xã Minh Châu và xã Phú Lương, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

- Phạm vi thời gian: từ tháng 01 năm 2018 đến tháng 9 năm 2018

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận văn sử dụng các phương pháp sau:

(1) Phương pháp luận duy vật biện chứng: Đề tài xem xét hoạt động phát triển cộng đồng đối với người nghèo trong giảm nghèo bền vững, sự tương tác trong mối quan hệ với các yếu tố môi trường và hệ thống xung quanh, đặt vấn đề trong một tổng thể.

(2) Phương pháp luận duy vật lịch sử: Đối tượng đòi hỏi khi nghiên cứu vấn đề nghèo, phải đặt chúng trong những bối cảnh lịch sử cụ thể và trên những địa bàn, vùng lãnh thổ cụ thể. Nghèo chỉ được xem xét một cách toàn diện, đầy đủ khi chúng được đặt trong một hoàn cảnh lịch sử cụ thể với những địa phương nhất định. Qua đó, các vấn đề và yếu tố liên quan trong đề tài nghiên cứu có sự so sánh, đối chiếu theo các thời kỳ lịch sử, đảm bảo tính xác thực và toàn vẹn trong trình bày kết quả nghiên cứu.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

* *Phương pháp phân tích tài liệu*

Là phương pháp thu thập thông tin và sử dụng từ các công trình nghiên cứu và các tài liệu có sẵn của các tác giả trong và ngoài nước. Phương pháp này nhằm mục đích áp dụng phân tích các tài liệu như: Báo cáo về tình hình văn hóa, kinh tế, xã hội của huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, mẫu thu thập thông tin có sẵn của huyện, các báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình, báo cáo chuyên ngành của Sở Lao động - TBXH tỉnh Thái Bình, của phòng Lao động - TBXH huyện Đông Hưng và các văn bản thể hiện quan điểm chỉ đạo của cấp Ủy chính quyền từ tỉnh, huyện đến xã, các quy định về các tiêu chí giảm nghèo của Trung ương, các chính sách trợ giúp...

** Phương pháp quan sát*

Phương pháp quan sát, là một trong những cách thức thu thập thông tin thường xuyên được sử dụng trong quá trình nghiên cứu, nhằm đánh giá mức độ tin cậy của thông tin đã thu thập bằng việc quan sát hành vi, cử chỉ, thái độ của người được phỏng vấn đặc biệt là khi tiếp xúc với hộ nghèo. Các thông tin thu được từ quan sát có thể sử dụng để đưa ra những đánh giá, nhận định về vấn đề nghèo đói, các hoạt động phát triển cộng đồng trong giảm nghèo bền vững hiện nay.

** Phương pháp điều tra bảng hỏi*

Là phương pháp điều tra xã hội học nhằm thu thập thông tin bằng cách lập một bảng hỏi cho nhóm đối tượng trong một khu vực nhất định ở một không gian, thời gian nhất định.

Trong đề tài có xây dựng một bảng hỏi là tổ hợp các câu hỏi khảo sát người nghèo về các hoạt động phát triển cộng đồng trong giảm nghèo bền vững ở địa phương và các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động này. Đối tượng của phương pháp này là 160 hộ gia đình nghèo tại 04 xã thuộc huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, đây là 4/44 xã, thị trấn của huyện, đồng thời là các xã có tỷ lệ nghèo cao nhất của huyện Đông Hưng.

Thông tin thu được từ bảng hỏi sẽ là những thông tin hữu ích nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động phát triển cộng đồng trong giảm nghèo bền vững tại địa phương.

** Phương pháp phỏng vấn sâu*

Phỏng vấn sâu là phương pháp thu thập thông tin bằng cách tác động tâm lý, xã hội một cách trực tiếp giữa người phỏng vấn và người trả lời. Phỏng vấn là phương tiện được sử dụng phổ biến trong các điều tra, nghiên cứu khoa học nhằm thu thập, khai thác thông tin từ đối tượng được phỏng vấn.

Trong quá trình nghiên cứu tác giả sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu thông qua đối thoại trực tiếp với đối tượng để điều tra. Phỏng vấn sâu là những cuộc đối thoại được lặp đi lặp lại giữa nhà nghiên cứu và người cung cấp thông tin nhằm tìm hiểu cuộc sống, kinh nghiệm và nhận thức của người cung cấp thông tin thông qua chính ngôn ngữ của người ấy.

Phương pháp này tác giả sẽ tiến hành phỏng vấn sâu 08 hộ nghèo của 4 xã về thực hiện công tác giảm nghèo tại địa phương, cơ sở nhằm bổ sung những thông tin cần thiết làm sáng tỏ thực trạng nghèo đói và những yếu tố ảnh hưởng đến tình trạng nghèo đói ở địa phương. Việc sử dụng phương pháp này nhằm mục đích hiểu sâu sắc hơn về những thuận lợi và khó khăn khi triển khai các hoạt động phát triển cộng đồng từ thực tiễn cũng như các yếu tố tác động đến hoạt động này.

** Phương pháp thảo luận nhóm:*

Thảo luận nhóm là một kỹ thuật thu thập dữ liệu phổ biến nhất, việc thu thập dữ liệu được thực hiện qua hình thức thảo luận giữa các đối tượng nghiên cứu với nhau dưới sự hướng dẫn của nhà nghiên cứu, nhằm thu thập ý kiến của các thành viên trong nhóm. Trong quá trình thảo luận luôn tìm cách đào sâu bằng cách hỏi gợi ý tiếp cho các thảo luận sâu hơn, những câu hỏi

kích thích thảo luận, đào sâu nhằm giúp thu thập dữ liệu bên trong của đối tượng, hướng đối tượng tới những vấn đề mà người nghiên cứu cần, những thông tin hữu ích thu được giúp nâng cao hiệu quả hoạt động phát triển cộng đồng trong giảm nghèo bền vững tại địa phương.

Để nghiên cứu đạt được kết quả như mong muốn, tác giả đã thực hiện 01 cuộc thảo luận nhóm với các đối tượng: Đại diện chính quyền địa phương (cơ quan thường trực BCĐ giảm nghèo huyện), cán bộ Lao động - TBXH và đại diện trưởng thôn của 4 xã, trong đó sử dụng các công cụ thu thập thông tin để hiểu biết cộng đồng, các hoạt động phát triển cộng đồng trong xóa đói giảm nghèo và xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động phát triển cộng đồng trong giảm nghèo bền vững tại địa phương. Đây chính là cơ sở giúp tác giả xây dựng các giải pháp can thiệp, nhằm góp phần nâng cao hiệu quả phát triển cộng đồng đối với người nghèo trong giảm nghèo bền vững ở huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

** Phương pháp xử lý bằng số liệu thống kê toán học.*

6. Những đóng góp mới của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Nghiên cứu của đề tài sẽ làm phong phú thêm hệ thống lý luận phát triển cộng đồng đối với người nghèo trong giảm nghèo tại huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình nói riêng, Việt Nam nói chung. Kết quả nghiên cứu một lần nữa góp phần khẳng định thêm cơ sở lý luận về phát triển cộng đồng đối với người nghèo trong giảm nghèo bền vững hiện nay: Các khái niệm người nghèo, nghèo đa chiều, công tác xã hội, phát triển cộng đồng trong giảm nghèo; các quan điểm về giảm nghèo; các tiêu chí, chỉ tiêu đo lường nghèo; hoạt động phát triển cộng đồng đối với người giảm nghèo và các nguyên nhân dẫn đến nghèo, yếu tố ảnh hưởng... Đề tài cũng làm rõ thêm vai trò của Nghề công tác xã hội trong việc giải quyết những vấn đề giảm nghèo hiện nay.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Đánh giá những hoạt động phát triển cộng đồng đối với người nghèo trong giảm nghèo, phân tích những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân trong quá trình hoạt động giảm nghèo tại huyện Đông Hưng.

Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động phát triển cộng đồng đối với người nghèo trong giảm nghèo tại huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, đảm bảo sự công bằng và tiến bộ xã hội.

Đây có thể coi là nguồn tài liệu tham khảo đối với các cơ quan, tổ chức các địa phương để thực hiện có hiệu quả phát triển cộng đồng trong giảm nghèo ở những địa bàn có tỉ lệ nghèo cao.

7. Kết cấu luận văn

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và các phụ lục, luận văn được chia thành 3 chương sau:

Chương 1. Những vấn đề lý luận về phát triển cộng đồng đối với người nghèo

Chương 2. Thực trạng và phát triển cộng đồng đối với người nghèo tại huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

Chương 3: Giải pháp, kiến nghị.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG ĐỐI VỚI NGƯỜI NGHÈO

1.1. Một số khái niệm cơ bản

1.1.1. Nghèo và người nghèo

Quan niệm về nghèo của từng quốc gia hay từng vùng, từng nhóm dân cư, nhìn chung không có sự khác biệt đáng kể. Tiêu chí chung nhất để xác định nghèo đói vẫn là mức thu nhập hay chi tiêu để thỏa mãn những nhu cầu cơ bản của con người về ăn, mặc, ở, y tế, giáo dục, văn hóa, đi lại và giao tiếp xã hội. Sự khác nhau chỉ là thỏa mãn ở mức cao hay thấp mà thôi. Điều này phụ thuộc vào trình độ phát triển KTXH cũng như phong tục tập quán của từng vùng, từng quốc gia.

Nhà kinh tế học Mỹ Galbraith quan niệm: *“Con người bị coi là nghèo khổ khi mà thu nhập của họ, ngay dù khi thích đáng để họ có thể tồn tại, rơi xuống rõ rệt dưới mức thu nhập của cộng đồng. Khi đó họ không thể có những gì mà đa số trong cộng đồng coi như các cần thiết tối thiểu để sống một cảnh đúng mức”*.

Hội nghị chống đói nghèo khu vực Châu Á - Thái Bình Dương do ESCAP tổ chức tại Băng Cốc, Thái Lan tháng 9/1993 đã đưa ra khái niệm: *nghèo là tình trạng một bộ phận dân cư không được hưởng và thỏa mãn các nhu cầu cơ bản của con người mà những nhu cầu này đã được xã hội thừa nhận tùy theo trình độ phát triển KTXH và phong tục tập quán của địa phương*.

Ủy ban này cũng đưa ra hai khái niệm nghèo tuyệt đối và nghèo tương đối:

Nghèo tuyệt đối là tình trạng một bộ phận dân cư không có khả năng thỏa mãn các nhu cầu cơ bản ở mức tối thiểu nhằm duy trì cuộc sống.

Nghèo tương đối là tình trạng một bộ phận dân cư có mức sống dưới mức trung bình của cộng đồng.

Robert Mc Namara - Nguyên Tổng giám đốc World Bank (WB) đưa ra quan điểm về nghèo đói như sau: nghèo là một khái niệm đa chiều vượt khỏi phạm vi túng thiếu về vật chất; nghèo không chỉ gồm các chỉ số dựa trên thu nhập mà còn gồm các vấn đề liên quan đến năng lực như: dinh dưỡng, sức khỏe, giáo dục, khả năng dễ bị tổn thương, không có quyền phát ngôn và không có quyền lực. Đây chính là cách tiếp cận đa chiều về khái niệm nghèo. Như vậy, quan điểm tiếp cận mới về nghèo không chỉ đề cập đơn thuần đến thu nhập mà cần phải hiểu nghèo là một vấn đề đa khía cạnh.

Như vậy, quan điểm tiếp cận mới về nghèo không chỉ đề cập đơn thuần đến thu nhập mà cần phải hiểu nghèo là một vấn đề đa khía cạnh.

Các khía cạnh của đói nghèo:

- Về thu nhập và tài sản:

Đa số những người nghèo có cuộc sống rất khó khăn, cực khổ. Họ có mức thu nhập thấp. Điều này do tính chất công việc của họ đem lại. Người nghèo thường làm những công việc đơn giản, lao động chân tay nhiều, công việc cực nhọc nhưng thu nhập chẳng được là bao. Hơn thế nữa, những công việc này lại thường rất bấp bênh, không ổn định, nhiều công việc phụ thuộc vào thời vụ và có tính rủi ro cao do liên quan nhiều đến thời tiết (chẳng hạn như mưa, nắng, lũ lụt, hạn hán, động đất...). Các nghề thuộc về nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp là những ví dụ cho vấn đề này. Do thu nhập thấp nên việc chi tiêu cho cuộc sống của những người nghèo là rất hạn chế. Hầu hết các nhu cầu cơ bản, tối thiểu của con người như cái ăn, cái mặc, chỗ ở chỉ được đáp ứng với mức độ rất thấp, thậm chí còn không đủ. Nhiều người rơi vào cảnh thiếu ăn liên miên: chưa nói đến vấn đề đủ dinh dưỡng, riêng việc đáp ứng lượng calo cần thiết, tối thiểu cho con người để có thể duy trì hoạt

động sống bình thường họ cũng chưa đáp ứng được, hoặc đáp ứng một cách khó khăn. Điều này đã kéo theo hàng loạt các vấn đề khác như làm giảm sức khỏe của người nghèo, do đó giảm năng suất lao động, từ đó giảm thu nhập... cứ như thế, nó đã tạo nên vòng luẩn quẩn mà người nghèo rất khó thoát ra được.

Thu nhập thấp đã tạo nên tình trạng thiếu tài sản ở những người nghèo. Tài sản ở đây có thể là tài sản vật chất, tài sản con người, tài sản tự nhiên, tài sản tài chính, tài sản xã hội. Tài sản con người thể hiện ở khả năng có được sức lao động cơ bản, kỹ năng và sức khỏe tốt.

Bên cạnh đó, do thu nhập thấp nên người nghèo không thể đáp ứng một cách đầy đủ nhu cầu về lương thực thực phẩm. Ăn uống cực kì thiếu thốn cộng với lao động nặng nề đã làm giảm sức khỏe của người nghèo do đó cũng không đảm bảo được các kỹ năng cũng như sức lao động cơ bản.

Tài sản tự nhiên như đất đai, thiếu tài sản tự nhiên có nghĩa là thiếu, không có hoặc có nhưng đất đai quá cằn cỗi, không thể canh tác được.

Tài sản vật chất ở đây như nhà ở, phương tiện sản xuất - người nghèo có rất ít hoặc hầu như không có các phương tiện sản xuất. Điều này đã hạn chế khả năng lao động của họ, làm họ khó khăn hơn nhiều so với những người có đủ phương tiện sản xuất nó cũng làm giảm thu nhập của họ.

Còn về nhà ở, đại đa số người nghèo sống trong những căn nhà tạm bợ, dột nát, chật chội. Nhiều căn nhà không đủ đảm bảo an toàn, không bảo đảm sức khỏe cho những người sống trong đó. Do không có những tài sản giá trị để bảo đảm nên người nghèo cũng có rất ít khả năng tiếp cận với các tổ chức cho vay vốn, do thu nhập thấp nên người nghèo cũng không có khả năng tiết kiệm nhiều. Đó chính là thiếu hụt tài sản tài chính.

Về tài sản xã hội, người nghèo cũng bị hạn chế do chính hoàn cảnh của họ tạo nên. Kinh tế khó khăn, lo lắng đến từng bữa ăn hàng ngày khiến cho

người nghèo không quan tâm hoặc không có khả năng cũng như điều kiện để chăm chút đến các mối quan hệ xã hội của mình. Mặt khác, sự bó hẹp về kinh tế cũng khiến cho họ ít tham gia vào các tổ chức, nhóm nào do đó người nghèo dần bị cô lập và do đó khó nhận được sự giúp đỡ từ các nhóm, hội khi gặp khó khăn.

- Y tế - giáo dục:

Những người nghèo có nguy cơ mắc phải các bệnh thông thường cao như ốm đau, các bệnh về đường giao tiếp, tình trạng sức khỏe không được tốt do ăn uống không đảm bảo, lao động cực nhọc. Người nghèo thường sống ở những vùng có điều kiện vệ sinh, y tế thấp, còn nhiều hạn chế, chẳng hạn, họ không được sử dụng nguồn nước sạch, không có công trình phụ hợp vệ sinh, điều này cũng làm giảm đáng kể sức khỏe của họ. Nó đã dẫn đến tình trạng tỷ lệ chết của trẻ sơ sinh trong nhóm hộ nghèo, số trẻ bị suy dinh dưỡng và số bà mẹ mang thai thiếu máu rất cao. Có điều này là do người nghèo có thu nhập thấp, không đủ trả khoản tiền viện phí lớn cũng như các chi phí thuốc men khác, thêm vào đó có thể do đối xử bất bình đẳng trong xã hội, người nghèo không được quan tâm chữa trị bằng người giàu nên tỷ lệ tiếp cận các dịch vụ y tế của người nghèo là rất thấp. Bên cạnh đó, do nhận thức của người nghèo, họ thường không quan tâm lắm bệnh tật của mình, khi bị bệnh họ thường cố tự chạy chữa bằng mọi biện pháp rẻ tiền, chỉ đến khi bệnh trở nên trầm trọng họ mới vào viện vì vậy việc điều trị đem lại hiệu quả không cao mà còn tốn thêm nhiều khoản tiền không đáng có.

Tình trạng giáo dục đối với người nghèo cũng là vấn đề đáng thất vọng. Hầu hết những người nghèo không đủ điều kiện học đến nơi đến chốn. Tỷ lệ thất học, mù chữ ở hộ nghèo, đói cao. Có tình trạng như vậy là do các gia đình này không thể trang trải được các chi phí về học tập của con cái họ như tiền học phí, tiền sách vở... đi học, họ sẽ mất đi một lao động trong gia đình.

Những người nghèo cũng đã nhận thức rõ được tầm quan trọng của học thức với nghèo đói nhưng vấn đề học phí của con em họ quả là vấn đề quá khó khăn với tình hình tài chính của gia đình. Và chính từ việc mất đi cơ hội với giáo dục này, người nghèo đã khiến cho chính bản thân họ mất đi nhiều cơ hội trong cuộc sống liên quan đến công việc tăng thu nhập cũng như các cơ hội khác.

Tóm lại, y tế - giáo dục là vấn đề được nhiều người nghèo quan tâm, họ cũng đã hiểu rõ tầm quan trọng của các yếu tố này tới bản thân họ cũng như tương lai của họ và gia đình nhưng do thu nhập thấp, không đủ trang trải, học phí, viện phí, họ đành phải để con cái thôi học, người bệnh không được khám và chữa chạy đúng mức, kịp thời, hầu hết các người nghèo không được tiếp cận với các dịch vụ y tế. Điều này đã làm ảnh hưởng đến sức khoẻ của họ, giảm sức khoẻ cũng như hạn chế cơ hội phát triển của các thế hệ sau.

- Nguy cơ dễ bị tổn thương:

Ở những người nghèo, nguy cơ dễ bị tổn thương là nhân tố luôn đi kèm với sự khốn cùng về vật chất và con người. Vậy nguy cơ dễ bị tổn thương là gì? Nó chính là nguy cơ mà người nghèo phải đối mặt với nhiều loại rủi ro như bị ngược đãi, đánh đập, thiên tai, bị thôi việc, phải nghỉ học... Nói cách khác, những rủi ro mà người nghèo phải đối mặt do tình trạng nghèo hèn của họ chính là nguyên nhân khiến họ rất dễ bị tổn thương. Những người nghèo do tài sản ít, thu nhập thấp, họ chỉ có thể trang trải hạn chế, tối thiểu các nhu cầu thiết yếu nhất của cuộc sống. Vì vậy, khi rủi ro xảy ra họ rất dễ bị tổn thương và rất khó vượt qua được các cú sốc có hại, những cú sốc mang tính tạm thời mà những người có nhiều tài sản hơn dễ dàng vượt qua được. Do thu nhập thấp, người nghèo có rất ít khả năng tiếp cận với các cơ hội tăng trưởng kinh tế, vì thế họ thường phải bỏ thêm các chi phí không đáng có hoặc giảm thu nhập. ở các hộ nghèo, khi có rủi ro xảy ra như mất cắp hay có người

bị ốm đau thì họ dễ bị rơi vào tình trạng khủng hoảng, làm đảo lộn cuộc sống của cả gia đình mà một thời gian lâu sau mới có thể phục hồi được. Cũng có khi việc khắc phục những rủi ro trong ngắn hạn có thể làm trầm trọng thêm sự khốn cùng của họ trong dài hạn. Chẳng hạn, ví dụ trên, do thiếu tài sản nên để chạy chữa cho một người bị ốm, gia đình đã buộc phải quyết định cho một đứa con nghỉ học hay họ phải bán trâu, bò, ngựa... những phương tiện lao động cần thiết của gia đình. Cũng có thể người bệnh thì không khỏi được còn gia đình từ cảnh khá giả rơi vào cảnh khốn cùng. Như vậy, nếu có thêm một vài sự kiện nghiêm trọng nữa xảy ra thì sự suy sụp đến cùng kiệt là điều khó tránh khỏi với người nghèo.

Nguy cơ dễ bị tổn thương đã tạo nên một tâm lý chung của người nghèo là sợ phải đối mặt với rủi ro, vì vậy họ luôn né tránh với những vấn đề mang tính rủi ro cao, kể cả khi điều đó có thể đem lại nhiều lợi ích cho họ nếu thành công (ví dụ đầu tư vào giống lúa mới, áp dụng phương thức sản xuất mới...) chính điều này đã làm họ sống tách biệt với xã hội bị cô lập dần với guồng quay của thị trường và do vậy cuộc sống của họ càng trở nên bần cùng hơn.

- Không có tiếng nói và quyền lực:

Những người nghèo thường bị đối xử không công bằng, bị gạt ra ngoài lề xã hội do vậy họ thường không có tiếng nói quyết định trong các công việc chung của cộng đồng cũng như các công việc liên quan đến chính bản thân họ. Trong cuộc sống những người nghèo chịu nhiều bất công do sự phân biệt đối xử, chịu sự thô bạo, nhục mạ, họ bị tước đi những quyền mà những người bình thường khác nghiệm nhiên được hưởng. Người nghèo luôn cảm thấy bị sống phụ thuộc, luôn nom nớp lo sợ mọi thứ, trở nên tự ti, không kiểm soát được cuộc sống của mình. Mặt khác, những yếu tố như không có điều kiện về mặt giáo dục khiến cho kiến thức xã hội và kỹ năng của người nghèo trong

việc tham gia, thương lượng, cũng như yêu cầu sự thay đổi đối với các bên liên quan và những thể chế có ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của họ trở nên khó khăn. Và trong hoàn cảnh nghèo, những đối tượng không có tiếng nói, quyền lực cũng như mất đi nhiều cơ hội nhất là phụ nữ và trẻ em. Họ bị đối xử bất bình đẳng trong chính gia đình của họ. Người phụ nữ không có quyền quyết định việc gì và phải phụ thuộc hoàn toàn vào người chồng của mình.

Ở Việt Nam, vấn đề đói nghèo được quan tâm và đặc biệt chú ý từ sau năm 1990 khi sự phân hóa giàu nghèo ngày càng trở nên rõ rệt. Việt Nam mới thoát ra khỏi danh sách những nước nghèo, tuy nhiên, thu nhập bình quân đầu người vẫn thấp hơn so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Qua nhiều cuộc khảo sát, nghiên cứu, khái niệm nghèo đói được công nhận phổ biến là:

Nghèo là tình trạng một bộ phận dân cư chỉ có khả năng thỏa mãn một phần các nhu cầu cơ bản của con người và có mức sống ngang bằng với mức sống tối thiểu của cộng đồng xét trên mọi phương diện.

Tiêu chí xác định hộ nghèo và cận nghèo được xác định theo từng giai đoạn khác nhau.

Chuẩn nghèo mới nhất được áp dụng theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020.

** Khái niệm về nghèo đa chiều*

Theo Amartya Kumar Sen, nhà Kinh tế học Ấn Độ (đoạt giải Nobel Kinh tế): để tồn tại, con người cần có những nhu cầu vật chất và tinh thần tối thiểu; dưới mức tối thiểu này, con người sẽ bị coi là đang sống trong nghèo nàn [14].

Hội nghị thượng đỉnh thế giới về phát triển xã hội tổ chức năm 1995 đưa định nghĩa về nghèo: "Người nghèo là tất cả những ai mà thu nhập thấp hơn dưới một đô la mỗi ngày cho mỗi người, số tiền được coi như đủ để mua những sản phẩm cần thiết để tồn tại".

Còn nhóm nghiên cứu của Chương trình phát triển Liên Hợp Quốc, Quỹ dân số Liên Hợp Quốc, Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc trong công trình "Xoá đói giảm nghèo ở Việt Nam-1995" đã đưa ra định nghĩa: "Nghèo là tình trạng thiếu khả năng trong việc tham gia vào đời sống quốc gia, nhất là tham gia vào lĩnh vực kinh tế".

Trong "*Báo cáo về tình hình phát triển thế giới - Tấn công nghèo đói*" năm 2000, Ngân hàng thế giới thừa nhận quan điểm truyền thống hiện nay về đói nghèo: *Đói nghèo "không chỉ bao hàm sự khốn cùng về vật chất (được đo lường theo một khái niệm thích hợp về thu nhập hoặc tiêu dùng) mà còn là sự hưởng thụ thiếu thốn về giáo dục và y tế"*. Báo cáo đã mở rộng quan điểm về đói nghèo khi tính đến cả nguy cơ dễ bị tổn thương, dễ gặp rủi ro của người nghèo. Báo cáo nêu bật "*nghèo có nghĩa là không có nhà cửa, quần áo, ốm đau và không ai chăm sóc, mù chữ và không được đến trường*". Báo cáo chỉ ra "*người nghèo đặc biệt dễ bị tổn thương trước những sự biểu hiện bất lợi nằm ngoài khả năng kiểm soát của họ. Họ thường bị các thể chế của nhà nước và xã hội đối xử tàn tệ, bị gạt ra rìa và không có tiếng nói quyền lực trong các thể chế đó*" [15]

Các khái niệm trên cho thấy sự thống nhất cao của các quốc gia, các tổ chức quốc tế cho rằng *nghèo là một hiện tượng đa chiều, tình trạng nghèo cần được nhìn nhận là sự thiếu hụt/không được thỏa mãn các nhu cầu cơ bản của con người*.

Vì vậy, nghèo đa chiều có thể được hiểu là tình trạng con người không được đáp ứng ở mức tối thiểu một số nhu cầu cơ bản trong cuộc sống.

Hiện nay, Việt Nam đã áp dụng phương pháp đo lường nghèo đa chiều để đo lường nghèo trong giai đoạn 2016-2020 với 05 chiều thiếu hụt và 10 chỉ số đo lường thiếu hụt cụ thể:

+ 05 chiều thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản: tiếp cận về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, tiếp cận thông tin. Cùng với đó là 10 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản bao gồm (1) trình độ giáo dục của người lớn; (2) tình trạng đi học của trẻ em; (3) tiếp cận các dịch vụ y tế; (4) bảo hiểm y tế; (5) chất lượng nhà ở; (6) diện tích nhà ở bình quân đầu người; (7) nguồn nước sinh hoạt; (8) loại hồ xí/nhà tiêu; (9) sử dụng dịch vụ viễn thông; (10) tài sản phục vụ tiếp cận thông tin.

Nghèo đói là hiện tượng phổ biến ở nông thôn Việt Nam với khoảng 90% số người nghèo sống ở nông thôn và chủ yếu tham gia hoạt động nông nghiệp. Tỷ lệ nghèo đói chung ở vùng nông thôn là khoảng 22%, ở vùng đô thị khoảng 10%, và ở vùng đồng bào khoảng 40%, có nơi tới 60%. (Báo cáo kinh tế năm 2017).

Giảm nghèo là một trong những chính sách xã hội cơ bản và ưu tiên của Đảng và Chính phủ Việt Nam. Trong nhiều năm qua, Chính phủ đã cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng bằng những cơ chế, chính sách, chương trình, kế hoạch, dự án hằng năm. Nhiều chương trình, dự án phát triển kinh tế-xã hội vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc, vùng đặc biệt khó khăn, đã và đang được chính phủ Việt Nam cho phép triển khai có kết quả và đã được cộng đồng quốc tế đánh giá cao. Tuy nhiên, do được triển khai với các nguồn tài chính khác nhau và bởi các tổ chức khác nhau, hiệu quả của các chương trình, dự án rất khác nhau. Vậy, làm thế nào để nâng cao hiệu quả triển khai các chương trình, dự án phát triển cộng đồng và xóa đói, giảm nghèo vùng đồng bào.

Nguyên nhân đói nghèo được đánh giá từ các góc độ khác nhau. Theo người dân ở các vùng khó khăn thì các nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng đói nghèo của họ là:

1. Trình độ văn hóa thấp.
2. Thiếu tư liệu sản xuất, đặc biệt là đất canh tác. ở nhiều nơi, người dân chưa được trao quyền sử dụng tư liệu sản xuất là rừng và đất rừng
3. Thiếu cơ hội tiếp xúc với môi trường bên ngoài, thiếu kiến thức khoa học-kỹ thuật và khả năng tiếp thu kỹ năng lao động mới.
4. Thiếu nguồn vốn đầu tư cho sản xuất ở mức tối thiểu và thiếu kinh nghiệm sử dụng nguồn vốn.
5. Thiếu định hướng phát triển hợp lý, lâu dài.
6. Lưu thông phân phối yếu, chưa có nơi tiêu thụ hàng hóa ổn định và công nghệ sau thu hoạch yếu kém.

Tuy nhiên, theo đánh giá của các ban, ngành ở trung ương, nguyên nhân chủ yếu gây nên tình trạng đói nghèo ở đồng bào được xếp vào 3 nhóm chính.

1. Do điều kiện tự nhiên không thuận lợi như địa hình phức tạp, giao thông khó khăn, khí hậu khắc nghiệt, thiên tai (bão lụt, sâu bệnh...), đất cằn cỗi gây cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội.
2. Do năng lực chủ quan của người nghèo như thiếu vốn, thiếu kiến thức làm ăn, đông con, mắc các tệ nạn xã hội hay lười lao động.
3. Nhóm nguyên nhân thuộc về cơ chế, chính sách: Các chính sách về đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho khu vực khó khăn, chính sách khuyến khích sản xuất, vốn tín dụng, hướng dẫn cách làm ăn, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, chính sách giáo dục, y tế, định canh, định cư..., thiếu hoặc không đồng bộ; nguồn lực đầu tư cho vùng nghèo, xã nghèo còn hạn chế, hiệu quả thấp, thậm chí còn có cả những thất thoát, tiêu cực...

Vậy, trong ba nhóm nguyên nhân này, nên có các nhóm giải pháp ưu tiên tương ứng và nên tác động vào nhóm nguyên nhân nào trước hoặc tiến hành đồng thời cả ba nhóm giải pháp? Đây là vấn đề phức tạp và rất cần có lời giải thích hợp trong điều kiện kinh phí hỗ trợ có hạn, nhân lực triển khai không đủ mạnh cả về số lượng và chất lượng, không thể triển khai cả ba nhóm giải pháp được. Để giải quyết vấn đề đói nghèo vùng đồng bào dân tộc và giảm khoảng cách về phát triển kinh tế-xã hội giữa đồng bằng và miền núi, Đảng và Chính phủ đã có nhiều chính sách ưu tiên phát triển kinh tế-xã hội miền núi. Tại Văn kiện Đại hội IX của Đảng Cộng sản Việt Nam, Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2001-2010 của Việt Nam đã chọn mục tiêu "Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần của nhân dân; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh được tăng cường; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản; vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao".

1.1.2. Công tác xã hội.

Từ khi ra đời đến nay, có rất nhiều các khái niệm khác nhau về CTXH, trong đó nổi bật lên là các khái niệm sau :

Theo Hiệp hội Quốc gia NVCTXH (NASW): Công tác xã hội là hoạt động nghề nghiệp giúp đỡ các cá nhân, nhóm hay cộng đồng để nhằm nâng cao hay khôi phục tiềm năng của họ để giúp họ thực hiện chức năng xã hội và tạo ra các điều kiện xã hội phù hợp với các mục tiêu của họ (Zastrow, 1996: 5). CTXH tồn tại để cung cấp các dịch vụ xã hội mang tính hiệu quả và nhân đạo cho cá nhân, gia đình, nhóm, cộng đồng và xã hội giúp họ tăng năng lực và cải thiện cuộc sống (Zastrow, 1999) [16]

Theo Foundation of Social Work Practice (Cơ sở thực hành công tác xã hội): công tác xã hội là một khoa học ứng dụng để giúp đỡ mọi người vượt qua khó khăn của họ và đạt được vị trí ở mức độ phù hợp trong xã hội. Công tác xã hội được coi như là một môn khoa học vì nó dựa trên những luận chứng khoa học và những cuộc nghiên cứu đã được chứng minh, nó cung cấp một lượng kiến thức có cơ sở thực tiễn cho công tác xã hội và xây dựng những kỹ năng chuyên môn hoá [17]

Theo F.LuLu Pablo - Bộ trưởng bộ xã hội Philippin, chuyên gia tư vấn cho dự án “*Tư pháp vị thành niên*” của Radda Barnen: công tác xã hội vừa là một nghệ thuật, vừa là một môn khoa học, là một nghề chuyên môn giúp con người giải quyết những vấn đề của cá nhân, của nhóm (đặc biệt gia đình), của cộng đồng và để đạt được những mối quan hệ thoả đáng về cá nhân, nhóm, cộng đồng thông qua các hoạt động xã hội như: công tác xã hội cá nhân, công tác xã hội nhóm, tổ chức cộng đồng, quản lý xã hội và nghiên cứu [18] .

Theo Joanf Robertson – chủ nhiệm khoa công tác xã hội trường Đại học Wisconsin – Hoa Kỳ: công tác xã hội là một quá trình giải quyết vấn đề hợp lý nhằm thay đổi theo kế hoạch, hướng tới mục tiêu đã đề ra ở các cấp độ cá nhân, gia đình, nhóm, tổ chức, cộng đồng và chính sách xã hội

Tác giả Nguyễn Thị Oanh (trích từ tài liệu hội thảo 2004): Định nghĩa cổ điển: CTXH nhằm giúp cá nhân và cộng đồng TỰ GIÚP. Nó không phải là một hành động ban bố của từ thiện mà nhằm phát huy sứ mệnh của hệ thống thân chủ (cá nhân, nhóm và cộng đồng) để họ tự giải quyết vấn đề của mình.

Theo đề án 32 của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam: CTXH góp phần giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa con người và con người, hạn chế phát sinh các vấn đề xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của thân chủ xã

hội, hướng tới một xã hội lành mạnh, công bằng, hạnh phúc cho người dân và xây dựng hệ thống an sinh xã hội tiên tiến.

Có nhiều khái niệm, quan điểm khác nhau về công tác xã hội vừa trình bày trên, chúng ta có thể nội hàm cơ bản của CTXH qua những nội dung cơ bản sau:

- Tính chất hoạt động: Có tính chuyên nghiệp và ở trình độ phát triển cao

- Nguyên lý và phương thức hoạt động: Dựa vào quyền con người và mối quan hệ giữa con người và hoàn cảnh xã hội của họ.

- Đối tượng tác động: Giúp đỡ cá nhân, gia đình, nhóm người, cộng đồng và cả xã hội đạt được sự thay đổi và giải quyết được vấn đề.

- Mục tiêu của việc tác động: Vì hạnh phúc của người dân và an sinh của xã hội.

Công tác xã hội được quan tâm và bao hàm những tương tác giữa cá nhân và các thiết chế xã hội có ảnh hưởng đến khả năng của con người thực hiện các nhiệm vụ của họ, hiện thực hoá những mong ước và các giá trị, xoá bỏ căng thẳng. Những tương tác này giữa những cá nhân và thiết chế xã hội xảy ra trong bối cảnh về những cái tốt của xã hội trên bình diện rộng hơn. Có 3 mục tiêu mà công tác xã hội hướng đến: thứ nhất, làm tăng cường cách giải quyết vấn đề, đối mặt với các vấn đề khó khăn và khả năng phát triển của con người; thứ hai, thúc đẩy hoạt động có hiệu quả của con người với các hệ thống cung cấp nguồn lực và dịch vụ; thứ ba, liên kết mọi người với các hệ thống có thể cung cấp cho họ dịch vụ, nguồn lực và cơ hội. Qua những đánh giá trên, một lần nữa cần khẳng định công tác xã hội là một ngành khoa học, là một lĩnh vực hoạt động chuyên môn, nó ra đời, tồn tại và phát triển nhằm thay đổi, cải tạo thực tiễn xã hội đang thay đổi.

Công tác xã hội là hoạt động chuyên nghiệp được thực hiện dựa trên nền tảng khoa học chuyên ngành nhằm hỗ trợ đối tượng có vấn đề xã hội (cá nhân, nhóm, cộng đồng) giải quyết vấn đề gặp phải, cải thiện hoàn cảnh, vươn lên hòa nhập xã hội theo hướng tích cực, bền vững. Công tác xã hội vừa là một khoa học xã hội ứng dụng vừa là một nghề nghiệp chuyên môn được hình thành từ cuối thế kỷ XIX, cho đến nay đã phát triển rộng khắp trở thành ngành khoa học và nghề chuyên môn phổ biến ở hầu hết các quốc gia trên thế giới. Công tác xã hội có vị trí và vai trò quan trọng trong xã hội hiện đại. Công tác xã hội có cơ sở lý luận, nội dung, phương pháp tác nghiệp không ngừng được hoàn thiện cả về phương diện lý thuyết và thực tiễn. Mục tiêu của Công tác xã hội là giúp cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng có “vấn đề xã hội”, bị yếu thế, không đảm bảo được một hay một số chức năng xã hội có thể nhận thức, giải quyết “vấn đề” của mình và vươn lên trong cuộc sống, hoà nhập với cộng đồng góp phần ổn định, thúc đẩy xã hội phát triển. Công tác xã hội có đối tượng đa dạng và phạm vi tác động rộng lớn, liên quan đến mọi tầng lớp dân cư, mọi tổ chức, ngành nghề trong xã hội. Trong đó có một số lĩnh vực cần sự quan tâm đặc biệt của công tác xã hội hiện nay như công tác xã hội gia đình và trẻ em; phát triển cộng đồng và xóa đói giảm nghèo; phòng ngừa tội phạm và giải quyết các tệ nạn xã hội; nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội và đoàn thể nhân dân; đoàn kết dân tộc, tôn giáo; công tác xã hội trong học đường; công tác xã hội với người khuyết tật, người lang thang, trẻ em mồ côi, người già cô đơn, người có vấn đề về sức khoẻ tâm thần, người có HIV/AIDS...

Từ những phân tích trên, trong nghiên cứu của mình, chúng tôi sử dụng khái niệm sau:

Công tác xã hội được định nghĩa như là một khoa học, một nghề nghiệp chuyên nghiệp, hoạt động áp dụng những kiến thức, quan điểm xã hội và kỹ

năng chuyên môn để thực hiện chỉ thị của xã hội trong việc cung cấp các dịch vụ đảm bảo sự an sinh và đáp ứng nhu cầu của các thành viên. Công tác xã hội tìm cách tăng cường chức năng xã hội của cá nhân và nhóm bằng các hoạt động tập trung vào các quan hệ xã hội của họ, tạo nên sự tương tác giữa con người với môi trường xung quanh. Những hoạt động này có thể được nhóm thành 3 chức năng: Phục hồi chức năng bị suy thoái, cung cấp các nguồn năng lực cá nhân và xã hội và ngăn chặn sự suy thoái chức năng xã hội. Công tác xã hội là hoạt động nghề nghiệp giúp đỡ các cá nhân, nhóm hay cộng đồng để nhằm nâng cao hay khôi phục tiềm năng của họ để giúp họ thực hiện chức năng xã hội và tạo ra các điều kiện xã hội phù hợp với các mục tiêu của họ, để họ tự giải quyết vấn đề của mình và vươn lên hòa nhập với cộng đồng, phát triển bền vững

1.1.3. Nhân viên Công tác xã hội

Trong khái niệm về Công tác xã hội - Vào tháng 7 năm 2000, tại Hội nghị Quốc tế Montreal, Canada, Liên đoàn Chuyên nghiệp Xã hội Quốc tế (IFSW) đã đề cập đến khái niệm về NVCTXH như sau: Nhân viên CTXH (hay được gọi là nhân viên xã hội –NVXH) là những tác nhân đổi mới trong xã hội, trong đời sống của các cá nhân, gia đình, cộng đồng mà họ phục vụ [19] .

Tác giả Bùi Thế Cường, nhân viên xã hội là một nhà chuyên môn bên cạnh các nhà chuyên môn khác. NVXH hay Tác viên phát triển, một dạng nhân viên xã hội, còn được gọi là “tác nhân đổi mới” (change agent) là một nhà phân tích, tổ chức, xúc tác, vận động giáo dục quần chúng. [20]

Tác giả Mai Kim Thanh, Nhân viên công tác xã hội với các kỹ năng được đào tạo về chuyên môn và các kinh nghiệm nghề nghiệp là người trực tiếp làm việc để đạt được các mục đích được định rõ và do nghề công tác xã hội đặt ra bằng cách vận dụng các phương pháp, kỹ năng cơ bản trong công

tác xã hội để làm cho đối tượng có khả năng đáp ứng nhu cầu, giải quyết điều chỉnh những vấn đề đang đặt ra của mình cho phù hợp với sự thay đổi mô hình xã hội. [21]

Theo khoa Xã hội học và CTXH trường Đại học Đà Lạt : Nhân viên xã hội (Social Workers) là những người được đào tạo một cách chuyên nghiệp về công tác xã hội mà hành động của họ nhằm mục đích tối ưu hóa sự thực hiện vai trò của con người trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần tích cực vào cải thiện, tăng cường chất lượng cuộc sống của cá nhân, nhóm và cộng đồng.

Như vậy trong nghiên cứu này thì Khái niệm nhân viên CTXH được hiểu như sau: Nhân viên công tác xã hội là người được đào tạo một cách chuyên nghiệp và sử dụng những kiến thức và kỹ năng của mình để cung cấp các dịch vụ xã hội cho các thân chủ (những người này có thể là cá nhân, gia đình, nhóm, cộng đồng), nhân viên công tác xã hội sẽ giúp những thân chủ tăng cường khả năng giải quyết và đối phó với các vấn đề của mình cũng như giúp họ trong việc tiếp cận các nguồn lực, thiết lập những mối quan hệ thuận lợi giữa họ và môi trường của họ, đồng thời giúp cho xã hội thấy rõ trách nhiệm của mình đối với sự phát triển chung của xã hội, qua đó có những ảnh hưởng đến sự phát triển của chính sách xã hội.

Vai trò của nhân viên công tác xã hội

Có thể thấy rằng có nhiều nghiên cứu về vai trò của nhân viên công tác xã hội và từ đó cũng có nhiều quan điểm về vai trò của đối tượng này. Tựu chung lại trong những nghiên cứu ấy đều có những điểm chung về vai trò của nhân viên công tác xã hội như sau:

- Vai trò là người vận động nguồn lực: là người hỗ trợ thân chủ (cá nhân, gia đình, cộng đồng...) tìm kiếm nguồn lực (nội lực, ngoại lực) cho giải quyết vấn đề. Nguồn lực có thể bao gồm về con người, về cơ sở vật chất, về

tài chính, kỹ thuật, thông tin, sự ủng hộ về chính sách, chính trị và quan điểm...

- Vai trò là người kết nối - còn gọi là trung gian: NVCTXH là người có được những thông tin về các dịch vụ, chính sách và giới thiệu cho thân chủ các chính sách, dịch vụ, nguồn tài nguyên đang sẵn có từ các cá nhân, cơ quan tổ chức để họ tiếp cận với những nguồn lực, chính sách, tài chính, kỹ thuật để có thêm sức mạnh trong giải quyết vấn đề.

- Vai trò là người biện hộ: là người bảo vệ quyền lợi cho thân chủ để họ được hưởng những dịch vụ, chính sách, quyền lợi của họ đặc biệt trong những trường hợp họ bị từ chối những dịch vụ, chính sách lẽ ra họ được hưởng.

- Vai trò là người vận động/hoạt động xã hội: là nhà vận động xã hội tổ chức các hoạt động xã hội để biện hộ, bảo vệ quyền lợi cho thân chủ, cổ vũ tuyên truyền. Ví dụ như sự vận động cho quyền lợi của những người khuyết tật được hưởng chính sách hoà nhập.

- Vai trò là người giáo dục: là người cung cấp kiến thức kỹ năng liên quan tới vấn đề họ cần giải quyết, nâng cao năng lực cho cá nhân, gia đình, nhóm hay cộng đồng qua tập huấn, giáo dục cộng đồng để họ có hiểu biết, tự tin và tự mình nhìn nhận vấn đề đánh giá vấn đề phân tích và tìm kiếm nguồn lực cho vấn đề cần giải quyết.

- Vai trò người tạo sự thay đổi: người NVCTXH được xem như người tạo ra sự thay đổi cho cá nhân, giúp họ thay đổi suy nghĩ, thay đổi hành vi tiêu cực hướng tới những suy nghĩ và hành vi tốt đẹp hơn.

- Vai trò là người tư vấn: NVCTXH tham gia như người cung cấp thông tin tư vấn cho các thân chủ cần có những thông tin như thông tin về chăm sóc sức khoẻ sinh sản, thông tin về bảo vệ môi trường, dinh dưỡng cho trẻ nhỏ hay người già.

- Vai trò là người tham vấn: NVCTXH hỗ trợ gia đình và cá nhân tự mình xem xét vấn đề, và tự thay đổi. Ví dụ như NVCTXH tham gia tham vấn giúp trẻ em bị xâm hại tình dục hay phụ nữ bị bạo hành, đối tượng nhiễm HIV... vượt qua khủng hoảng.

- Vai trò là người hỗ trợ xây dựng và thực hiện kế hoạch cộng đồng: trên cơ sở nhu cầu của cộng đồng đã được cộng đồng xác định, NVCTXH giúp cộng đồng xây dựng chương trình hành động phù hợp với điều kiện hoàn cảnh, tiềm năng của cộng đồng để giải quyết vấn đề của cộng đồng.

- Vai trò là người chăm sóc, người hỗ trợ: NVCTXH còn được xem như người cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cho những cá nhân, gia đình không có khả năng tự đáp ứng được đầy đủ nhu cầu của mình và giải quyết vấn đề.

- Vai trò là người xử lý dữ liệu: Với vai trò này, NVCTXH nhiều khi phải nghiên cứu, thu thập thông tin và phân tích thông tin trên cơ sở đó tư vấn cho thân chủ để họ đưa ra những quyết định đúng đắn.

- Vai trò là người quản lý hành chính: NVCTXH khi này thực hiện những công việc cần thiết cho việc quản lý các hoạt động, các chương trình, lên kế hoạch và triển khai kế hoạch các chương trình dịch vụ cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.

- Người tìm hiểu, khám phá cộng đồng: NVCTXH đi vào cộng đồng để xác định vấn đề của cộng đồng để đưa ra những kế hoạch hỗ trợ, theo dõi, giới thiệu chuyển giao những dịch vụ cần thiết cho các nhóm thân chủ trong cộng đồng.

1.1.4. Tác viên phát triển cộng đồng

1.1.4.1. Vai trò của tác viên cộng đồng

Tác viên cộng đồng là nhân viên xã hội làm việc với cộng đồng, giúp cộng đồng thực hiện những hoạt động phát triển. Tác viên còn là cầu nối giữa nhóm người nghèo, thiệt thòi với những nguồn lực sẵn có

1.1.4.2. Một số phẩm chất và năng lực của tác viên cộng đồng

- **Năng lực:** Tác viên CD phải qua huấn luyện, có đủ năng lực chuyên môn để thực hiện tốt vai trò của mình, để tự tin và tạo niềm tin nơi dân.

- Phẩm chất:

+ **Hòa đồng :** phong cách sống, làm việc phù hợp với người dân, biết lắng nghe và đồng cảm với người dân.

+ **Trung thực :** Tác viên CD phải trung thực với dân và trong sáng với chính mình.

+ **Kiên trì, nhẫn nại :** để không nóng vội, thiếu kiên nhẫn hay làm thay, áp đặt, thúc ép người dân...

+ **Khiêm tốn :** không khoe khoang, dám nhận những hạn chế của mình và sẵn sàng lắng nghe, học tập những cái hay của dân.

+ **Khách quan, vô tư :** trong nhận diện, phân tích, đánh giá tình hình, con người. Khách quan là điều quan trọng trong việc giải quyết mâu thuẫn trong CD và làm tốt vai trò xúc tác, liên kết các nhóm.

+ **Đạo đức :** Tác viên CD phải có cuộc sống đạo đức phù hợp với các giá trị, mẫu mực của xã hội.

1.2. Lý luận về phát triển cộng đồng đối với người nghèo (Theo Tài liệu Unicef về Công tác xã hội với người nghèo 2015)

1.2.1. Khái niệm

Phát triển cộng đồng đối với người nghèo là phương pháp giải quyết một số vấn đề khó khăn , đáp ứng nhu cầu của cộng đồng, hướng tới sự phát

triển không ngừng về đời sống vật chất và tinh thần của người nghèo thông qua việc nâng cao năng lực, tăng cường sự tham gia, đoàn kết, phối hợp chặt chẽ và tương tác qua lại giữa người nghèo với nhân viên công tác xã hội, giữa người nghèo với các tổ chức và giữa các tổ chức với nhau trong phạm vi một cộng đồng.

1.2.2. Mục đích, ý nghĩa của phát triển cộng đồng đối với người nghèo

Theo Cục Bảo trợ xã hội (Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội), công tác xã hội có vai trò trong giảm nghèo bền vững, đóng góp đáng kể cho sự phát triển xã hội; đặc biệt, với những người nghèo đã và đang phải đối mặt với nhiều rủi ro trong cuộc sống.

Mục đích của công tác xã hội với người nghèo nhằm giúp đỡ cá nhân, gia đình và cộng đồng nghèo nâng cao năng lực để thoát nghèo bền vững, giúp họ đối mặt, vượt qua những rủi ro như thất học, thiếu việc làm, thiếu vốn... Bên cạnh đó, còn thúc đẩy các điều kiện xã hội để cá nhân, gia đình nghèo tiếp cận được các chính sách, nguồn lực xã hội, đáp ứng nhu cầu cơ bản. Công tác xã hội với người nghèo, vì thế, nên là hoạt động trợ giúp chuyên nghiệp nhằm nâng cao năng lực, chức năng xã hội của người nghèo; thúc đẩy các chính sách liên quan tới nghèo đói; huy động các nguồn lực, dịch vụ nhằm giúp cá nhân, gia đình và cộng đồng nghèo giải quyết vấn đề nghèo đói và hướng tới bảo đảm An sinh xã hội.

Việt Nam được Ngân hàng Thế giới (WB) đánh giá là một trong những quốc gia có nhiều thành tựu trong lĩnh vực giảm nghèo, bằng việc đã và đang áp dụng nhiều mô hình xóa đói giảm nghèo với nhiều dịch vụ công tác xã hội hiệu quả. Tuy nhiên, theo các chuyên gia, vẫn còn thiếu một số dịch vụ công tác xã hội cho người nghèo. Nhất là người nghèo chưa được tiếp cận với dịch vụ tham vấn trực tiếp, dịch vụ vận động tham gia xây dựng chính sách, dịch vụ biện hộ hay hỗ trợ kết nối, huy động nhiều nguồn lực bên trong và bên

ngoài vào quá trình giải quyết vấn đề... Việt Nam có thể cân nhắc thực hiện lồng ghép công tác xã hội, có quy định về vai trò của nhân viên, cộng tác viên công tác xã hội tham gia vào công cuộc giảm nghèo, cụ thể là công tác xã hội tham gia vào:

- Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cá nhân, hộ, nhóm và cộng đồng nghèo nhận thức được vấn đề của mình, đánh giá nhu cầu và tìm kiếm, khai thác các tiềm năng nội lực (nhân công, nghề truyền thống, sản xuất và chế biến đặc sản địa phương...), kết hợp với các chương trình, dự án bên ngoài thực hiện sinh kế bền vững.

- Hỗ trợ tổ chức các hoạt động khích lệ, động viên và huy động sự tham gia của người nghèo vào các chương trình giảm nghèo bền vững của địa phương, thông qua các hoạt động nhóm điển hình, nhóm bạn nghèo tự giúp, nhóm kinh tế hộ.

- Nâng cao kiến thức, giáo dục, hướng dẫn cán bộ địa phương biết phương thức giao tiếp, đánh giá nhu cầu của người nghèo. Hay nói cách khác, công tác xã hội là “cầu nối” người nghèo với cán bộ, để cán bộ, cũng như chính quyền, sát cánh cùng người dân trong công cuộc giảm nghèo bền vững.

1.2.3. Các nguyên tắc làm việc của nhân viên công tác xã hội khi thực hiện các hoạt động hỗ trợ người nghèo .

** Bắt đầu từ nhu cầu, khả năng của người dân và tài nguyên sẵn có.*

Một trong các nguyên tắc cơ bản của PTCĐ là tất cả các hoạt động của cộng đồng phải xuất phát từ nhu cầu mong muốn, nguyện vọng của dân. Đặc biệt là nhóm người nghèo, chứ không phải xuất phát từ ý chí chủ quan của các cấp lãnh đạo trong cộng đồng.

Khả năng của người dân và tài nguyên sẵn có ở đây chính là những khả năng, năng lực, tài nguyên còn tiềm ẩn, bị bỏ quên hay bị gạt ra ngoài. Đất đai, tài nguyên thiên nhiên, nguồn vốn, cơ xưởng, trình độ văn hóa tay nghề,

khả năng tổ chức, kinh nghiệm, sức khỏe, tuổi trẻ, hay các tổ chức phi chính thức tích cực; là sức mạnh tinh thần như nền văn hóa, ước vọng, tấm lòng, sự nhiệt tình, tinh thần hợp tác, ý chí vươn lên của một cộng đồng.

** Tin tưởng người dân, người nghèo và tin vào khả năng thay đổi của họ.*

Khi người dân đã có động lực, khi người dân đã được huy động, họ sẽ tìm thấy sức mạnh tinh thần và sức mạnh vật chất cần thiết để hành động. Khả năng của người dân ở đây là khả năng suy tính cho phù hợp với hoàn cảnh, khả năng đóng góp kinh nghiệm, khả năng đóng góp nguồn lực. Khả năng ở đây không phải là khả năng của một hai cá nhân, cá thể mà là của một tập thể, một cộng đồng, đó là nguồn lực của CD.

Như Hồ Chủ Tịch đã nói: *“Để trăm lần không dân cũng chịu. Khó vạn lần dân liệu cũng xong”*. Những bài học rút ra ở những thời điểm khó khăn nhất trong các cuộc kháng chiến chống thực dân, đế quốc xâm lược nước ta cho thấy nếu biết khai thác, phát huy khả năng của dân, thì đó là sức mạnh vô địch. Một đoạn cầu bị phá hủy, ô tô không đi lại được, để sửa đoạn cầu đó đòi hỏi có sức người, sức của và thời gian. Nhưng trong điều kiện chiến tranh khốc liệt, không thể để đoàn xe tiếp viện dừng lại, những gia đình trong làng gần đoạn cầu bị hỏng đã không tiếc tài sản, nhà cửa của mình, sẵn sàng dỡ cả nhà để lát lại cầu để thông xe. Đó là nguồn lực, đó là sức mạnh.

** Đáp ứng nhu cầu cần thiết và mối quan tâm hiện tại của người dân trong cộng đồng.*

Dự án PTCĐ là đi từ nhu cầu, mối quan tâm hiện tại của người dân để xây dựng lên kế hoạch hỗ trợ. Bởi vậy những nhu cầu bức xúc hay những mối quan tâm của người dân sẽ được đáp ứng kịp thời và thích hợp.

** Khuyến khích người dân tham gia vào việc thảo luận, lấy quyết định, hành động để người dân đồng hóa họ với dự án của CD.*

Việc tham gia của người dân vào các dự án của CĐ là rất cần thiết. Nó quyết định thành công hay thất bại của dự án đó. Bởi vậy mà việc khuyến khích và vận động người dân tham gia vào việc thảo luận, lấy quyết định không chỉ thể hiện sự tôn trọng và quyền lợi vị trí của họ mà còn tạo cho họ thấy mình đang là chủ của dự án mà họ đang hưởng lợi.

** Khởi đầu từ những hoạt động nhỏ để có thành công nhỏ.*

Những dự án PTCD thường bắt đầu từ những chương trình nhỏ, nhất là với người nghèo nên bắt đầu từ việc nhỏ, thành công và rút kinh nghiệm làm to hơn. Vì người nghèo có năng lực quản lý hạn chế, không thể bắt đầu từ những chương trình lớn được. Những dự án mang tính nhỏ lẻ chỉ đơn giản là xây một bể nước hay một nhà vệ sinh... cho một hộ gia đình nhưng những công trình nhỏ này mang tính bền vững và nó cần thiết cho những người dân nghèo. Tuy không giải quyết hết tuyệt đối vấn đề nhưng từ những thành công nhỏ của PTCD như thế này sẽ giúp con người vươn tới được ấm no, hạnh phúc.

** Thành lập các nhóm trong cộng đồng có cùng quan tâm để thực hiện các công việc của cộng đồng, không chỉ để giải quyết một vấn đề cụ thể, mà còn nhằm củng cố những tổ chức dân sự/tự nguyện của dân. Để PTCD trong giảm nghèo thực hiện đạt kết quả cao*

Nhu cầu muốn thay đổi khi đã được đồng đạo người dân nhận thức, được giác ngộ một cách rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân thì nó sẽ trở thành động lực để người dân đoàn kết lại, tổ chức lại, cùng chung lưng đấu cật, cùng hành động. Trong quá trình tổ chức lại, thành lập các nhóm, các tổ chức đại diện của mình sẽ là một nhu cầu thực tế. Mỗi tổ chức, mỗi nhóm phải khuyến khích người dân tham gia đầy đủ vào các hoạt động. Người dân phải được tham gia cùng làm, kết hợp với các tổ chức nguồn lực bên ngoài để giải quyết vấn đề của chính họ. Trong các cuộc họp, tác viên cộng đồng chỉ là

người điều phối còn người dân mới là người đưa ra các quyết định cuối cùng cho các vấn đề của họ.

** Quy trình “Hành động – Rút kinh nghiệm- Hành động” sẽ được áp dụng để giúp cộng đồng có khả năng thực hiện dự án lớn hơn hoặc quản lý ở trình độ cao hơn.*

Đây là nguyên tắc của PTCĐ rất phù hợp với các hoạt động của người nghèo đặc biệt là trong các chương trình giảm nghèo triển khai cho người nghèo.

Trong một chương trình PTCĐ thông thường sẽ tiến hành ở một địa bàn nhỏ bởi việc giác ngộ và thay đổi nhận thức của người dân là việc rất khó. Sau mỗi lần tiến hành chương trình ban tổ chức sẽ rút kinh nghiệm đánh giá lại những thành công và hạn chế của chương trình đó rồi từ đó triển khai mô hình ra địa bàn khác rộng hơn trên căn cứ kết quả thành công bước đầu của chương trình trước. Đó gọi là “Hành động – Rút kinh nghiệm – Hành động”.

** Hỗ trợ các nhóm biết giải quyết các mâu thuẫn trong nhóm có hiệu quả để giúp nhóm phát triển.*

Giữa bất cứ cá nhân, nhóm hay cộng đồng nào cũng có những điểm tương đồng hay bất đồng về mục đích, quyền lợi, sở thích...NVXH cần tương tác tạo sự thay đổi. Các bên cùng tham gia bàn bạc tìm giải pháp. Từ đó tạo điều kiện cho hai bên thương lượng. Đề ra giải pháp tốt nhất để cùng hợp tác. Dù có nhiều bất đồng nhưng cố gắng tìm giải pháp tốt nhất để hợp tác. Cả hai bên cùng thấy mình thắng lợi.

** Liên kết CĐ với những tổ chức, hội đoàn khác để nhận thêm/ chia sẻ sự hỗ trợ và sự hợp tác.*

Việc liên kết giữa CĐ với những tổ chức, hội đoàn thể khác là một việc làm hết sức quan trọng. Nếu chỉ một cá nhân CĐ nào đó tự giúp nhau mà không có sự ủng hộ từ những tổ chức, hội đoàn thể khác thì sẽ rất khó khăn

cho CĐ đó trong việc huy động nguồn lực để hỗ trợ CĐ thực hiện các chương trình của CĐ đồng thời tạo ra sự hợp tác về nhiều mặt giúp CĐ phát triển. Ở Việt Nam có rất nhiều các tổ chức phi chính phủ như Actionaid, FHI... đóng góp cho các hoạt động triển khai tại CĐ.

1.2.4. Các hoạt động phát triển cộng đồng đối với người nghèo

1.2.4.1. Hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức cho người nghèo về ý thức tự lực trong lao động sản xuất, thay đổi tư duy, thói quen canh tác, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nhất là không trông chờ ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước. Phát huy nỗ lực vươn lên, khuyến khích sự chủ động tham gia của người nghèo, cộng đồng dân cư cùng với việc thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo là điều kiện để nâng cao khả năng thoát nghèo.

Về truyền thông về giảm nghèo, sẽ hỗ trợ triển khai các nội dung có liên quan đến xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông về công tác giảm nghèo; xây dựng, phát triển mạng lưới cán bộ tuyên truyền viên, báo cáo viên về giảm nghèo từ Trung ương tới cơ sở; tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo định kỳ ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở; tổ chức các hoạt động truyền thông giảm nghèo theo hình thức sân khấu hóa để thúc đẩy giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm thực hiện chương trình; phát triển, tăng cường hoạt động trang thông tin điện tử về giảm nghèo.

Sẽ hỗ trợ nội dung có liên quan đến đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác thông tin và truyền thông tại cơ sở; ưu tiên cho cán bộ cấp xã và cấp thôn, bản; hỗ trợ sản xuất, biên tập, phát sóng, phát hành, truyền tải, lưu trữ, quảng bá, phục vụ người đọc các sản

phẩm báo chí, sản phẩm thông tin có tính chất báo chí, các chương trình phát thanh, chương trình truyền hình, xuất bản phẩm và các sản phẩm thông tin khác để phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phổ biến các kinh nghiệm, gương điển hình và các thông tin thiết yếu khác; hỗ trợ phương tiện nghe, xem cho các hộ nghèo sống tại các đảo xa bờ; hộ nghèo thuộc các dân tộc ít người; hộ nghèo tại các xã đặc biệt khó khăn; trang bị phương tiện tác nghiệp phục vụ thông tin cổ động tại huyện, xã; xây dựng các điểm tuyên truyền, cổ động cố định ngoài trời; xây dựng nội dung chương trình cổ động cho các đội thông tin cơ sở; hỗ trợ thiết lập cụm thông tin cơ sở...

Truyền thông và giảm nghèo về thông tin sẽ góp phần hoàn thiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo; góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống, tăng thu nhập của người dân, đặc biệt là ở các địa bàn nghèo, tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận thuận lợi các dịch vụ xã hội cơ bản (y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin); thực hiện hoàn thành mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo giai đoạn 2016-2020 đã đề ra.

Trong đó, riêng truyền thông và giảm nghèo về thông tin sẽ góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo nhằm khơi dậy tinh thần tự lực vươn lên thoát nghèo và huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững. Xây dựng, củng cố hệ thống thông tin cơ sở; tăng cường nội dung thông tin tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị của nhà nước và đáp ứng nhu cầu thông tin thiết yếu của xã hội; nâng cao khả năng tiếp cận thông tin của người dân.

1.2.4.2. Hoạt động kết nối nguồn lực.

Kết nối nguồn lực là một trong những hoạt động hỗ trợ quan trọng nhất đối với người nghèo.

Để hỗ trợ người nghèo kết nối với các nguồn lực, NVXH cần cung cấp cho họ các kiến thức về nguồn lực, hỗ trợ họ xây dựng và duy trì mạng lưới và hướng dẫn họ cách kết nối với các nguồn lực này. Cung cấp các kiến thức về nguồn lực Nguồn lực bên trong cộng đồng Bất cứ một cộng đồng, hoặc một hộ gia đình nào dù nghèo ở mức độ nào, hạn chế về trình độ học vấn, hoặc khó khăn về kinh tế, điều kiện địa lý, điều kiện sống, thì bên trong cá nhân/hộ gia đình và cộng đồng đó vẫn tiềm ẩn những nguồn lực nhất định. Vấn đề ở chỗ là ai là người nhìn nhận ra các nguồn lực đó trong người dân và trong cộng đồng và giúp người dân trong cộng đồng cũng nhận diện ra những nguồn lực đó để liên kết chúng lại thành sức mạnh hỗ trợ cho các hoạt động của cộng đồng một cách hiệu quả? Đó chính là công việc của NVXH. Để tăng cường hiểu biết về các nguồn lực, NVXH cần: - Đặt câu hỏi về những nguồn lực mà bản thân/trong gia đình của họ có; - Đặt câu hỏi về những nguồn lực mà họ biết trong cộng đồng có thể giúp giải quyết vấn đề của họ; - Cung cấp đầy đủ cho họ những hiểu biết về nguồn lực, như nội lực, ngoại lực, các loại nguồn lực như nhân lực, vốn thiên nhiên, vốn xã hội... - Giúp họ tìm hiểu, xác định được các loại nguồn lực mà họ dễ tiếp cận nhất. Trong quá trình tăng cường hiểu biết của người nghèo về nguồn lực gia đình và cộng đồng, người nghèo cần được khích lệ để tham gia vào việc tìm hiểu, phân tích và đánh giá các nguồn lực này đối với vấn đề mà họ đang phải đối đầu.

Nguồn lực trong cộng đồng Nhân lực: Người dân trong cộng đồng, những cá nhân, nhóm có kinh nghiệm trong làm ăn, trong tổ chức cộng đồng; Người có kỹ năng, tay nghề cao, là hạt giống tốt cần nhân rộng ra; Người có ảnh hưởng tích cực đến những người khác... Vật chất: Những cơ sở vật chất mang lại phúc lợi trong cộng đồng. Ví dụ: như nhà cộng đồng, hội quán, nhà trẻ, trụ sở, ban áp, điện, đường giao thông liên ấp, liên xã, chợ... Vốn thiên nhiên: Đất đai, nguồn nước, sông ngòi. Ví dụ như đất phù hợp trồng mía cho

năng suất cao; Bàu hay hồ chứa nước ngọt có thể tưới tiêu cho một vùng trong cộng đồng; Hệ thống kênh, mương, rạch dẫn nước vào các cánh đồng; Đất pha cát rất tốt cho việc trồng trọt như mía, mía, bắp, đậu... Vốn xã hội: Bao gồm các nhóm tự phát, các tổ chức đoàn thể, các cơ quan ban ngành và môi trường chính sách. Những thiết chế, tổ chức trong cộng đồng như các tổ chức đoàn thể, tôn giáo, tổ nhóm, câu lạc bộ, trung tâm học tập cộng đồng... Các mối quan hệ tốt trong cộng đồng, tinh thần đoàn kết của người dân. Môi trường chính sách: Các định chế xã hội như hương ước, quy định của làng xã, các chính sách xã hội, an sinh xã hội, chính sách hỗ trợ cho người nghèo, có ảnh hưởng tích cực đến cuộc sống của người dân. Vốn tài chính và cơ hội kinh tế: Năng lực tài chính của các doanh nghiệp, xí nghiệp, các cơ sở sản xuất trong cộng đồng. Nguồn lực bên ngoài cộng đồng Nguồn lực bên ngoài cộng đồng hiểu một cách đơn giản là các nguồn lực không thuộc về cộng đồng. Đó có thể là các cơ quan tổ chức bên ngoài cộng đồng, các chương trình dự án đang được triển khai bởi chính phủ hoặc bởi các cộng đồng xung quanh

Hỗ trợ xây dựng và duy trì mạng lưới Mạng lưới nguồn lực là sự sắp xếp, cấu trúc về các cơ sở, cá nhân, tổ chức và các cơ quan cung cấp dịch vụ cùng với các chính sách ở các cấp độ. Mạng lưới khi được xây dựng sẽ cung cấp một sơ đồ nguồn lực nhằm hỗ trợ người cần sử dụng dịch vụ kết nối một cách thuận tiện và kịp thời. Sử dụng mạng lưới sẽ giúp tăng cơ hội lựa chọn, tránh được các chông chéo và lãng phí. Dịch vụ có thể nằm trong mạng lưới của người nghèo liên quan tới hầu hết các lĩnh vực: giáo dục, hướng nghiệp đào tạo nghề, chăm sóc sức khỏe y tế và tâm thần, tình cảm, nhà ở, nước sạch.... Giúp người nghèo xây dựng mạng lưới, NVXH cần:

- Đề nghị người nghèo thảo luận, liệt kê các dịch vụ, các chương trình chính sách, những cá nhân có uy tín, có chuyên môn trong các lĩnh vực;

- Cung cấp, bổ sung các thông tin về nguồn lực mà người nghèo chưa biết - Đề nghị họ tìm hiểu về các nguồn lực này với các nội dung: tôn chỉ mục đích, nhiệm vụ, nguyên tắc, cách thức làm việc, khả năng cung cấp dịch vụ, chất lượng dịch vụ.

- Đề nghị họ tìm hiểu về cách thức tiếp cận các dịch vụ/cá nhân/cơ sở này.

- Trong nhiều trường hợp khó tiếp cận, NVXH cần giới thiệu người nghèo tới các nguồn lực hiện có trong cộng đồng.

- Cung cấp các thông tin và các cơ hội làm quen với các cơ sở, cá nhân này. - Cung cấp cho người nghèo một số kỹ thuật để xây dựng mạng lưới.

- Hướng dẫn cách sơ đồ hóa các mạng lưới theo các mục đích khác nhau, ví dụ: sơ đồ mạng lưới liên quan tới ngành dọc về y tế, về giáo dục, về các dịch vụ nhà ở... hoặc sơ đồ mạng lưới theo mô hình hàng ngang, gồm tổng thể các dịch vụ thuộc các lĩnh vực khác nhau nhưng cùng cấp, hoặc mô hình tổng hợp các cấp độ và các lĩnh vực. Hướng dẫn cho họ sử dụng các màu sắc khác nhau để chỉ ra sự khác biệt về lĩnh vực hay về cấp độ để dễ xác định khi sử dụng sơ đồ.

1.2.4.3. Hoạt động hỗ trợ dịch vụ xã hội.

Trên cơ sở các chính sách hỗ trợ về giáo dục, đào tạo và dạy nghề cho người nghèo và con em họ đi học, nhân viên công tác xã hội hỗ trợ cho hộ nghèo tiếp cận một cách tốt nhất các chính sách về giáo dục, như: hỗ trợ, tư vấn cho con em họ tự tin đến trường và thấy được những lợi ích của việc học. Mặt khác, kết nối với các cơ quan thực hiện các chính sách miễn, giảm học phí cho con em hộ nghèo được hưởng các chính sách một cách tốt nhất, làm cho người nghèo và các cơ quan cung cấp, thực hiện chính sách hiểu nhau và chia sẻ những khó khăn của nhau. Bên cạnh đó nhân viên công tác xã hội khi làm việc với các thành viên của hộ nghèo, sẽ xác định được nhu cầu học

nghề của từng thành viên trong gia đình, từ đó có kế hoạch kết nối với các tổ chức, cá nhân, các trung tâm dạy nghề để hỗ trợ họ chọn học nghề phù hợp, giúp họ tự tin khi tham gia học nghề và tìm nghề nghiệp ổn định sau khi học. Mặt khác nhân viên xã hội sẽ kết nối các doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm khi người nghèo làm ra, giúp họ ổn định được đầu ra của sản phẩm và có thu nhập ổn định.

Nhân viên công tác xã hội phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương thực hiện khảo sát xác định nhu cầu học nghề của lao động nghèo dân tộc thiểu số trên địa bàn từng huyện, thành phố làm căn cứ để cơ quan chức năng xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nghèo hằng năm; xác định số lượng lao động nghèo cần đào tạo và nghề đào tạo phục vụ cho phát triển kinh tế ở các huyện, thành phố để có cơ sở tạo việc làm tại chỗ, tăng thu nhập ổn định cho người nghèo.

Ngoài ra, nhân viên công tác xã hội còn là người chuyển tải ý kiến của người nghèo đến với các cơ quan chức năng, giúp các cơ quan chức năng thực hiện đầy đủ các chính sách cho người nghèo, nhất là chính sách hỗ trợ hộ nghèo tại các xã đặc biệt khó khăn, bảo đảm đúng quy định và từng bước xã hội hóa, từ đó giúp người nghèo thụ hưởng đầy đủ các chính sách.

Hỗ trợ tiếp cận các dịch vụ y tế: Trên cơ sở chính sách về y tế cho người nghèo, nhân viên công tác xã hội sẽ tư vấn, giúp đỡ, hỗ trợ cho họ tiếp cận chính sách về y tế một cách tốt nhất, từ việc đăng ký được cấp thẻ bảo hiểm y tế bảo đảm đúng tên tuổi, tư vấn trong việc quản lý và sử dụng thẻ bảo hiểm y tế đúng mục đích, hạn chế tình trạng một người nghèo nhiều thẻ bảo hiểm y tế. Ngoài ra, nhân viên công tác xã hội còn tư vấn cho họ khi có đau ốm nên đến khám ở các Trung tâm y tế và thực hiện điều trị theo sự hướng dẫn của y bác sỹ, tránh xa các hủ tục cúng bái ma chay; tư vấn cho người

nghèo giám sát, đánh giá chất lượng khám chữa bệnh của các cơ sở y tế đối với việc khám chữa bệnh cho người nghèo,

Hỗ trợ tiếp cận các dịch vụ về nhà ở, đất sản xuất: Trên cơ sở chính sách về nhà ở cho người nghèo, nhân viên công tác xã hội sẽ tư vấn, giúp đỡ, hỗ trợ cho họ tiếp cận chính sách về nhà ở, tư vấn cho họ về tính ưu việt của chính sách. Ngoài ra, nhân viên công tác xã hội còn kết nối, tư vấn và tham gia góp ý cho các cơ quan chức năng trong việc quy hoạch, xây dựng Đề án hỗ trợ cho người nghèo phù hợp với phong tục tập quán và điều kiện sống của họ, giúp cho Đề án thành công, khi xây dựng xong, người nghèo đến ở và cảm thấy phù hợp với họ, hạn chế tình trạng xây dựng nhà cho người nghèo nhưng không phù hợp với phong tục, tập quán của họ dẫn đến họ không đến ở, bỏ hoang.

Hỗ trợ tiếp cận các dịch vụ vệ sinh môi trường, văn hóa, tư pháp: Nhân viên công tác xã hội với kiến thức và kỹ năng của mình sẽ cùng với chính quyền địa phương vận động người dân nói chung và người nghèo nói riêng tự lực, tự cường trong việc bảo vệ môi trường sống như thường xuyên vệ sinh buôn làng, quy hoạch nhà ở và khu chăn nuôi phù hợp với từng gia đình nhằm bảo vệ môi trường sống cho cả làng. Hạn chế thấp nhất tình trạng ô nhiễm môi trường tại các làng đồng bào mà trong đó có hộ nghèo.

Về văn hóa, giúp họ duy trì, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của từng dân tộc, thông qua việc thường xuyên giúp họ tổ chức các hoạt động văn hóa cộng đồng. Mặt khác, tư vấn giúp họ tránh xa các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan và không nghe theo lời xúi dục của các thế lực thù địch nhằm phá vỡ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Ngoài ra, nhân viên công tác xã hội còn giúp người nghèo tiếp cận với các quy định của pháp luật, giúp họ hiểu và thực hiện đúng trách nhiệm của người công dân, không vi phạm các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi

trường, không chặt phá rừng làm nương rẫy,... để từ đó giúp họ có một kiến thức cơ bản về pháp luật.

Hỗ trợ tiếp cận các dịch vụ thông tin liên lạc, truyền thông: Người nghèo chủ yếu sống ở vùng sâu, vùng xa, họ gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận các thông tin, nhân viên công tác xã hội là người hỗ trợ họ tiếp cận các thông tin, từ đó tư vấn cho họ những thông tin chính thống để họ có nhận thức đúng đắn, không để các thông tin bịa đặt làm ảnh hưởng đến lòng tin của họ đối với Đảng và Nhà nước. Bên cạnh đó, qua các kênh thông tin, nhân viên công tác xã hội còn giúp người nghèo xác định được kế hoạch làm ăn của gia đình, biết áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất và chăn nuôi, biết cách làm kinh tế, biết cách tích lũy và làm giàu, không cam chịu nghèo đói, lạc hậu.

1.3. Các yếu tố tác động

1.3.1. Yếu tố văn hóa xã hội.

Cùng với kinh tế thì yếu tố văn hóa có vai trò quan trọng và ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển cộng đồng trong xóa đói giảm nghèo. Cơ sở thực hiện các hoạt động phát triển cộng đồng trong xóa đói giảm nghèo chính là truyền thống đoàn kết, tinh thần tương thân tương ái, giúp đỡ, đùm bọc của người dân.

Tính cố kết thôn bản tạo điều kiện thuận lợi cho việc huy động sự hỗ trợ của cộng đồng vào công tác xóa đói giảm nghèo, cũng như huy động nguồn lực trợ giúp về tài chính, con người... Tuy nhiên, tính bảo thủ giữa các thôn bản làm cản trở phát triển cộng đồng trong xóa đói giảm nghèo.

Những phong tục, tập quán lâu đời có vai trò nhất định trong các hoạt động, sinh hoạt của cộng đồng. Các phong tục, tập quán tiên tiến, văn minh tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động phát triển cộng đồng trong xóa đói giảm nghèo. Ngược lại, các hủ tục lạc hậu lại làm cho phát triển cộng đồng trong xóa đói giảm nghèo hoạt động một cách khó khăn.

1.3.2. Yếu tố đặc điểm của người nghèo.

Người nghèo có tâm lý mặc cảm, tự ti do hoàn cảnh cuộc sống không bằng mặt bằng chung của cộng đồng. Từ đó dẫn đến việc người nghèo ngại giao tiếp và tham gia vào các hoạt động tập thể. Bên cạnh đó cũng có một số người nghèo vẫn còn tâm lý buông xuôi, ỷ lại vào Nhà nước, không thực sự có ý chí vươn lên thoát nghèo. Phần lớn họ không dám đấu tranh, không dám bộc lộ bản thân, ngại thay đổi, không mạnh dạn tham gia đề xuất ý kiến, cho rằng lời nói của mình không có trọng lượng, không được chấp nhận.

1.3.3. Yếu tố thuộc về nhân viên, cộng tác viên công tác xã hội.

Nhân viên công tác xã hội/tác viên cộng đồng phải qua huấn luyện, có đủ năng lực chuyên môn để thực hiện tốt vai trò của mình, để tự tin và tạo niềm tin nơi dân. Tác viên cần có một số kỹ năng như: Kỹ năng giao tiếp, lắng nghe, kỹ năng giải quyết mâu thuẫn, kỹ năng viết báo cáo...

Tác viên cần có lối sống, làm việc phù hợp với người dân, biết lắng nghe và đồng cảm với người dân.

Tác viên cần rèn luyện cho bản thân tính kiên trì nhẫn nại. Trong PTCD tác viên cần tránh nóng vội, thiếu kiên nhẫn, hay làm thay, áp đặt, thúc ép người dân...

Một trong những phẩm chất cần thiết của mỗi tác viên cộng đồng tính khiêm tốn, không khoe khoang, dám nhận những hạn chế của bản thân và sẵn sàng lắng nghe học tập những cái hay, kinh nghiệm quý báu từ chính cộng đồng...

Trong nhận diện, phân tích đánh giá tình hình, con người. Khách quan là điều quan trọng trong việc giải quyết mâu thuẫn trong cộng đồng và làm tốt vai trò xúc tác, liên kết nhóm.

Tác viên cộng đồng cần xây dựng cho bản thân lối sống đạo đức phù hợp với các giá trị chuẩn mực của xã hội. Ngoài ra tác viên cần xây dựng cho

mình tinh thần lạc quan về cuộc sống và tin tưởng con người. Có hiểu biết về chính mình, dễ dàng chấp nhận người khác và thích nghi tốt. Họ là một trong những nhân tố chính tác động đến phát triển cộng đồng trong xóa đói giảm nghèo.

1.3.4. Yếu tố thuộc về công tác chỉ đạo điều hành chương trình giảm nghèo.

Chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về chương trình giảm nghèo, với phương châm "Nhà nước chỉ hỗ trợ một phần" nguồn lực trong thực hiện giảm nghèo (tăng hỗ trợ gián tiếp, giảm dần hỗ trợ trực tiếp).

Hỗ trợ hộ nghèo, nhưng cần xác định giảm nghèo là việc của bản thân người nghèo, hộ nghèo, phải làm cho người nghèo, hộ nghèo tự giác, chủ động thực hiện và có trách nhiệm hơn nữa để vươn lên thoát nghèo bền vững.

Đổi mới công tác chỉ đạo điều hành chương trình giảm nghèo ở các cấp. Trong đó cần tập trung xây dựng các cơ chế chính sách, phân cấp, phân công trách nhiệm rõ ràng cho các ngành, các địa phương trong thực hiện chương trình giảm nghèo. Tập trung hỗ trợ có địa chỉ (hộ nghèo cụ thể) nhằm giúp người nghèo vươn lên trong cuộc sống, tiến tới thoát nghèo.

1.4. Cơ sở pháp lý liên quan đến phát triển cộng đồng đối với người nghèo

1.4.1. Văn bản pháp lý về người nghèo.

Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo

Nghị quyết 80/NQ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020

Nghị quyết 15-NQ/TW, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khoá XI, về chính sách xã hội giai đoạn 2012 – 2020

Nghị quyết 76/2014/QH13 của Quốc hội khóa 13 về Đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020

1.4.2. Văn bản pháp lý về công tác xã hội đối với người nghèo.

Quyết định số 32/2010/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển nghề công tác xã hội giai đoạn 2010 - 2020.

Thông tư Liên tịch số 09/2013/ TTLT/BLĐTBXH-BNV ngày 10/6/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm cung cấp dịch vụ công tác xã hội: Thông tư liên tịch đã hướng dẫn rất cụ thể về các nhóm đối tượng phục vụ của Trung tâm cung cấp dịch vụ công tác xã hội, trong đó có người nghèo.

Thông tư số 07/2011/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn tiêu chuẩn công tác viên công tác xã hội cấp xã: Trong Thông tư đã quy định cụ thể các loại đối tượng phục vụ của công tác viên công tác xã hội, trong đó có người nghèo.

Tiểu kết chương 1

Chương 1 của luận văn đã trình bày lý luận về phát triển cộng đồng trong giảm nghèo bền vững. Nghiên cứu cũng đã đưa ra được các khái niệm liên quan đến đối tượng đang nghiên cứu, lý luận về phát triển cộng đồng đối với người nghèo trong giảm nghèo bền vững, mục đích, ý nghĩa của phát triển cộng đồng, các nguyên tắc làm việc của nhân viên công tác xã hội. Nghiên cứu đưa ra những nội dung các hoạt động phát triển cộng đồng và các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển cộng đồng đối với người nghèo trong giảm nghèo bền vững. Ngoài ra, cơ sở pháp lý về phát triển cộng đồng đối với người nghèo trong giảm nghèo bền vững được trình bày khá chi tiết trong luận văn.

Như vậy phát triển cộng đồng và giảm nghèo bền vững có chung một mục tiêu đó là cả hai đều hướng tới sự phát triển chung của xã hội, nâng cao chất lượng đời sống của người dân và nhằm cung cấp cho con người những cơ hội để phát triển toàn diện các tiềm năng. Cả hai mục tiêu đều bao hàm chung những nội dung, đó là : Hướng tới cải thiện chất lượng của cộng đồng, với sự cân bằng về vật chất và tinh thần, qua đó tạo những chuyển biến xã hội trong cộng đồng. Tạo sự bình đẳng trong tham gia của mọi nhóm xã hội trong cộng đồng, kể cả các nhóm thiệt thòi nhất đều có quyền nêu lên nguyện vọng của mình và được tham gia vào các hoạt động phát triển, qua đó, góp phần đẩy mạnh công bằng xã hội. Củng cố các thiết chế/tổ chức để tạo điều kiện thuận lợi cho chuyển biến xã hội và sự tăng trưởng. Thu hút sự tham gia tối đa của người dân vào tiến trình phát triển.

Chương 2

THỰC TRẠNG VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG ĐỐI VỚI NGƯỜI NGHÈO TẠI HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH

2.1. Khái quát về địa bàn và khách thể nghiên cứu

2.1.1. Khái quát về địa bàn nghiên cứu:

** Về lịch sử*

Toàn bộ Đông Hưng ngày nay, thời Bắc thuộc, trước thế kỷ 10, thuộc hương Đa Cương, đến nhà Hậu Lê thuộc trấn Sơn Nam Hạ. Huyện Đông Hưng ngày nay là hợp nhất của hai huyện Tiên Hưng và Đông Quan.

Huyện Đông Quan nằm ở khoảng phía Đông huyện Đông Hưng ngày nay. Từ cổ đến thời thuộc nhà Minh, huyện Đông Quan gọi là Cổ Lan, từ thời nhà Hậu Lê đến nhà Nguyễn đổi tên thành huyện Đông Quan và thuộc phủ Thái Ninh (tên phủ này thời nhà Lý là hương Thái Bình, nhà Trần gọi là lộ An Tiêm, nhà Hậu Lê gọi là phủ Thái Bình, nhà Tây Sơn gọi là phủ Thái Ninh, đầu nhà Nguyễn gọi là phủ Thái Bình sau đổi là Thái Ninh). Các năm 1832-1890, phủ Thái Bình thuộc tỉnh Nam Định, sau đó mới thuộc tỉnh Thái Bình. Ly sở của phủ Thái Bình, vào thời nhà Hậu Lê, lúc đầu là ở xã Đông Động huyện Đông Quan sau chuyển về Cát Đàm.^[1]

Huyện Tiên Hưng nằm ở khoảng phía Tây huyện Đông Hưng ngày nay. Huyện Tiên Hưng trước có tên là huyện Thần Khê, thuộc phủ Tiên Hưng (tên phủ này thời nhà Trần gọi là phủ Long Hưng, nhà Hồ và Hậu Lê gọi là phủ Tân Hưng, thời thuộc Minh trước nhà Lê gọi là Trấn Man, nhà Nguyễn gọi là Tiên Hưng). Các năm 1832-1890, huyện Thần Khê (tức là huyện Tiên Hưng sau này) thuộc phủ Tiên Hưng tỉnh Hưng Yên. Năm 1890-1894, huyện

Thần Khê thuộc phủ Thái Bình tỉnh Thái Bình, Sau đó, thuộc phủ Tiên Hưng tỉnh Thái Bình cho đến khi bỏ cấp phủ thì lấy tên phủ làm tên huyện.

Trước khi hợp nhất:

Huyện Đông Quan có 25 xã: Đông Á, Đông Các, Đông Cường, Đông Động, Đông Dương, Đông Giang, Đông Hà, Đông Hòa, Đông Hoàng, Đông Hợp, Đông Huy, Đông Kinh, Đông La, Đông Lĩnh Đông Mỹ, Đông Phong, Đông Phương, Đông Quang, Đông Sơn, Đông Tân, Đông Thọ, Đông Vinh, Đông Xá, Đông Xuân, Hoàng Diệu.

Huyện Tiên Hưng có 27 xã: An Châu, Bắc Sơn, Bạch Đằng, Chi Lăng, Chương Dương, Đô Lương, Đông Đô, Đông Phú, Hòa Bình, Hoa Lư, Hoa Nam, Hồng Châu, Hồng Giang, Hồng Việt, Hợp Tiến, Liên Giang, Lô Giang, Mê Linh, Minh Châu, Minh Tân, Nguyên Xá, Phong Châu, Phú Châu, Phú Lương, Tây Đô, Thăng Long, Trọng Quan.

Ngày 17 tháng 6 năm 1969, chuyển 5 xã: Bắc Sơn, Đông Đô, Tây Đô, Hòa Bình, Chi Lăng thuộc huyện Tiên Hưng về huyện Hưng Hà quản lý; hợp nhất 2 huyện Đông Quan và Tiên Hưng thành huyện Đông Hưng, ban đầu gồm 47 xã: An Châu, Bạch Đằng, Chương Dương, Đô Lương, Đông Á, Đông Các, Đông Cường, Đông Động, Đông Dương, Đông Giang, Đông Hà, Đông Hòa, Đông Hoàng, Đông Hợp, Đông Huy, Đông Kinh, Đông La, Đông Lĩnh Đông Mỹ, Đông Phong, Đông Phú, Đông Phương, Đông Quang, Đông Sơn, Đông Tân, Đông Thọ, Đông Vinh, Đông Xá, Đông Xuân, Hoa Lư, Hoa Nam, Hoàng Diệu, Hồng Châu, Hồng Giang, Hồng Việt, Hợp Tiến, Liên Giang, Lô Giang, Mê Linh, Minh Châu, Minh Tân, Nguyên Xá, Phong Châu, Phú Châu, Phú Lương, Thăng Long, Trọng Quan.

Ngày 20 tháng 3 năm 1986, chuyển 2 xã Đông Hòa và Hoàng Diệu về thị xã Thái Bình quản lý.

Ngày 2 tháng 12 năm 1986, thành lập thị trấn Đông Hưng trên cơ sở 52,95 ha diện tích tự nhiên với 2.700 nhân khẩu của xã Đông Hợp; 9,10 ha diện tích tự nhiên với 187 nhân khẩu của xã Đông La và 2,42 ha diện tích tự nhiên với 281 nhân khẩu của xã Nguyên Xá.

Ngày 13 tháng 12 năm 2007, chuyển 2 xã Đông Thọ và Đông Mỹ về thành phố Thái Bình quản lý.

** Về vị trí địa lý*

Địa giới huyện Đông Hưng: phía bắc giáp huyện Quỳnh Phụ, phía nam giáp sông Trà Lý (đôi ngạn là huyện Vũ Thư), phía Đông giáp huyện Thái Thụy (ngăn cách bởi sông Diêm và sông Trùng Hoài), phía tây giáp huyện Hưng Hà

Huyện Đông Hưng nằm ở vị trí trung tâm tỉnh Thái Bình, có quốc lộ 10 chạy qua từ phía nam đến phía bắc huyện, quốc lộ 39A chạy từ phía tây đến phía đông. Sông Trà Lý ở phía nam sông Diêm ở phía đông. Sông Tiên Hưng, sông Sa Lung chảy dọc huyện từ tây bắc xuống đến đông nam và nhiều hệ thống sông ngòi khác. Ngoài quốc lộ 10 và quốc lộ 39A còn có các đường 222, 223, 207... Từ thị trấn Đông Hưng về Thành phố Thái Bình 12km, đi thành phố Hải Phòng 60km, đi Thủ đô Hà Nội 120km.

** Văn hóa, xã hội*

Huyện đã và đang xây dựng 16 trường mầm non tập trung, thành lập thêm 2 trường THCS liên xã, có 94/120 trường học đạt chuẩn quốc gia. Phong trào giáo dục của huyện năm 2016 tiếp tục giữ vững thành tích 11 năm liên tục dẫn đầu khối các huyện, thành phố. Toàn huyện có 41/44 trạm y tế xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia. Tỷ lệ sinh con thứ ba giảm 0,31% so với năm 2015. Tỷ lệ hộ nghèo của huyện còn 5,17% (năm 2016). Các chính sách đối với người và gia đình có công với cách mạng, các chính sách xã hội khác được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định. Trung tâm Hành chính công huyện

giải quyết công khai, minh bạch, nhanh gọn các thủ tục hành chính cho công dân, không để quá hạn. Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tiếp tục được duy trì tốt, không để xảy ra khiếu kiện đông người.

** Về diện tích và mật độ dân số*

Huyện Đông Hưng có diện tích 191.76km². Tính đến năm 2017 toàn huyện có tổng dân số là 246.335 người. Mật độ dân số bình quân 1.285 người/km².

** Về khí hậu, thời tiết.*

Đông Hưng nằm trong vùng khí hậu cận nhiệt đới ẩm: mùa hè nóng ẩm, mưa nhiều từ tháng 5 đến tháng 9; mùa đông khô lạnh từ tháng 11 năm trước đến tháng 3 năm sau; tháng 10 và tháng 4 là mùa thu và mùa xuân tuy không rõ rệt như các nước nằm phía trên vành đai nhiệt đới. Nhiệt độ trung bình: 23,5 °C. Số giờ nắng trong năm: 1.600-1.800 giờ. Độ ẩm tương đối trung bình: 85-90%

Đông Hưng nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, nên hàng năm đón nhận một lượng mưa lớn (1.700-2.200mm), lại là vùng bị chia cắt bởi các con sông lớn, đó là các chi lưu của sông Hồng, trước khi chạy ra biển

** Sản xuất nông nghiệp, thủy sản:*

Tổng diện tích gieo trồng ước đạt 11.626,52 ha (trong đó diện tích lúa gieo thẳng đạt 2.000 ha, diện tích cấy bằng máy đạt 600 ha), diện tích lúa chất lượng cao chiếm 40% diện tích. Giá trị sản xuất ngành trồng trọt quý I năm 2018 ước đạt 340,2 tỷ đồng, đạt 21,6% kế hoạch năm, tăng 2,2% so với cùng kỳ. Tiếp tục duy trì 31 cánh đồng mẫu với tổng diện tích: 1.409,37 ha và mô hình cánh đồng 4 vụ/năm ở 5 xã đã thực hiện. Đến nay, tổng đàn gia súc, gia cầm ước đạt 2.030.010 con. Giá trị sản xuất ngành chăn nuôi ước thực hiện 326,7 tỷ đồng, đạt 23,4% kế hoạch năm, tăng 4,7% so với cùng kỳ.

Các hộ nuôi trồng thủy sản thu hoạch sản phẩm, tích cực cải tạo ao, hồ, đầm hiện có. Sản lượng thủy sản thu hoạch ước đạt 2.120 tấn. Giá trị sản xuất đạt 18,6 tỷ đồng, đạt 15,8% kế hoạch năm, tăng 3,9% so với cùng kỳ. Công tác thủy lợi, đê điều và phòng chống thiên tai được quan tâm chỉ đạo thực hiện; 100% diện tích gieo trồng được điều tiết đủ nước, đúng thời gian. Đã tập trung chỉ đạo triển khai cơ chế, chính sách, thực hiện công tác khảo sát, tuyên truyền, vận động nông dân tích tụ ruộng đất nhằm thu hút các doanh nghiệp thuê đất phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao; đến nay có 9 xã đăng ký triển khai với diện tích 788,6ha.

** Xây dựng nông thôn mới:*

Đăng ký thẩm định 3 xã đủ các tiêu về đích chí nông thôn mới năm 2016; Phấn đấu năm 2018 có 02 xã Đô Lương, Đông Hoàng về đích nông thôn mới. Đôn đốc các xã điều chỉnh và đăng ký bổ sung danh mục công trình đề nghị tỉnh hỗ trợ 7.500 tấn xi măng.

** Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, giao thông, xây dựng cơ bản*

Tình hình sản xuất công nghiệp - TTCN ổn định, giá trị sản xuất ước thực hiện 824,1 tỷ đồng, đạt 24,5%. Công tác cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cầu đường và các công trình giao thông được thực hiện đảm bảo tiến độ. Giá trị đầu tư xây dựng cơ bản ước đạt 397,5 tỷ đồng.

** Về thông tin*

Hệ thống thông tin liên lạc trên địa bàn huyện ngày càng được đầu tư hiện đại hóa. Hiện tại huyện có 45/45 điểm bưu điện văn hóa xã, số máy điện thoại tăng nhanh. Hệ thống truyền thanh, truyền hình đã được đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp, bảo đảm cung cấp kịp thời những thông tin kinh tế xã hội, chủ trương đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

2.1.2. Khách thể nghiên cứu

Bảng 2.1: Thống kê đặc điểm của hộ gia đình

Giới tính		Độ tuổi		Trình độ học vấn			Quy mô gia đình		
Nam (%)	Nữ (%)	Từ 31-60 (%)	Trên 60 (%)	TH (%)	THCS (%)	THPT (%)	1 nhân khẩu (%)	2 nhân khẩu (%)	3-5 nhân khẩu (%)
28,75	71,25	25	75	76,9	18,7	4,4	50,6	35,6	13,7

** Giới tính.*

Qua kết quả khảo sát bằng phiếu hỏi đối với 160 người nghèo của 04 xã thấy các chủ hộ nghèo chủ yếu là nữ với 114 người (chiếm 71,25%), chủ hộ là nam 46 người (chiếm 28,75%). Các chủ hộ là nữ chủ yếu là hộ già cả cô đơn, đơn thân nuôi con.

** Độ tuổi.*

Về độ tuổi, Chủ hộ từ 31 - 60 tuổi có 40 người (chiếm 25%), chủ hộ có độ tuổi trên 60 tuổi có 120 người (chiếm 75%).

** Trình độ học vấn:*

Về trình độ học vấn, chủ hộ có trình độ học vấn tiểu học 123 người (chiếm 76,9%), học vấn trung học cơ sở 30 người (chiếm 18,7%) học vấn trung học phổ thông 7 người (chiếm 4,4%).

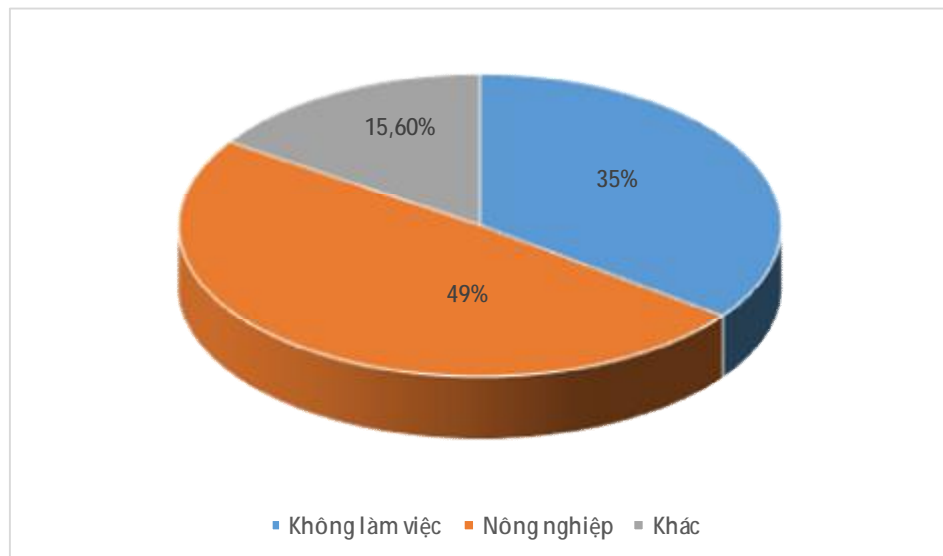
** Quy mô gia đình.*

Về quy mô gia đình, số hộ gia đình có 1 nhân khẩu với 81 hộ (chiếm 50,6%), số hộ gia đình có 2 nhân khẩu với 57 hộ (chiếm 35,6%), số hộ gia đình có từ 3 - 5 nhân khẩu với 22 hộ (chiếm 13,7%). Có thể thấy số hộ có 1 nhân khẩu chiếm phần lớn các nhóm hộ được khảo sát. Từ kết quả nghiên cứu

cho chủ yếu các hộ gia đình hưởng trợ cấp đối tượng bảo trợ xã hội (như người cao tuổi cô đơn, người đơn thân nuôi con nhỏ, người khuyết tật...). Họ là những người yếu thế trong xã hội, chính vì thế mà bản thân họ ít có cơ hội để được tham vấn, tư vấn về phát triển kinh tế dẫn đến tình trạng không thể thoát nghèo.

** Hoạt động về kinh tế và vấn đề việc làm*

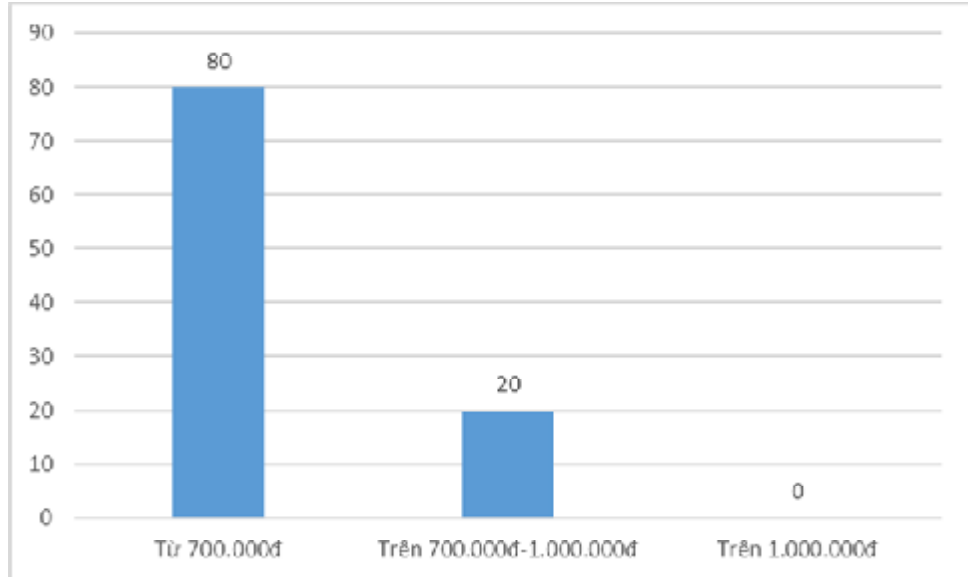
Hoạt động kinh tế của hộ nghèo tại 04 xã được khảo sát tại huyện Đông Hưng cho thấy hoạt động kinh tế chủ yếu các hộ gia đình có 1 nhân khẩu đã quá tuổi lao động không làm kinh tế, một số ít tập trung vào nông nghiệp và một số hoạt động khác. Trong đó loại hình nông nghiệp chủ yếu là làm ruộng, chăn nuôi trâu, bò, lợn gà chiếm tỷ lệ cao với 49% số nhân khẩu tham gia. Các ngành nghề khác chiếm tỷ lệ thấp.



Biểu đồ 2.1. Cơ cấu nghề nghiệp của các hộ nghèo

Kết quả khảo sát cho thấy, qua khảo sát của các hộ gia đình chủ yếu là người yếu thế hưởng trợ cấp xã hội cho nên không có thu nhập cho bản thân,. Cuộc khảo sát cho thấy những người có thể làm việc chủ yếu làm nông nghiệp (làm ruộng) chiếm 49%.; Không làm việc chiếm 35%; Công việc khác (Phu hồ, làm thuê...) chiếm 15,6% .

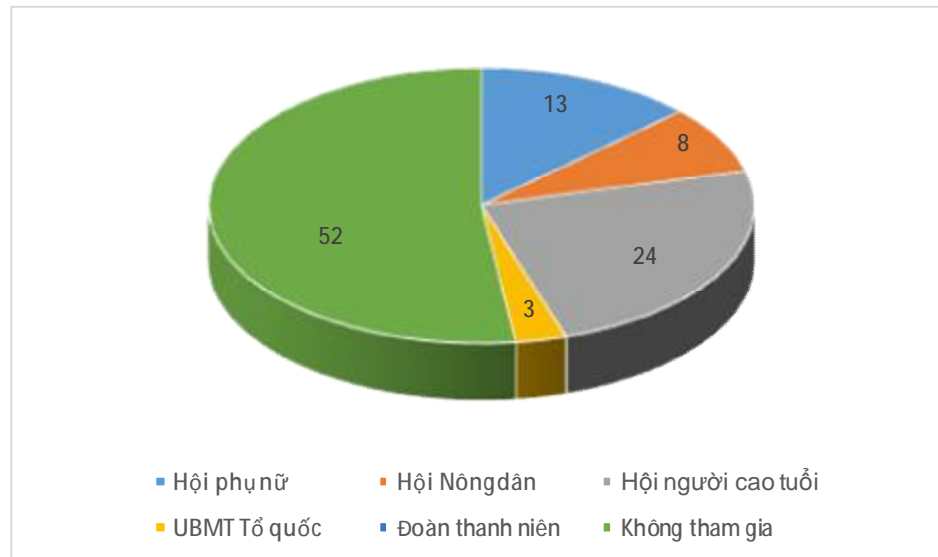
* Thu nhập hộ nghèo.



Biểu đồ 2.2. Thu nhập bình quân hàng tháng.

Kết quả khảo sát cho thấy mức thu nhập bình quân từ 700.000 đ/người/tháng chiếm (80%), trên 700.000đ/tháng - 1.000.000đ /người/tháng chiếm (20%), trên 1.000.000đ/tháng chiếm (0%). Kết quả khảo sát cho thấy nhóm hộ được khảo sát tại 04 xã này có thu nhập thấp là do đối tượng chủ yếu là người cao tuổi đang hưởng chế độ bảo trợ xã hội. Do vậy, mức thu nhập của họ hầu như chỉ đảm bảo nhu cầu sinh hoạt tối thiểu và không có điều kiện để nâng cao mức sống cho nên khó thoát được nghèo.

* *Hoạt động các tổ chức đoàn thể.*



Biểu đồ 2.3. Sự tham gia của hộ nghèo trong các tổ chức đoàn thể.

Kết quả khảo sát cho thấy, trong tổng số 160 hộ được khảo sát, thì nhóm hộ tham gia với vai trò là hội viên hội nông dân chiếm 8%, đoàn thanh niên chiếm 0%, hội người cao tuổi chiếm 24%, hội phụ nữ chiếm 13%, trong khi đó vai trò trong Ủy ban mặt trận tổ quốc chỉ chiếm 3%. Đặc biệt việc số lượng lớn hộ nghèo không tham gia vào các hoạt động xã hội chiếm quá nửa số hộ nghèo được khảo sát (52%). Có thể thấy rằng, điểm hạn chế và cũng là rào cản lớn nhất khiến số lượng hộ nghèo khó có cơ hội tiếp cận các hoạt động xã hội, hay nói các khác vai trò của người nghèo trong giảm nghèo bền vững còn rất hạn chế, vì chủ yếu người nghèo là người cao tuổi, người khuyết tật đi lại khó khăn, còn một số do trình độ học vấn, nhận thức còn thấp...Chính vì vậy mà người nghèo ít có cơ hội hoặc họ lẩn tránh và không muốn tham gia các hoạt động này.

2.2. Thực trạng hoạt động phát triển cộng đồng đối với người nghèo tại huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

2.2.1. Hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức.

Tuyên truyền là việc nêu ra các thông tin (vấn đề) với mục đích cung cấp cho người dân những hiểu biết nhằm giúp họ thay đổi nhận thức, thái độ

và hành vi theo chiều hướng nào đó mà người nêu thông tin mong muốn. Trong luận văn này hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân về công tác giảm nghèo là các hoạt động truyền thông giúp cho người dân có những hiểu biết về các chủ trương, chính sách của Đảng, các chương trình can thiệp của Chính phủ và địa phương..... đối với công tác giảm nghèo nhằm giúp cho người dân thay đổi nhận thức, thái độ, hành vi, tự chủ vươn lên thoát nghèo bền vững.

Hầu hết người nghèo đều không nhận thức đầy đủ được rằng chính bản thân họ mới là nhân tố quan trọng nhất giúp họ thoát nghèo và phát triển kinh tế bền vững. Do đó cần phải tổ chức các hoạt động tuyên truyền tới người nghèo để họ hiểu rằng: Người nghèo là một bộ phận cấu thành của bộ máy giảm nghèo, chỉ có họ mới làm cho họ thoát khỏi nghèo một cách nhanh chóng và bền vững nhất. Hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người nghèo về chính sách xóa đói giảm nghèo qua các hình thức chủ yếu sau:

- Tuyên truyền miệng: là một hình thức đặc biệt của tuyên truyền, được tiến hành thông qua sự giao tiếp trực tiếp giữa người tuyên truyền với đối tượng tuyên truyền, chủ yếu bằng lời nói trực tiếp. Tuyên truyền miệng thông qua các buổi trao đổi, tư vấn, tham vấn, thảo luận trực tiếp với người nghèo và gia đình của họ.

- Tuyên truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng: báo đài, băng rôn, tờ rơi, bản tin, sách, khẩu hiệu... với hình thức phù hợp với trình độ nhận thức và phong tục tập quán tại địa phương.

Những yếu tố gây cản trở trong quá trình tuyên truyền:

- Yếu tố chủ quan đối với người làm công tác tuyên truyền: kiến thức về vấn đề tuyên truyền; sử dụng ngôn ngữ trong quá trình tuyên truyền; kỹ năng tuyên truyền; lựa chọn các thông điệp tuyên truyền.

- Yếu tố chủ quan đối với người dân được tuyên truyền: Trình độ văn hóa; ngôn ngữ của người dân bản địa; sự khác biệt về truyền thống văn hóa; các định kiến; quan điểm, cảm xúc, kinh nghiệm cá nhân của người được tiếp nhận thông tin tuyên truyền.

- Yếu tố khách quan: Các yếu tố liên quan đến điều kiện phát triển kinh tế, mức thu nhập của người dân địa phương; ảnh hưởng của các dịch vụ xã hội như y tế, văn hóa, giáo dục.

Hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân đặc biệt là người nghèo, nhằm giúp họ hiểu biết các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, các chương trình dự án hỗ trợ cho người nghèo thoát nghèo bền vững là một trong những hoạt động quan trọng trong phát triển cộng đồng. Tuy nhiên để hoạt động tuyên truyền đạt được kết quả như mong muốn, phần lớn phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố như cơ sở vật chất phục vụ công tác tuyên truyền, tài liệu, trình độ dân trí, kiến thức và kỹ năng của người làm công tác truyền thông.

(1) Kết quả khảo sát bằng bảng hỏi cho thấy, hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức thông qua các cuộc trao đổi, tư vấn, tham vấn, thảo luận trực tiếp giữa người dân với cơ quan quản lý nhà nước (tỉnh, huyện, các hội đoàn thể...) được người dân đánh giá cao nhất chiếm tới 100% tổng số người được khảo sát, đứng thứ hai là hình thức tuyên truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng (loa, đài, ti vi..) chiếm 85,5%. Mặc dù có sự đánh giá khá cao của người dân, tuy nhiên cách làm này chưa làm nổi bật lên được vai trò và quyền lợi của người dân trong việc tiếp nhận các chương trình giảm nghèo. Người dân sẽ bị thụ động trong việc nghe và không bày tỏ được quan điểm của mình về những chương trình giảm nghèo đó. Trong khi đó hình thức nói chuyện, hội, họp dân rất có hiệu quả thì chưa được áp dụng nhiều ở nơi đây (trung bình 01 tháng họp 01 lần), hình thức này chỉ chiếm 50%. Tiếp theo

là hình thức tuyên truyền thông qua băng rôn, khẩu hiệu, Pano, áp phích với sự đánh giá của người dân là 43,75% (do loại hình tuyên truyền này đã có thay đổi nhiều về hình thức, nội dung...đã tạo được sự chú ý của người dân), trong khi đó hình thức tuyên truyền bằng tài liệu/ tờ rơi/tờ gấp chỉ chiếm 21,87% đây là tỷ lệ tương đối thấp so với trước đây, vì hình thức này là hình thức tuyên truyền chủ lực của hơn 5 năm về trước.

Bảng 2.2. Hình thức của hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức

STT	Hình thức tuyên truyền	Kết quả thực hiện	
		Số phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Các cuộc trao đổi, tư vấn, tham vấn, thảo luận trực tiếp	160	100
2	Qua phương tiện thông tin đại chúng loa phát thanh	140	87,5
3	Thông qua nói chuyện, họp, hội nghị	80	50
4	Băng rôn, khẩu hiệu, Pa nô, áp phích	70	43,75
5	Tờ rơi, sách, báo	35	21,87
6	Khác	0	0

Tuy nhiên có thể thấy, các hình thức tuyên truyền ngày càng được đổi mới cả về hình thức lẫn nội dung, thu hút được người dân. Đây được coi là những hoạt động quan trọng trong việc triển khai thực hiện công tác giảm nghèo nhằm nâng cao nhận thức về giảm nghèo cho người dân đặc biệt là hộ nghèo, giúp người nghèo thay đổi nhận thức, chủ động hơn trong cuộc sống, tiến tới vươn lên thoát nghèo (hạn chế tư tưởng trông chờ ỷ lại).

Theo kết quả thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu cũng cho thấy, trong điều kiện cơ sở vật chất còn nhiều hạn chế, nhu cầu được biết thông tin của người dân ngày càng tăng, trong khi đó đội ngũ cán bộ làm công tác truyền

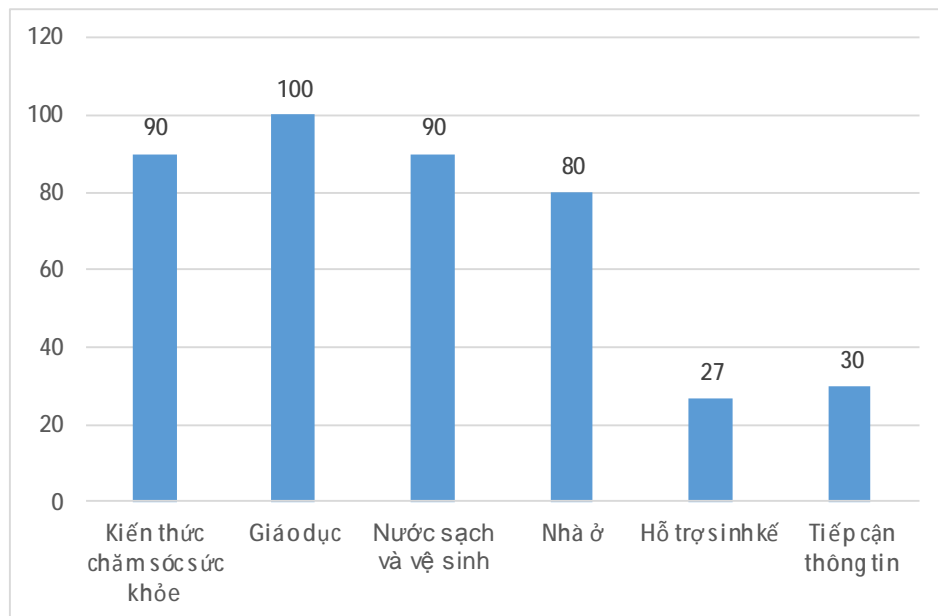
thông ở cơ sở còn hạn chế, để khắc phục những hạn chế trên các xã cũng đã chủ động xin các tài liệu tuyên truyền về công tác xóa đói giảm nghèo, các chủ trương và các giải pháp của địa phương chuyển tải tới người dân. Tuy nhiên khó khăn lớn nhất đối với công tác truyền thông là đối tượng người nghèo cần được tuyên truyền để họ hiểu hơn về các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, các giải pháp của địa phương liên quan đến công tác xóa đói giảm nghèo không được người nghèo quan tâm. Người nghèo rất ít khi tham gia các cuộc họp thôn cũng như cuộc họp của các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội (kênh tuyên truyền chủ yếu).

Khi tìm hiểu về các hình thức của hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức ở địa phương, qua thảo luận nhóm ông Nguyễn Ngọc K, Cán bộ Lao động - TBXH, xã Hồng Châu cho rằng:

“Là xã có đối tượng hộ nghèo chủ yếu là già cả cô đơn sống một mình nên công tác tuyên truyền gặp nhiều khó khăn. Để đảm bảo tuyên truyền sâu rộng các chính sách của Đảng và nhà nước đến với người dân, ngoài các hình thức tuyên truyền như đọc báo, nghe đài, hội họp... thì công tác tuyên truyền những năm trở lại đây đã có nhiều thay đổi, bản thân tôi đánh giá cao hình thức tuyên truyền trực tiếp của các cơ quan nhà nước với người dân, như đoàn cán bộ của Sở Lao động Thương binh và Xã hội họ đã trực tiếp xuống các xã để tuyên truyền chính sách mới nhất của nhà nước, ngoài ra họ còn lắng nghe những phản ánh, đồng thời trả lời những khúc mắc của bà con... Ngoài ra, các thông tin đến người nghèo và người dân còn được tuyên truyền thông qua các cuộc họp thôn bản. Tuy nhiên, do bản ít nhiều còn tự ti, nên khi họp người nghèo ít tham dự, nếu đến cũng không tham gia phát biểu ý kiến”

(2) Sự thành công của chương trình giảm nghèo ở các cấp, ngoài việc có nguồn lực đủ mạnh (nhân lực và vật lực) thì phải kể đến sự đóng góp đáng

kê của các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức. Đây chính là nền tảng cho kết quả giảm nghèo bền vững, vì hiện nay cái nghèo căn bản chính là nghèo về nhận thức, về tư tưởng. Có thể thấy thời gian qua các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức đã đạt được những thành công. Nội dung của hoạt động tuyên truyền đã “tìm ra” và đưa đến cho người dân những cái mà người dân cần để tổ chức tuyên truyền, góp phần làm thay đổi nhận thức và hành vi, cách tiếp nhận của người dân đặc biệt là người nghèo về nguyên nhân, hậu quả tác động đến cuộc sống của họ.



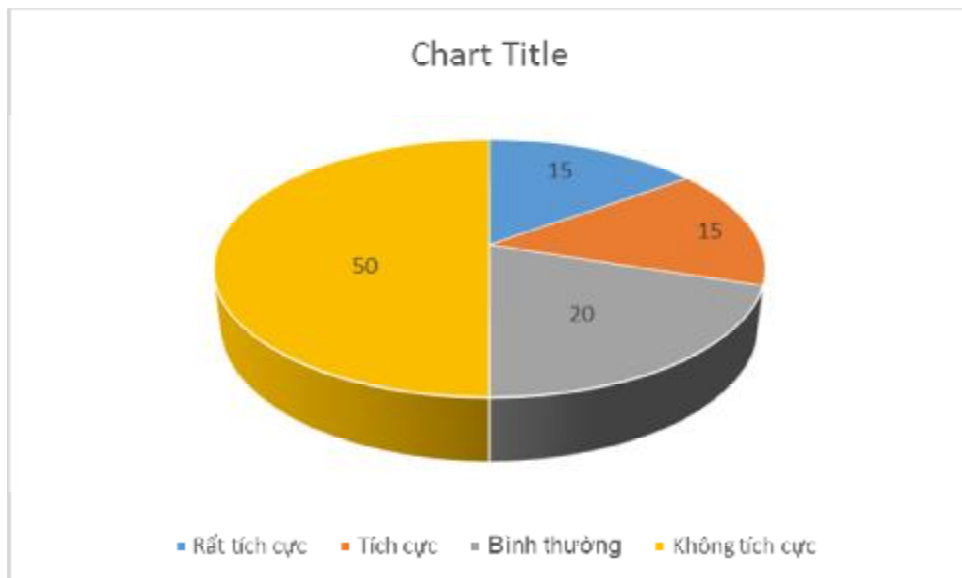
Biểu đồ 2.4. Nội dung của hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức

Kết quả khảo sát cho thấy nội dung của hoạt động tuyên truyền chủ yếu về giáo dục, kiến thức chăm sóc sức khỏe; nước sạch và vệ sinh; sinh kế và nhà ở. Vì đây là thông tin thời gian gần đây được người dân quan tâm nhất, các hoạt động có ảnh hưởng và tác động trực tiếp đến đời sống sinh hoạt và làm thay đổi nhận thức của các cấp chính quyền địa phương, nhận thức của người dân đặc biệt là người nghèo, người thuộc hộ cận nghèo từ đó giúp họ tiếp cận với các dịch vụ hỗ trợ để họ vươn lên thoát nghèo.

Theo ông Bùi Văn Q trưởng thôn Duyên Tục, xã Phú lương (thảo luận nhóm)

“Nội dung của hoạt động tuyên truyền mấy năm trở lại đây đã có nhiều thay đổi và được quan tâm thường xuyên hơn, nội dung của hoạt động ngày càng đa dạng và có tính thời sự hơn, những thay đổi phù hợp với nhận thức của người dân. Nội dung tuyên truyền tập trung vào các chính sách như: Hỗ trợ vay vốn; giáo dục; hỗ trợ BHYT, nhà ở, vệ sinh – nước sạch... Có thể nói các hoạt động truyền thông đã mang lại hiệu quả nhất định, từ những hoạt động này mà người dân nắm bắt được rõ ràng và cụ thể hơn các chính sách của nhà nước.

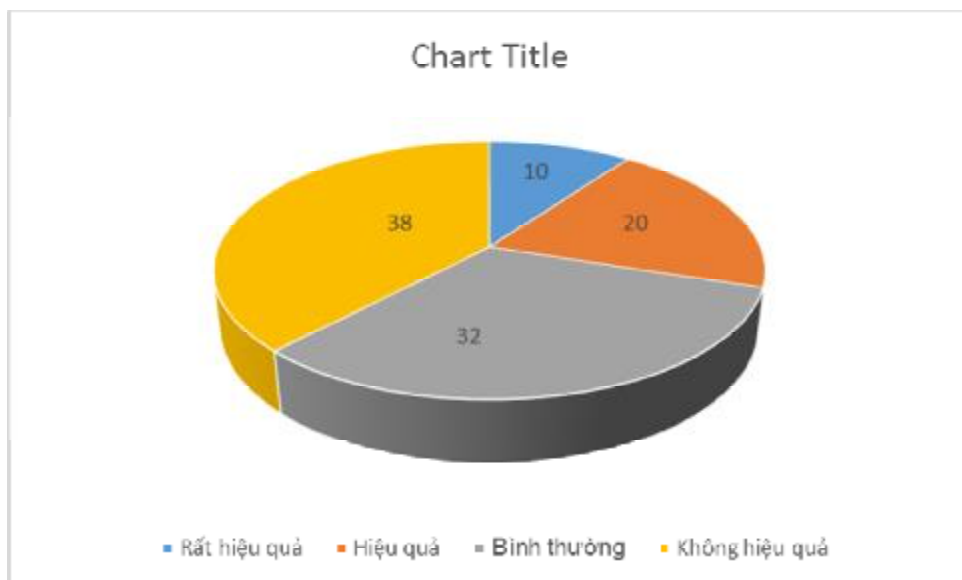
Trước đây do điều kiện kinh tế khó khăn, nên công tác tuyên truyền đến người dân còn hạn chế, nội dung tuyên truyền thì nghèo nàn, không gây được sự chú ý của người dân; kinh phí hỗ trợ cho công tác tuyên truyền về giảm nghèo còn ít, các hoạt động tuyên truyền chậm đổi mới chính vì thế nên hiệu quả của công tác này chưa cao”.



Biểu đồ 2.5. Sự tham gia của người dân trong hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức

Qua khảo sát 160 hộ tại 04 xã, kết quả cho thấy số hộ trả lời có tham gia (rất tích cực) chiếm 15% (24 hộ); 15% số người trả lời có tham gia tích cực; 20% (32 hộ) được cho là họ chỉ tham gia ở mức độ bình thường; trong khi đó 50% (80 người) được hỏi không tham (không tích cực) đây là nhóm chủ yếu là hộ nghèo “bền vững”, nghèo cao tuổi, khuyết hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng.

Việc triển khai thực hiện chính sách luôn được các địa phương quan tâm, ngoài việc sử dụng ngân sách nhà nước thì việc huy động nguồn lực (xã hội hoá) từ các doanh nghiệp, cá nhân... để triển khai thực hiện luôn được các địa phương đưa vào chương trình hành động của mình. Trong thực hiện chương trình giảm nghèo ngoài nguồn kinh phí từ ngân sách Tỉnh, huyện...thì một phần không nhỏ nguồn lực được huy động từ cộng đồng (xã hội hoá). Việc huy động nguồn lực xã hội hoá là nhiệm vụ tương đối khó khăn, đặc biệt trong lĩnh vực giảm nghèo, nhất là việc huy động phục vụ cho công tác truyền thông.



Biểu đồ 2.6. Huy động nguồn lực trong hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức

Kết quả khảo sát cho thấy, số hộ trả lời việc huy động nguồn lực phục vụ cho công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức từ người dân (rất hiệu quả) chỉ chiếm 10%, đây là nhóm các hộ luôn hưởng ứng tham gia đóng góp khi được địa phương kêu gọi, trong đó có cả việc huy động phục vụ chương trình giảm nghèo; 20% số trả lời có hiệu quả; 32% là số người cho rằng huy động nguồn lực chỉ ở mức độ bình thường, trong khi đó có đến 38% số người được hỏi không hiệu quả.

2.2.2. Hoạt động kết nối nguồn lực.

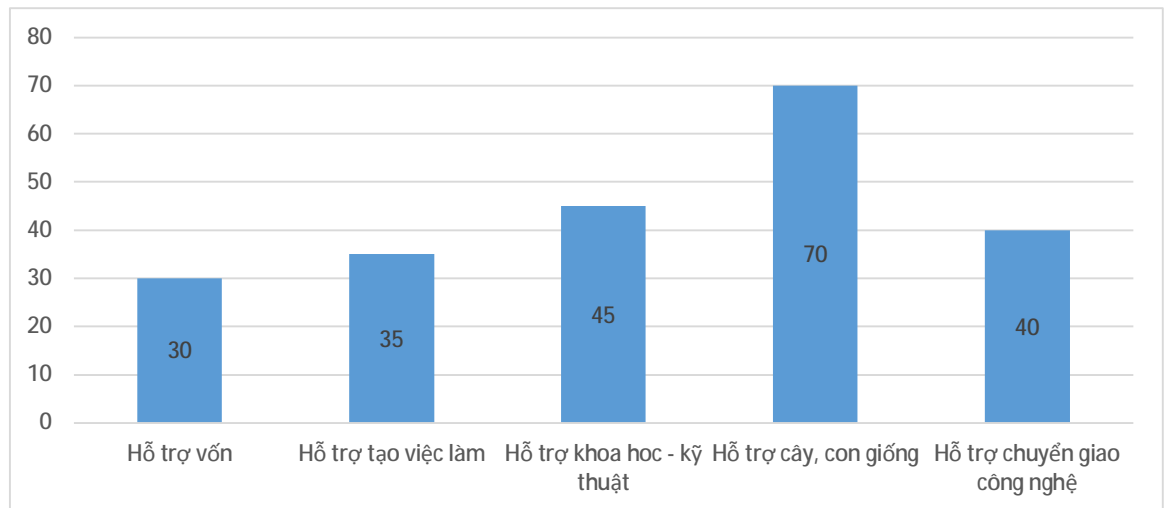
Có nhiều hoạt động hỗ trợ cho người nghèo sinh kế để thoát nghèo bền vững như:

- Hỗ trợ tín dụng: Tín dụng đối với hộ nghèo cung cấp dịch vụ tài chính quy mô nhỏ chủ yếu là tín dụng và tiết kiệm để giúp họ có động lực vươn lên thoát nghèo. Chính sách tín dụng tạo điều kiện cho người nghèo không phải vay nặng lãi, nên hiệu quả kinh tế được nâng cao, cung ứng vốn cho họ phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh. Tác viên cộng đồng thực hiện nhiệm vụ tham vấn và tư vấn, kết nối các hộ nghèo tới các chương trình hướng dẫn hộ gia đình vay vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, để từ đó họ cải thiện tình hình kinh tế gia đình. Đối với người nghèo hỗ trợ tín dụng chủ yếu thông qua hoạt động ngân hàng chính sách xã hội và quỹ tín dụng do các thành viên cộng đồng thành lập như quỹ tín dụng hỗ trợ vay vốn của Hội phụ nữ.

- Hỗ trợ dạy nghề và tìm kiếm việc làm: Đối với người nghèo thì có việc làm đi đôi với có thu nhập để nuôi sống bản thân mình, cải thiện cuộc sống. Việc đào tạo nghề phải gắn chặt với trình độ học vấn, trình độ tay nghề của từng người dân. Vấn đề dạy nghề cũng cần phải gắn với hoạt động tìm kiếm việc làm, tạo điều kiện cho người nghèo vươn lên thoát nghèo.

- Hoạt động khuyến nông : Thực hiện hỗ trợ các hộ nghèo để phát triển sản xuất, kinh doanh tăng thu nhập, thoát đói nghèo, làm giàu thông qua các hoạt động đào tạo về kiến thức, kỹ năng và các hoạt động cung ứng dịch vụ.

(1) Với chủ trương hỗ trợ và cung cấp tốt nhất các dịch vụ sản xuất nhằm phát triển kinh tế cho người dân, đặc biệt là hộ nghèo, hộ cận nghèo. Những năm qua, các hoạt động kết nối sản xuất cho người nghèo ngày càng được các cơ quan, ban, ngành, hội đoàn thể và UBND các địa phương quan tâm, trong đó tập trung vào hỗ trợ vốn vay, hỗ trợ sản xuất, tạo việc làm, hỗ trợ khoa học - kỹ thuật, cây-con-giống, chuyển giao công nghệ nhằm giúp hộ nghèo, hộ cận nghèo tăng thu nhập. Đây được xem là một trong những nhiệm vụ hàng đầu của mỗi địa phương, đơn vị.



Biểu đồ 2.7. Hoạt động kết nối các nguồn lực

Qua nghiên cứu cho thấy, trong tổng số 160 hộ dân được hỏi ở 04 xã của huyện Đông Hưng, nhóm đối tượng được hỗ trợ cây con giống chiếm 70%, nhóm đối tượng hỗ trợ khoa học – kỹ thuật chiếm 45%, nhóm đối tượng được hỗ trợ chuyển giao công nghệ 40%, nhóm đối tượng hỗ trợ tạo việc làm chiếm 35%, hoạt động hỗ trợ vay vốn chỉ có 30% đối tượng nói được kết nối với hoạt động này. Trong giai đoạn tới hoạt động hỗ trợ việc làm được UBND các địa phương đưa vào nghị quyết của cấp huyện và cấp xã, nhằm

đẩy mạnh việc hỗ trợ giải quyết việc làm cho người dân, tiến tới xuất khẩu lao động với mục tiêu tận dụng tối đa nguồn lao động trẻ của địa phương mặt khác giúp hộ gia đình trên địa bàn có thêm nguồn thu, và ổn định cuộc sống.

“Năm nay bà con được hỗ trợ nhiều, khác những năm trước, có nhiều nhà được hỗ trợ vay vốn, rồi đi tập huấn Hội nghị “Đầu bờ” về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, nhiều nhà được tham gia mô hình, được cấp phát cây-con giống...bà con phấn khởi lắm. Nhà tôi có 5 người (được hỗ trợ vay vốn), được hỗ trợ nuôi bò sinh sản, được các cán bộ về hướng dẫn chăn nuôi, nói chung là rất vui...”

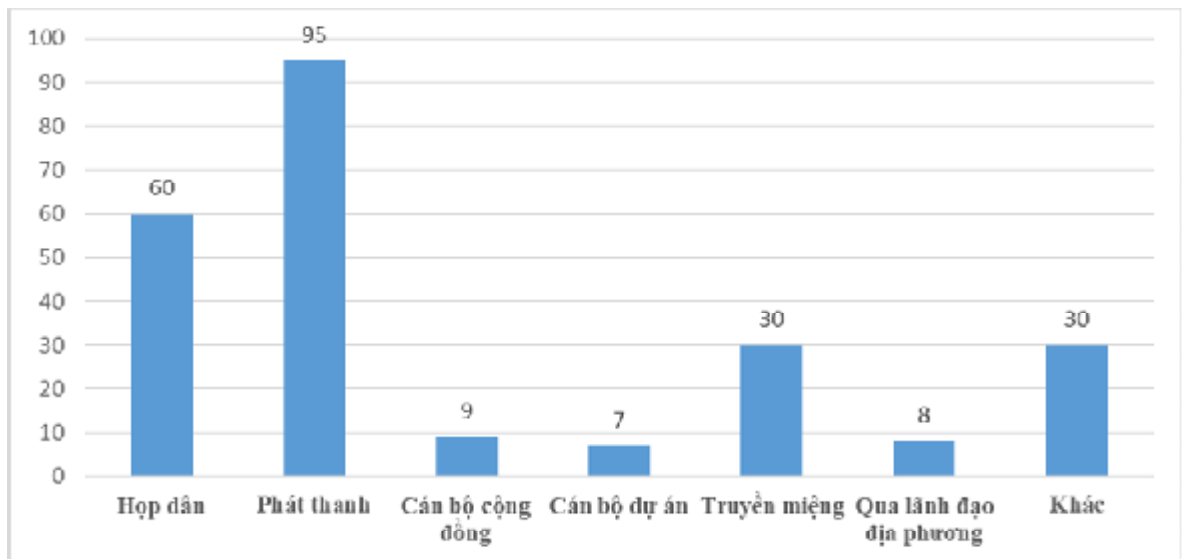
(PVS gia đình nghèo Đỗ Xuân T - thôn Tây Chí- xã Hồng Giang – huyện Đông Hưng)

(2) Qua kết quả khảo sát đối với 160 hộ dân của 04 xã, khi được hỏi “Anh/chị biết đến các hoạt động kết nối sản xuất trong giảm nghèo bền vững qua hình thức nào sau đây”. Kết quả cho thấy, hình thức nghe từ đài phát thanh chiếm 95% đây là hình thức chủ yếu và truyền thống từ trước đến nay của người dân, Ngược lại, hình thức truyền miệng nhận được sự đánh giá khá thấp của người dân chỉ với 30%, nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là do loại hình này chưa làm nổi bật lên vai trò và quyền lợi của người dân trong việc tiếp nhận thông tin từ các chương trình, đặc biệt là thông tin từ chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Người dân sẽ bị thụ động trong việc nghe và không bày tỏ được quan điểm của mình về những chương trình giảm nghèo đó, đây được xem là nguyên nhân khiến người dân đánh thấp đối với loại hình này. Trong khi đó, việc tiếp nhận thông tin qua hình thức họp dân đã tạo được hiệu ứng từ người dân bằng việc có đến 60% số người được hỏi, hoặc hình thức chuyển tải thông tin thông qua cán bộ cộng đồng hoặc cán bộ dự án là những cách làm mới, thể hiện được quyền lợi và sự tôn trọng quyền lợi, lợi ích của người dân thì chưa hề được đề cập tới. Thậm chí người

dân còn lạ lẫm với những cái tên như “cán bộ cộng đồng” (CBCĐ) hay “cán bộ dự án”. Mặt khác nhân viên làm việc trong chương trình phát triển cộng đồng (PTCĐ) hay còn gọi là “cán bộ cộng đồng” hay “cán bộ dự án” lại có vai trò rất quan trọng là người tổ chức, lập kế hoạch, người tổ chức và xúc tác cho quá trình hợp tác, người bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kỹ năng của người dân về điều kiện sống và quyền an sinh và phát triển, đồng thời cũng là cầu nối giữa nhóm người nghèo, thiệt thòi với những nguồn lực sẵn có. Trong các mô hình PTCĐ cán bộ cộng đồng sẽ có những vai trò rất thiết thực và có hiệu quả với việc giảm nghèo của người dân.

Như vậy vai trò của cán bộ cộng đồng là rất quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế của các hộ nghèo. Tuy nhiên ở huyện Đông Hưng nói chung và các xã hiện nay của huyện chưa có CBCĐ điều này cũng đồng nghĩa với việc quyền lợi và tiếng nói của người dân còn bị hạn chế và thiếu hụt nhiều, thiếu CBCĐ cũng đồng nghĩa với việc gắn các mô hình giảm nghèo theo PTCĐ là chưa hề có ở nơi đây.

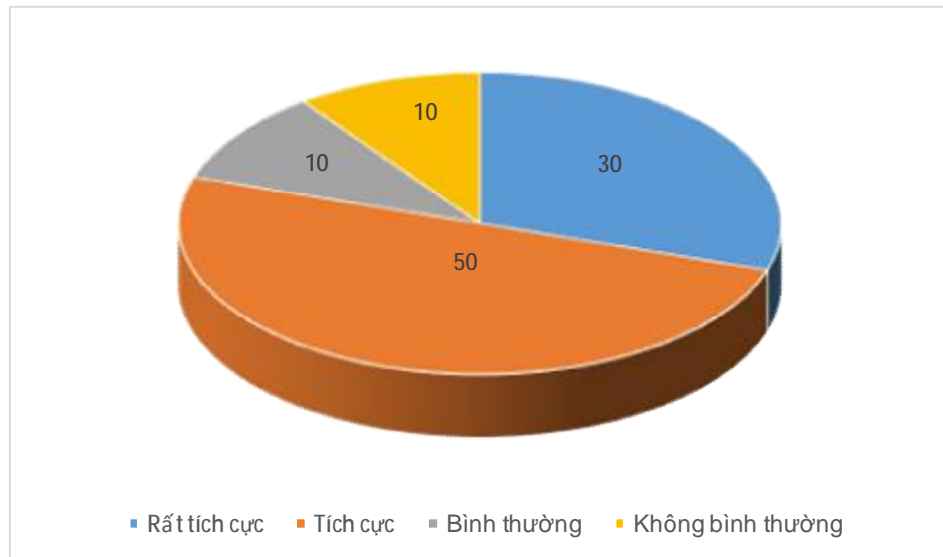
Kết nối nguồn lực ở địa phương này, hình thức qua lãnh đạo địa phương chiếm tỷ lệ rất ít 8%. Theo như số đông người dân chia sẻ thì những hộ mà được biết thông tin qua lãnh đạo địa phương thường là những hộ có mối quan hệ với lãnh đạo, hoặc quan hệ hàng xóm. Tỷ lệ giữa các câu trả lời được thể hiện bằng biểu đồ dưới đây.



Biểu đồ 2.8. Tỷ lệ những hộ được biết về các hình thức kết nối nguồn lực.

(3) Đối với mỗi chương trình hay thực hiện một sự việc nào đó, sự tham gia của người dân là rất quan trọng và là nhân tố quyết định đến sự thành công. Một yếu tố chính trong chiến lược phát triển cộng đồng chính là sự tham gia của người dân. Phương pháp phát triển cộng đồng đặt nền tảng trên sự giả định rằng phát triển bắt đầu ở cấp thấp nhất với sự đóng góp của quần chúng từ sáng kiến, nhân lực, vật lực huy động để thực hiện chiến lược phát triển. Kinh nghiệm của các nước đi trước cho thấy rằng có một mối liên hệ quan trọng giữa mức độ và cường độ tham gia của người dân với sự thành công của những hoạt động phát triển. Mức độ tham gia của quần chúng phụ thuộc rất nhiều vào tính chất của dự án phát triển và các yếu tố khác như: Mô hình phát triển, phong cách quản lý, mức độ nâng cao quyền lực, bối cảnh văn hóa xã hội, phong tục tập quán của từng địa phương

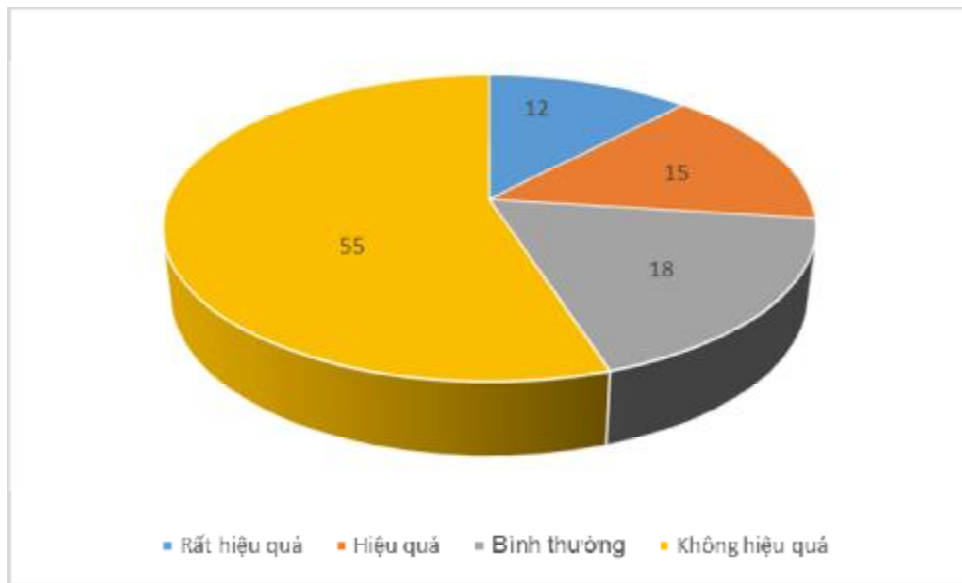
Khi được hỏi “Anh/chị cho biết sự tham gia vào hoạt động kết nối nguồn lực trong giảm nghèo bền vững?” có đến 30% hộ gia đình trả lời rất tích cực tham gia; 50% trả lời tích cực và 10% trả lời tham gia bình thường và không tích cực tham gia. Tỷ lệ giữa các câu trả lời được thể hiện bằng biểu đồ dưới đây.



Biểu đồ 2.9. Sự tham gia của người dân vào hoạt động kết nối nguồn lực

Như vậy từ biểu đồ trên ta có thể thấy được tiến trình mà người dân được tham gia vào hoạt động kết nối nguồn lực trong giảm nghèo bền vững ở các mức độ khác nhau. Trong đó, chiếm tỷ lệ cao nhất là nhóm các hộ có nhận thức và nhu cầu rõ ràng, họ thể hiện sự quan tâm và trân trọng những hỗ trợ của nhà nước, các tổ chức xã hội, đồng thời bản thân họ muốn hướng đến có cuộc sống ấm no hơn. Điều này có nghĩa là họ là người trực tiếp các hoạt động này, tuy nhiên qua khảo sát cũng cho thấy một thực tế một bộ phận không nhỏ các hộ dân còn chưa quan tâm đến việc hỗ trợ kết nối sản xuất, trong các cá nhân này vẫn còn mang đậm sự trông chờ vào sự hỗ trợ trực tiếp của nhà nước, bản thân không thích lao động, tư tưởng “thích nghèo” vẫn còn đeo bám trong suy nghĩ của họ.

(4) Chương trình giảm nghèo của Tỉnh, của huyện cũng như của các xã khi xây dựng (chương trình, kế hoạch giai đoạn cũng như hằng năm) đều đưa việc huy động nguồn lực từ cộng đồng để phối hợp với nguồn lực từ ngân sách nhà nước để thực hiện chương trình. Tuy nhiên, việc huy động nguồn lực (xã hội hóa) của huyện Đông Hưng là việc khó đối với địa phương này.



Biểu đồ 2.10. Huy động nguồn lực từ cộng đồng cho hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức.

Từ câu hỏi khảo sát “Theo anh/chị hằng năm chính quyền địa phương tổ chức vận động nguồn lực cộng đồng để thực hiện giảm nghèo bền vững có thu được kết quả như mong muốn không?”. Kết quả khảo sát (Biểu đồ 2.10) cho thấy đa phần hộ dân được hỏi đều cho rằng việc huy động nguồn lực để thực hiện chương trình giảm nghèo của địa phương để thực hiện chương trình giảm nghèo nói chung là không thực hiện được hay nói đúng hơn là “không hiệu quả”. Từ biểu đồ có thể thấy có đến 55% người dân được cho là chính quyền địa phương tổ chức vận động nguồn lực cộng đồng những không đạt được kết quả như mong đợi, trong khi đó số người đánh giá hoạt động rất hiệu quả chỉ chiếm 12% số người được hỏi. Đây là thực trạng diễn ra không chỉ đối với người dân thuộc huyện Đông Hưng mà còn ở một số địa phương có nền kinh tế chậm phát triển trên địa bàn tỉnh.

2.2.3. Hoạt động hỗ trợ dịch vụ xã hội.

Trong hoạt động giảm nghèo, có nhiều hoạt động được đồng thời diễn ra, cụ thể:

- Hỗ trợ y tế: Tạo điều kiện cho người nghèo tiếp cận các chính sách hỗ trợ y tế: miễn giảm chi phí khám chữa bệnh cho người nghèo, cấp thẻ bảo hiểm y tế...

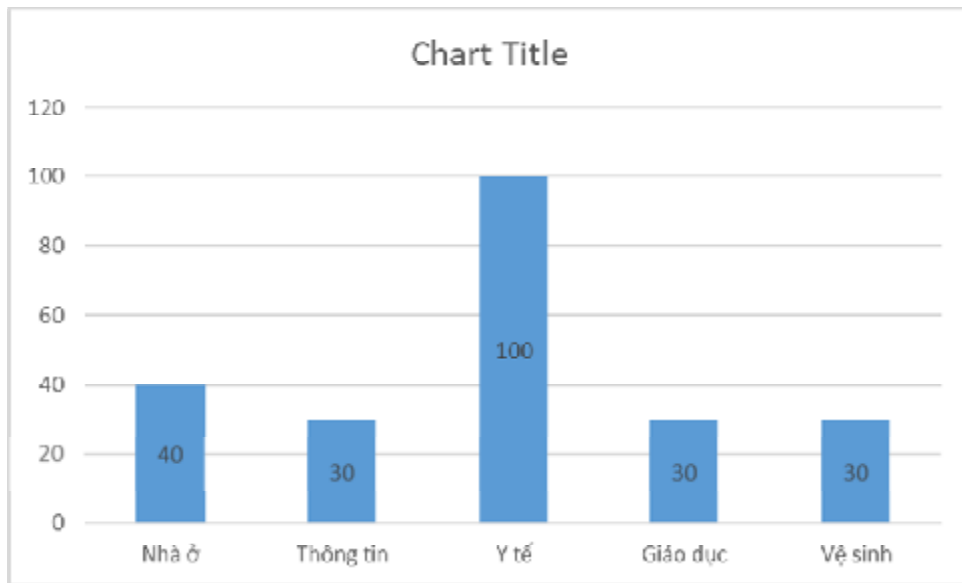
- Hỗ trợ về giáo dục: Miễn giảm học phí, tạo điều kiện con em các hộ nghèo có điều kiện tiếp tục đến trường. Hỗ trợ xây dựng nhà ở giáo viên, tăng lương, phụ cấp, chính sách khen thưởng kết hợp đào tạo, bồi dưỡng cho giáo viên.

- Hỗ trợ nhà ở: Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả chương trình hỗ trợ xây dựng nhà ở, đất ở, đất sản xuất cho hộ nghèo, theo chủ trương của Chính phủ với phương thức "Nhà nước và nhân dân cùng làm".

- Hỗ trợ nước sạch, vệ sinh: Hỗ trợ người dân đặc biệt là người nghèo được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, giảm thiểu ô nhiễm môi trường ở khu vực người dân sinh sống, trong đó đặc biệt quan tâm đến các hộ gia đình là hộ nghèo, hộ khó khăn.

- Hỗ trợ văn hóa: Tạo điều kiện và cơ hội cho mọi người, nhất là người nghèo được tiếp cận nhiều hơn, hưởng thụ nhiều hơn những thành quả phát triển về văn hoá, nghệ thuật.

(1) Việc cung cấp các dịch vụ xã hội cho người dân đặc biệt là người nghèo được xem là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của mỗi địa phương. Các hoạt động cung cấp dịch vụ xã hội được hỗ trợ thông qua các dịch vụ xã hội cơ bản đặc thù, giúp người nghèo có thêm nguồn lực có thể xây dựng cuộc sống tốt đẹp hơn bằng sự độc lập về kinh tế, sự khẳng định quyền con người được hòa nhập và tham gia vào các hoạt động cộng đồng, xã hội; 05 dịch vụ xã hội cơ bản bao gồm: Y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin.



Biểu đồ 2.11. Tỷ lệ tiếp cận các dịch vụ xã hội.

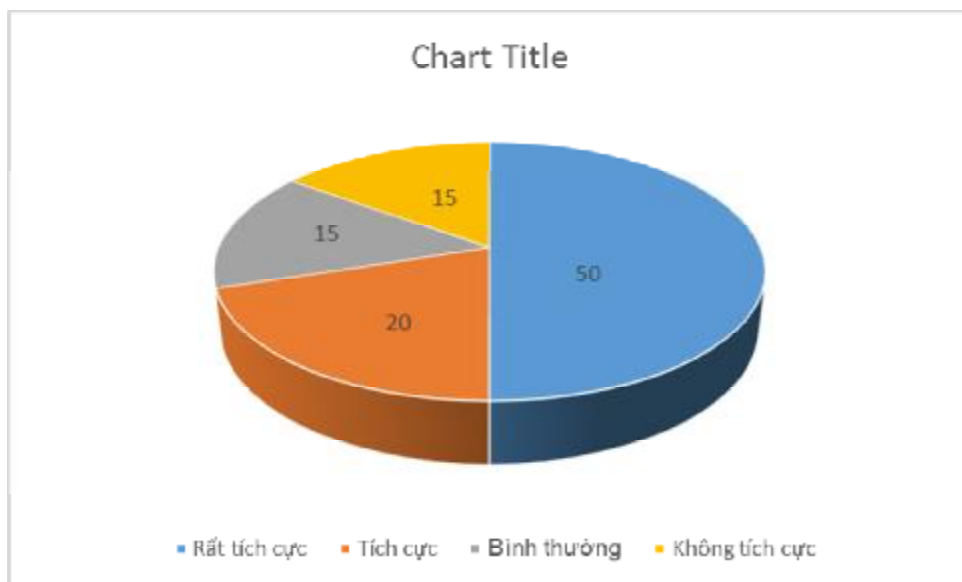
Từ *biểu đồ 2.11* cho thấy khi được hỏi về mức độ tiếp cận các dịch vụ xã hội, có đến 160/160 (100%) hộ đánh giá cao và cho rằng bản thân và gia đình được hưởng đầy đủ chính sách về y tế của nhà nước, đứng thứ hai về nhà ở 40% và thứ ba về giáo dục; dịch vụ về thông tin; dịch vụ về vệ sinh 30%. Dịch vụ về y tế được đánh giá cao, vì người dân rất quan tâm đến sức khỏe của bản thân và gia đình. Thực tế chỉ ra rằng, những năm gần đây Nhà nước đã có những chính sách hỗ trợ mua bảo hiểm y tế cho các thành viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định theo **Luật bảo hiểm y tế sửa đổi, bổ sung năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bảo hiểm y tế; Nghị định 105/2014/NĐ-CP**. Bên cạnh đó hệ thống cơ sở vật chất phục vụ khám chữa bệnh ngày càng được đầu tư, hiện mỗi xã đều có một trạm y tế cấp xã, được trang bị đầy đủ các thiết bị y tế để khám, chữa bệnh cho người dân. Vì vậy với những bệnh thông thường thì người dân đều được khám và điều trị tại tuyến y tế cơ sở.

“Cái thôn này toàn hộ già cả cô đơn nghèo thôi, không tạo thu nhập nên được nhà nước ưu tiên cấp BHYT miễn phí cho 100% bàn con mừng lắm, nhất là người nghèo khó như chúng tôi, bây giờ cũng già rồi, hay ốm đau

lắm, nên phải tới trung tâm y tế xã thường xuyên xin thuốc về uống. Còn nặng hơn chuyển khám chữa bệnh tại Bệnh viện da khoa huyện, tỉnh... nếu không thể BHYT thì tốn cái tiền lắm. Có chính sách khám, chữa bệnh này bà con vui lắm, mọi người rất an tâm, lúc đau ốm không còn phải lo tìm tiền đi chữa bệnh nữa”.

(PVS Mai Thị My, trú tại thôn Tây Chí, xã Hồng Giang)

(2) Các hoạt động cung cấp dịch vụ cơ bản để hỗ trợ đối tượng nghèo là rất quan trọng và cần thiết. Khi họ được tiếp cận với các hoạt động hỗ trợ, đáp ứng cơ bản nhu cầu sinh hoạt, sản xuất của đồng bào thì bản thân họ sẽ tự vươn lên thoát nghèo.



Biểu đồ 2.12. Mức độ tham gia của người dân trong các dịch vụ xã hội trong giảm nghèo bền vững.

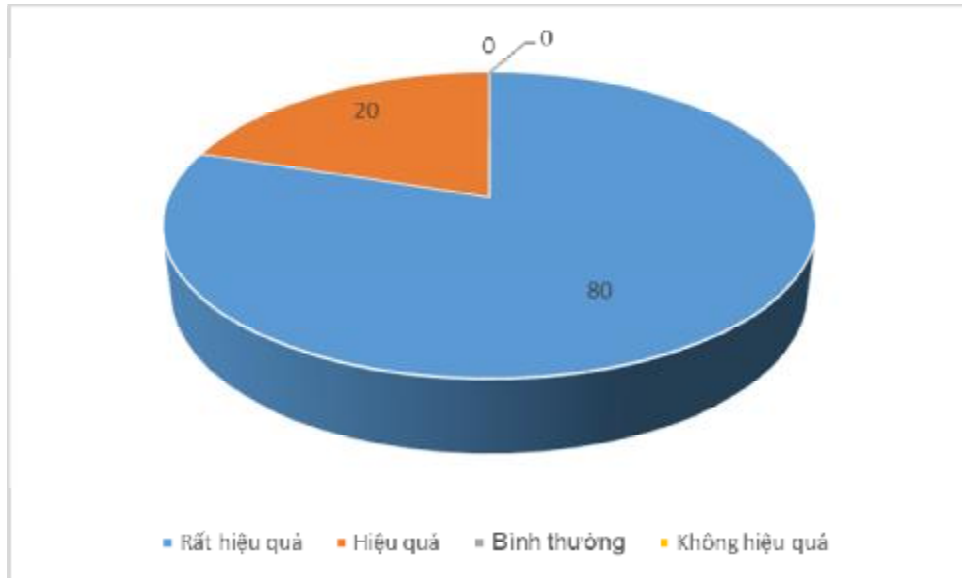
Qua khảo sát ở *Biểu đồ 2.12* cho thấy có đến 50% người dân được hỏi cho rằng bản thân và gia đình họ “Rất tích cực” tham gia trực tiếp vào các hoạt động cung cấp dịch vụ xã hội cơ bản, như tiếp cận các dịch vụ y tế và bảo hiểm y tế, tiếp cận giáo dục, tiếp cận nước sạch và vệ sinh và nhà ở, tiếp cận thông tin. Đây là những hoạt động cung cấp dịch vụ xã hội cơ bản nhất có sự hỗ trợ của nhà nước. Bên cạnh đó có không ít hộ gia đình cho rằng bản

thân và gia đình họ không thường xuyên tham gia các dịch vụ xã hội trong giảm nghèo bền vững (lần lượt là tích cực 20%; bình thường và không tích cực 15%), nguyên nhân là do số hộ gia đình này luôn trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước.....không muốn thoát nghèo).

Ông Nguyễn Văn T, Chủ tịch UBND xã Hồng Giang cho biết “*Cái khó trong triển khai thực hiện chính sách an sinh xã hội nói chung và chính sách giảm nghèo nói riêng trên địa xã Hồng Giang là do phần lớn là những hộ già cả cô đơn, khuyết tật đang hưởng chính sách bảo trợ xã hội. Bên cạnh đó, một bộ phận không nhỏ người dân còn ỉ lại vào nhà nước, trong khi đó nhận thức, trình độ của họ chưa cao nên cho dù bản thân họ đang hưởng trực tiếp các hoạt động hỗ trợ dịch vụ xã hội cơ bản nhất, gần gũi với cuộc sống thường ngày của họ, nhưng phần lớn họ chưa thấy được lợi ích từ các dịch vụ này, nên họ không gắn.*” (thảo luận nhóm)

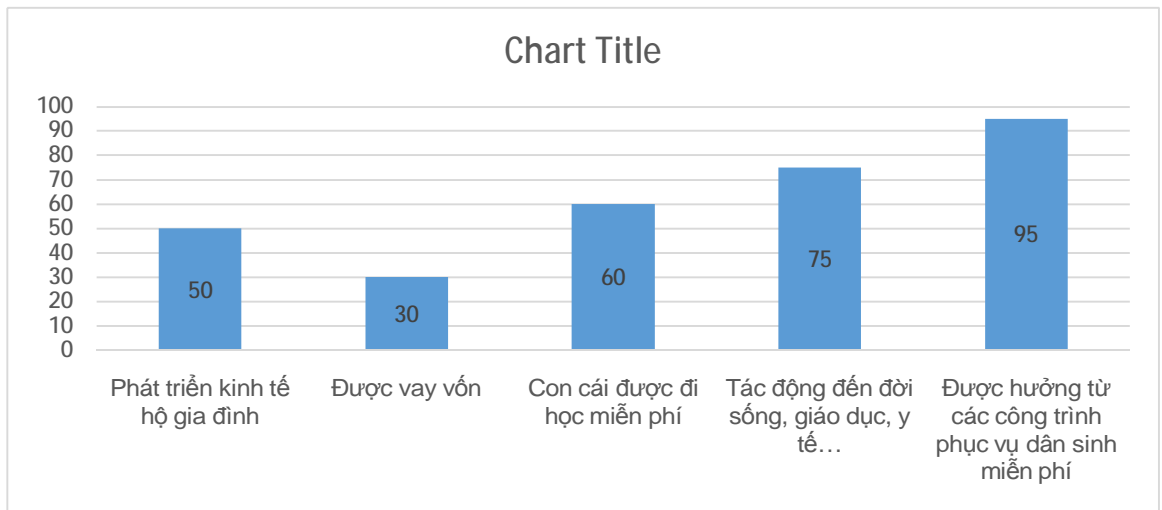
(3) Với câu hỏi "Anh/chị/ông/bà đánh giá thế nào về việc huy động nguồn lực cộng đồng đối với các dịch vụ xã hội trong giảm nghèo bền vững?" Kết quả từ cuộc khảo sát cho thấy cách nhìn nhận của người dân đối với việc huy động nguồn lực cộng đồng để thực hiện các dịch vụ xã hội cơ bản tương đối sát với kết quả thực hiện trên địa bàn. Từ biểu đồ bên dưới (*Biểu đồ 2.18 Mức độ huy động nguồn lực cộng đồng đối với các dịch vụ xã hội*) cho thấy, có đến 80% người được hỏi cho rằng việc huy động nguồn lực để thực hiện các dịch vụ xã hội là rất tốt, được thể hiện ở các gói dịch vụ như hỗ trợ về nhà ở. Tuy nhiên việc huy động nguồn lực thực hiện chủ yếu từ bên ngoài địa bàn huyện để đầu tư hỗ trợ về nhà ở, đó là nguồn trợ giúp từ các đơn vị, nhà hảo tâm, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn, từ việc huy động quỹ ngày vì người nghèo của tỉnh.... Tiếp đến là các mức độ đánh giá hiệu quả là 20% (ở vị trí thứ 2), mức độ bình thường và không hiệu quả số người được hỏi cho là không có. Như đã phân tích, việc huy động nguồn lực từ chính cộng đồng

(người dân, doanh nghiệp...) trên địa bàn huyện là rất khó khăn, nên với kết quả đạt được và sự nhìn nhận từ chính người dân đối với hoạt động này cũng đã là một thành công lớn dành cho chương trình.



Biểu đồ 2.13. Mức độ huy động nguồn lực cộng đồng đối với các dịch vụ xã hội

(4) Các hoạt động cung cấp dịch vụ xã hội cơ bản trong giảm nghèo bền vững được thực hiện ở địa phương ngày càng được cấp Tỉnh, huyện, xã quan tâm triển khai thực hiện, trong đó hướng tới mục tiêu nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện tốt nhất để người dân có thêm điều kiện vươn lên trong cuộc sống. Từ cuộc khảo sát cho thấy người dân đánh giá (cảm nhận) mức độ tác động của các dịch vụ xã hội này đến đời sống của người dân ngày càng rõ nét.



Biểu 2.14. Mức độ tác động của các dịch vụ xã hội đến gia đình

Từ *Biểu đồ 2.14* cho thấy, các gia đình được khảo sát đánh giá rất cao về mức độ hưởng thụ từ các công trình công cộng phục vụ dân sinh (đường, kênh mương nội đồng...) và tính hiệu quả của các công trình này, mức độ tác động tiếp tục được người dân đánh giá cao trong phát triển kinh tế với 95% số hộ cho rằng dịch vụ xã hội làm thay đổi và tác động đến việc phát triển kinh tế hộ gia đình; tác động đến đời sống giáo dục, y tế 75%; yếu tố con cái đi học được miễn giảm học phí với 60%; yếu tố phát triển kinh tế hộ gia đình (50%) và tác động đến việc được vay vốn ở mức độ thấp nhất (30%) đánh giá cho nội dung này. Từ kết quả khảo sát cho thấy, các dịch vụ xã hội tác động ngày càng nhiều đến đời sống, kinh tế, xã hội, nhân cách và tư tưởng của người dân, đặc biệt là người nghèo, người thuộc hộ cận nghèo vì bản thân họ là người trực tiếp được thụ hưởng các chính sách của Nhà nước thông qua việc được cung cấp các dịch vụ xã hội. Trong thực tế, việc triển khai thực hiện các dịch vụ xã hội trong giảm nghèo bền vững cho thấy, các chính sách cơ bản đã được bao phủ sâu rộng đến người dân, đặc biệt người dân, người nghèo ở khu vực vùng có nền kinh tế khó khăn, trong đó phải kể đến các chính sách về: Y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, vốn vay, hỗ trợ phát triển sản xuất, đất đai...

2.3. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động phát triển cộng đồng đối với người nghèo trong giảm nghèo bền vững tại huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Qua khảo sát phiếu hỏi và phỏng vấn sâu có thể thấy có khá nhiều các yếu tố tác động đến hoạt động phát triển cộng đồng trong giảm nghèo bền vững tại huyện Đông Hưng (bao gồm các yếu tố tiêu cực và cả yếu tố tích cực). Trong thực tế cũng có rất nhiều yếu tố thúc đẩy sự tham gia tích cực vào các hoạt động phát triển cộng đồng. Trong đó, bao gồm yếu tố tích cực ảnh hưởng mang tính chủ quan từ phía nhân viên, cộng tác viên công tác xã hội; Yếu tố văn hóa – xã hội; Yếu tố đặc điểm của người nghèo; Yếu tố thuộc về công tác chỉ đạo điều hành chương trình giảm nghèo của chính quyền địa phương và từ phía khách quan bên ngoài. Sau đây là kết quả tổng hợp khảo sát về một số các yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến hoạt động phát triển cộng đồng trong giảm nghèo bền vững tại huyện Đông Hưng (bảng 2.3):

Bảng 2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động phát triển cộng đồng

STT	Các yếu tố ảnh hưởng	Số người trả lời	Tỷ lệ %
1	Yếu tố văn hóa – xã hội	78	48,75
2	Yếu tố đặc điểm của người nghèo	47	29,37
3	Yếu tố thuộc về nhân viên, cộng tác viên CTXH	20	12,5
4	Yếu tố thuộc về công tác chỉ đạo điều hành chương trình giảm nghèo của chính quyền địa phương	15	9,37
Tổng		160	100

2.3.1. Yếu tố văn hóa - xã hội

Theo như kết quả điều tra nghiên cứu thì phần lớn người dân cho rằng yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất đến hoạt động phát triển cộng đồng trong giảm nghèo bền vững ở địa phương là yếu tố văn hóa – xã hội với 78 người chọn tương đương 48,75%, với lý do được đưa ra là: Với nguồn lao động trẻ, dồi dào, chăm chỉ, người dân có tinh thần đoàn kết tương trợ lẫn nhau....Tuy nhiên, chất lượng nguồn nhân lực thấp (trình độ học vấn và trình độ chuyên môn kỹ thuật thấp, tâm lý ỷ lại) đặc biệt người dân nơi đây còn ảnh hưởng khá nặng nề bởi một số tập tục lạc hậu của địa phương, ví dụ: ốm đau, bệnh tật vẫn nhờ thầy cúng (mê tín, dị đoan), hay đi làm xa, đi học, cất nhà ở... người dân vẫn quen phải hỏi “thần linh” của địa phương. Đây là những sự việc diễn ra hàng ngày dễ nhìn thấy, nghe thấy nhất trên địa bàn và cũng chính là những lý do cản trở không nhỏ đến phát triển KT-XH của địa phương nói chung và công tác phát triển cộng đồng trong giảm nghèo bền vững ở địa phương này nói riêng.

"Ở địa phương vẫn còn nghèo lắm, nghèo về tiền bạc, nghèo về suy nghĩ. Thời gian qua bà con được cán bộ tuyên truyền nhiều, họ được nghe nhiều về cách trồng cây, nuôi Bò, nuôi Trâu..., cũng như cách phòng chống dịch bệnh. Tuy nhiên, trong suy nghĩ (đã ăn sâu vào nếp sống) của họ, nếu muốn khỏi bệnh phải mời thầy cúng, chữa bệnh thầy lang..." đây là câu nói của một ông cụ tại thôn chúng tôi (thôn Long Tiên - xã Hồng Giang) khi đoàn cán bộ của huyện và xã lên làm việc tại cơ sở.

Cái khó cho công tác giảm nghèo trên địa bàn thôn chúng tôi chính là tư tưởng trông chờ ỉ lại của người dân, người dân vẫn còn suy nghĩ "thích nghèo", bản thân họ chỉ mong nhận được sự hỗ trợ của nhà nước, bên cạnh đó yếu tố văn hoá bản địa ảnh hưởng nặng nề đến người dân như: Phong tục lạc hậu, lâu đời và mê tín dị đoan vẫn còn diễn ra thường xuyên.

(PVS Nguyễn Văn H - Trưởng thôn Long Tiên - xã Hồng Giang)

2.3.2. Yếu tố đặc điểm của người nghèo

Với 29,37% (47 số người lựa chọn), yếu tố đặc điểm của người nghèo được người dân lựa chọn là nhóm yếu tố ảnh hưởng thứ hai tới hoạt động phát triển cộng đồng. Qua khảo sát cho thấy, đặc điểm người nghèo ở huyện Đông Hưng là những người nông dân làm ăn sinh sống gắn với trồng lúa, các loại rau màu, vậy với bản tính chân chất của mình, quanh năm họ là chỉ biết làm công việc mà cha ông để lại, bản thân họ không ngại khó ngại khổ. Những nỗ lực của người dân trong công việc hằng ngày, thu nhập từ những nỗ lực lao động cũng chỉ đáp ứng một phần nhu cầu cuộc sống, huyện Đông Hưng điều kiện kinh tế xã hội còn nhiều hạn chế. Trong khi nhiều hộ dân của Huyện gắn với cảnh nghèo khó (hộ nghèo bền vững), bản thân hộ nghèo thiếu nguồn lực (nhân lực và vật lực) nhiều hộ hoàn cảnh gia đình neo đơn, hộ người già... Đặc biệt có không ít hộ nghèo thiếu ý chí vươn, họ thường trông chờ, ỷ lại vào sự trợ giúp của nhà nước và cộng đồng.

“Địa phương tôi nhiều năm nay cũng đau đầu với các giải pháp để giảm được hộ nghèo (theo kế hoạch hằng năm). Những kỳ thực cái mà chúng tôi mong nhiều nhất chính là làm sao hạn chế hộ tái nghèo và phát sinh nghèo mới. Vì nhiều hộ nghèo trên địa bàn khó mà thoát được nghèo vì họ không có người làm ra kinh tế, phần lớn họ là những hộ có người già, người khuyết tật hoặc người không có khả năng lao động. Do đó khó thoát nghèo lắm, chúng tôi chỉ mong và trông chờ vào nhóm các hộ mới rơi vào hoàn cảnh nghèo do các yếu tố như thiên tai, dịch bệnh hay làm ăn không thuận lợi thì những hộ này sớm mới có hy vọng thoát nghèo vì bản thân họ có ý chí, có lao động, quan trọng là họ không ỷ lại vào nhà nước, vào cộng đồng, cái chính họ có thể làm việc và tạo ra thu nhập cho bản thân, cho gia đình”

(Thảo luận nhóm. Chủ tịch Hội Nông dân xã Hồng Giang)

2.3.3. *Yếu tố thuộc về nhân viên, cộng tác viên công tác xã hội*

Yếu tố thuộc về nhân viên, cộng tác viên công tác xã hội/tác viên cộng đồng đứng ở vị trí thứ 3 với 12,5% (20 lượt người dân đánh giá). Trong quá trình điều tra người dân cho biết, vai trò của nhân viên, cộng tác viên công tác xã hội đối với các hoạt động phát triển cộng đồng còn rất hạn chế, thể hiện ở nội dung sau:

(Thứ nhất), Nghề công tác là một nghề mới không chỉ đối với bà con vùng cao, mà ngay tại các địa phương có nền kinh tế phát triển của Việt Nam cũng còn khá ngỡ ngàng, trong khi đó nhận thức và tiếp nhận của cộng đồng, nhân viên công tác xã hội đối với nghề công tác xã hội chưa thật sự đầy đủ, đặc biệt là trong các hoạt động phát triển cộng đồng.

(Thứ hai), Theo quy định hiện nay, các xã không có nhân viên chuyên nghiệp làm công tác xã hội, hay cán bộ chuyên trách làm công tác xóa đói giảm nghèo, tuy nhiên xã có một cán bộ làm công tác lao động xã hội kiêm nhiệm công tác xóa đói giảm nghèo và các cộng tác viên của các ngành có liên quan đảm nhận từng phần công việc như các nhân viên y tế của trạm y tế xã, cán bộ Hội liên hiệp phụ nữ xã, cán bộ Đoàn thanh niên xã, cán bộ Mặt trận Tổ quốc xã, cán bộ làm công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư. Chính những hạn chế này làm ảnh hưởng đến kết quả thực hiện công tác giảm nghèo, trong đó có các hoạt động phát triển cộng đồng.

(Thứ ba), Do không được đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ về công tác xã hội nên trình độ năng lực, kỹ năng nghiệp vụ hỗ trợ cho người nghèo gặp rất nhiều khó khăn. Mặt khác năng lực của cán bộ ở cấp thôn, bản còn rất hạn chế, chính vì lý do đó nên không vận động được người nghèo tham gia các hoạt động giảm nghèo một cách hiệu quả. Thực tế hiện nay, còn rất thiếu nhân viên công tác xã hội làm việc trong lĩnh vực phát triển cộng đồng về xóa đói giảm nghèo, hoặc có ít nhưng lại không có kiến thức và phương pháp

chuyên nghiệp về CTXH nên việc áp dụng các phương pháp vào hoạt động này đã không mang lại hiệu quả cao.

"Cái khó thứ nhất là: Ở đây là cán bộ làm công tác này hầu như không ai được đào tạo bài bản, phần lớn toàn là cán bộ của "thế hệ trước" không được đào tạo bài bản, họ chủ yếu là bằng kinh nghiệm.

Cái khó thứ hai là: Nói được đào tạo bài bản mà vào đây làm cũng khó vì ở trường dạy một kiểu, về làm một kiểu (lý thuyết và thực tiễn khác nhau lắm). Nên cái kinh nghiệm, cái tâm, cái trách nhiệm thì mới đảm bảo được công việc, nếu có kiến thức nữa thì tuyệt vời. Còn những người có kiến thức mà không có tâm, không có trách nhiệm thì cũng khó hoàn thành nhiệm vụ được giao vì công việc này được ví như là làm từ thiện ấy"

(TLN. ông Nguyễn Duy A-Chủ tịch UBND xã Hồng Châu).

2.3.4. Yếu tố thuộc về công tác chỉ đạo điều hành chương trình giảm nghèo của chính quyền địa phương

Trong khi đó, yếu tố thuộc về công tác chỉ đạo điều hành chương trình giảm nghèo của chính quyền địa phương đứng ở vị trí thứ 4 với 9,37% người dân lựa chọn. Theo đó, yếu tố công tác chỉ đạo điều hành chương trình giảm nghèo của chính quyền địa phương trong công tác tổ chức thực hiện hoạt động giảm nghèo theo nhìn nhận của người dân là còn hạn chế, chưa làm nổi bật được vai trò lãnh đạo, chỉ đạo trong thực hiện chương trình. Trong mỗi hoạt động, nhất là các hoạt động mang tính xã hội cao (vì không có tiền) thì rất cần sự quan tâm, chung tay và vào cuộc của cấp ủy, chính quyền nhân dân các cấp, có được như vậy mới huy động được sự quyết tâm, đồng lòng của người dân. Một phần, cán bộ chưa nhận thức đầy đủ tính quan trọng của mỗi chương trình, nhiều người thể hiện sự thiếu quan tâm hoặc chỉ làm cho qua nên công tác chỉ đạo không đạt kết quả như mong muốn.

“Ở một số xã, cơ sở, cán bộ chủ chốt chưa nhận thức đầy đủ, chỉ đạo thiếu kiên quyết, tinh thần trách nhiệm chưa cao; chủ trương chính sách có nhưng không triển khai, hoặc triển khai chậm, chưa quan tâm đến phát triển sản xuất nên việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm; nhiều mô hình, kinh nghiệm giảm nghèo có hiệu quả không áp dụng, phổ biến kịp thời; thiếu chủ động, sáng tạo, tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước và cấp trên nên không phát huy tiềm năng, thế mạnh các nguồn lực sẵn có của địa phương để giảm nghèo, tạo việc làm. Nhiều người còn cho rằng giảm nghèo là hoạt động xã hội nên chủ trương hỗ trợ người nghèo chỉ bằng những giải pháp tình thế mà chưa giải quyết được cái gốc của nghèo, chưa thực sự gắn giảm nghèo với các hoạt động phát triển kinh tế của địa phương để thực hiện”.

(TLN. ông Bùi Văn Q, Bí thư đoàn xã Hồng Châu)

Tiểu kết Chương 2

Hoạt động phát triển cộng đồng đối với người nghèo từ thực tiễn huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức; hoạt động hỗ trợ sinh kế; và hoạt động cung cấp dịch vụ xã hội cơ bản tại xã ngày càng được quan tâm, thu hút sự tham gia ngày càng chặt chẽ của các cấp, chính quyền địa phương và của người dân.

Thông qua việc khái quát địa bàn nghiên cứu đã cung cấp những thông tin liên quan đến tình hình kinh tế xã hội, cũng như các chương trình, chính sách hỗ trợ người nghèo đang triển khai tại xã gồm mục tiêu cũng như các hoạt động mà dự án phát triển cộng đồng hướng tới. Luận văn đã mô tả thực trạng nghèo tại địa phương bằng những số liệu thực tế liên quan đến số lượng hộ nghèo và biến động của hộ nghèo qua các năm; Những đặc điểm của các hộ nghèo, hoạt động kinh tế và vấn đề việc làm của hộ nghèo; Bên cạnh đó là thu nhập cũng như mức chi tiêu sinh hoạt của các hộ. Một nội dung được coi là phát hiện tại địa bàn chính là sự tồn tại của hiện tượng nghèo kinh niên tại địa phương với những nguyên nhân đã được tìm hiểu phân tích.

Từ nghiên cứu có thể thấy, việc giảm nghèo bền vững phải xuất phát từ chính bản thân người nghèo. Người nghèo muốn thoát nghèo bền vững đòi hỏi phải có những nguồn nội lực xuất phát từ chính bản thân họ như trình độ học vấn tốt, có kỹ năng nghề nghiệp, có sức khỏe tốt. Vấn đề giảm nghèo bền vững phải được nhìn nhận theo nghĩa rộng, không chỉ giảm nghèo với ý nghĩa tăng thu nhập mà giảm nghèo bền vững phải được nhìn nhận dưới góc độ cải thiện các nguồn lực đầu vào cho người nghèo như trình độ giáo dục, điều kiện y tế, chăm sóc sức khỏe, các nguồn tín dụng hỗ trợ cho sản xuất và đất đai để đáp ứng nhu cầu dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo.

Thực trạng phát triển cộng đồng trong giảm nghèo đã được luận văn trình bày và phân tích nhằm làm rõ hơn các hoạt động thực hiện công tác giảm nghèo và các yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng tại huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Chương 3

GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ ĐỐI VỚI NGƯỜI NGHÈO

3.1. Một số nhóm giải pháp đối với người nghèo

3.1.1. Nhóm giải pháp về chính sách giảm nghèo.

3.1.1.1. Hỗ trợ tín dụng đối với hộ nghèo

Khó khăn về nguồn vốn để đầu tư và phát triển sản xuất là một trong những lý do quan trọng làm cho các hộ gia đình nghèo khó thoát nghèo. Trên thực tế, nhiều hộ nghèo đã được tiếp cận với nguồn tín dụng; chính quyền địa phương cũng có những chính sách về tín dụng cho hộ nghèo. Tuy nhiên, hầu như hộ nghèo là hộ già cả cô đơn, khuyết tật...không còn khả năng lao động nên việc vay vốn còn hạn chế.

Xuất phát từ nhu cầu vay vốn của một số hộ nghèo, chính quyền địa phương nên khuyến khích, hỗ trợ đa dạng hóa các hình thức tín dụng vi mô, quay vòng theo tổ nhóm có lợi cho người nghèo, như các mô hình tín dụng tiết kiệm của Hội Phụ nữ. Ví dụ dự án tài chính vi mô có các tổ vay vốn quay vòng do một số dự án tài trợ, được giao cho các cán bộ đoàn thể quản lý. Qua đó người nghèo có thể tiếp cận những món vay nhỏ từ vài chục, vài trăm nghìn đến 1-2 triệu đồng với lãi suất tự thỏa thuận và thủ tục vay đơn giản.

Mặc dù số vốn vay cho vay không nhiều nhưng với những khoản vay kịp thời có thể giải quyết được những khó khăn trước mắt của nhiều hộ nghèo, tạo thêm nguồn lực giúp hộ nghèo phát triển kinh tế hộ gia đình tăng thu nhập và đảm bảo cuộc sống.

3.1.1.2. Hỗ trợ hộ nghèo học nghề và giới thiệu việc làm

Do người lao động của huyện Đông Hưng cơ bản còn hạn chế về trình độ tay nghề, kỹ thuật sản xuất là một trong các lý do cản trở người dân thoát nghèo. Các hộ nghèo làm nông nghiệp là chính, trình độ học vấn thấp, hoàn cảnh kinh tế khó khăn dẫn đến cuộc sống của họ rất khó khăn. Do vậy, việc

đào tạo nghề gắn với giới thiệu việc làm, tự tạo việc làm là cần thiết, nhằm trợ giúp các nghèo có được tay nghề cần thiết để tạo việc làm ổn định, tăng thu nhập thông qua các hình thức dạy nghề phù hợp để họ tự tạo việc làm tại chỗ, làm tại các doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ, tham gia lao động xuất khẩu góp phần giảm nghèo bền vững. Trong đó cần gắn công tác dạy nghề với thực hiện các tiêu dự án trong Chương trình giảm nghèo bền vững của địa phương như trồng cây cảnh (Thế mạnh của địa phương)

Đối với người nghèo, người thuộc hộ cận nghèo nên tập trung nguồn lực cao hơn vào việc dạy nghề cải thiện sinh kế nông nghiệp, ngành nghề truyền thống. Là địa bàn còn nhiều khó khăn trong phát triển kinh tế, người nghèo nơi đây gắn với đời sống còn nhiều khó khăn, thị trường dịch vụ tại chỗ nhỏ lẻ, manh mún nên thường không muốn tham gia các lớp dạy nghề dạy nghề phi nông nghiệp không gắn với việc làm tại chỗ.

Tăng cường hoạt động có hiệu quả của các tiêu dự án về mô hình sinh kế. Dạy nghề nông nghiệp cần gắn với chuyên đổi cơ cấu, khai thác thế mạnh về cây con và đặc sản của địa phương, dịch vụ tại chỗ gắn với thị trường để người dân có thể áp dụng nghề vào sản xuất để tăng thu nhập.

3.1.1.3. Hoạt động kết nối sản xuất.

Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo là các nội dung, hoạt động quan trọng trong Chương trình giảm nghèo thời gian qua. Việc hỗ trợ sản xuất hiện nay chủ yếu thông qua các hình thức như: Hỗ trợ trực tiếp bằng tiền và hiện vật (cây, con, giống...); hỗ trợ tín dụng (là phương thức chủ yếu); hỗ trợ gián tiếp thông qua các chính sách thu hút đầu tư, phát triển toàn diện kinh tế - xã hội; và thông qua các mô hình sinh kế để hỗ trợ bà con...Có thể thấy các chính sách hỗ trợ sản xuất tuy đã thu được một số kết quả góp phần vào thành công của Chương trình thời

gian qua, tuy nhiên giai đoạn tới các chính sách hỗ trợ sinh kết cần thực hiện một số nội dung:

+ Hỗ trợ sản xuất cần dựa trên cơ sở quy hoạch sản xuất của địa phương, hạn chế tính tự phát, phong trào;

+ Hỗ trợ cho hộ gia đình thông qua dự án do cộng đồng đề xuất, quyết định; (cộng đồng là nhóm hộ do các tổ chức đoàn thể làm đại diện, hoặc hình thành theo từng thôn, bản, được Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận, có quy chế hoạt động cụ thể);

+ Đối tượng tham gia dự án trước hết ưu tiên cho hộ gia đình cam kết thực hiện các quy định đề ra, hộ cam kết thoát nghèo, không hỗ trợ cào bằng để hạn chế tính ỷ lại vào chính sách;

+ Tăng cường hỗ trợ các mô hình nhân rộng giảm nghèo, nhằm giúp được nhiều người nghèo có việc làm, tăng thu nhập và tạo cơ hội để họ thoát nghèo;

+ Tăng cường nguồn lực để thực hiện các chính sách đã đề ra, trong đó tập trung huy động nguồn lực từ các doanh nghiệp, nhà hảo tâm (xã hội hóa nguồn lực) giảm bớt sự phụ thuộc là ngân sách.

3.1.2. Nhóm giải pháp tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản hỗ trợ đối với người nghèo

3.1.2.1. Hỗ trợ về y tế

Tiếp tục quan tâm thực hiện đầy đủ và hiệu quả chính sách bảo hiểm y tế (BHYT) cho người dân, đặc biệt là người nghèo, đây được xem là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của cả hệ thống chính trị và của mỗi địa phương, hướng tới mục tiêu bảo hiểm xã hội toàn dân.

Hỗ trợ về y tế là một trong những chính sách xã hội quan trọng, trong đó hướng tới xã hội hoá công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân, giúp người dân được bình đẳng trong việc hưởng lợi từ các dịch vụ y tế. Trong những

năm qua, với mục tiêu an sinh xã hội, đối tượng người nghèo luôn được Đảng, Nhà nước đặc biệt quan tâm, bằng việc đã có nhiều chính sách trợ giúp người nghèo, trong đó có việc chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Một trong những điểm ưu việt của chính sách BHYT là việc quy định mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước để mua thẻ BHYT cho các nhóm đối tượng chính sách xã hội, trong đó đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ 100% số tiền mua thẻ BHYT.

3.1.2.2. Hỗ trợ về giáo dục

- Tiếp tục đảm bảo cơ hội cho tất cả trẻ em nghèo tiếp cận dịch vụ giáo dục cơ bản, trong đó thực hiện có hiệu quả các chính sách như: chính sách miễn học phí cho học sinh nghèo và hỗ trợ chi phí học tập; tăng cường giáo dục Trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề, có các chính sách, chương trình miễn giảm học phí...

- Cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể và nhân dân tuyên truyền về vai trò và tầm quan trọng của giáo dục và giáo dục nghề nghiệp; xây dựng định hướng nghề cho học sinh ngay từ khi còn trên ghế nhà trường, nhằm giúp các em tìm được hướng đi thích hợp khi bước sang tuổi lao động,...từ đó góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

3.1.2.3 Hỗ trợ về nhà ở

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả chương trình hỗ trợ xây dựng nhà ở, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ nghèo theo chủ trương của Chính phủ, với phương thức "Nhà nước và nhân dân cùng làm", tăng trách nhiệm của chính bản thân người nghèo đối với trong việc sử dụng nguồn lực trợ giúp.

3.1.2.4. Nước sạch và vệ sinh

Để đảm bảo hoàn thành mục tiêu Chương trình quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường, trong thời gian tới sẽ tập trung nguồn lực và công nghệ

phù hợp nhằm hỗ trợ tốt nhất cho các hộ gia đình thuộc địa bàn khó khăn của địa phương, ưu tiên hộ nghèo, hộ gia đình chính sách về nước sạch... đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong xử lý chất thải nhằm đảm bảo tốt vệ sinh môi trường, giúp người nghèo có môi trường sống lành mạnh.

3.1.2.5. Hỗ trợ về thông tin

Tiếp tục quan tâm hỗ trợ người nghèo tiếp cận với thông tin, truyền thông giúp họ hiểu rõ hơn về tình hình kinh tế xã hội, có cơ hội hiểu biết thêm, đồng thời giúp người dân đặc biệt hộ nghèo dần dần thay đổi về nhận thức.

3.1.3. Nhóm giải pháp tác động đến hoạt động phát triển cộng đồng trong giảm nghèo bền vững.

3.1.3.1. Đối với người nghèo

(1) Giúp cho người nghèo, cộng đồng dân cư nhận thức sâu hơn về việc nâng cao năng lực để tăng hiệu quả lao động, cải thiện thu nhập, nâng cao mức sống, thông qua để giảm nghèo bền vững.

(2) Vận động hộ nghèo, người nghèo tích cực tham gia các lớp tập huấn, học tập kinh nghiệm sản xuất, chuyển giao khoa học kỹ thuật, kỹ năng chi tiêu trong gia đình, kỹ năng quản lý kinh tế hộ gia đình, lập kế hoạch sản xuất; tham gia vào các khóa hoặc buổi tập huấn đầu bờ các mô hình, cách thức sản xuất theo từng loại cây, con giống.

(3) Tạo điều kiện cho mọi người nghèo được tham gia các khóa tập huấn về khuyến nông, khuyến lâm, chuyển giao KH-KT...khuyến khích họ áp dụng những hiểu biết, kinh nghiệm sản xuất vào ứng dụng thực tế.

(4) Đa dạng hóa các hình thức tập huấn, hướng dẫn, định hướng nâng cao năng lực cho hộ nghèo: Tổ chức mạn đàm tại trong các cuộc họp của thôn, sinh hoạt của các đoàn thể nhân dân; tổ chức theo hình thức trình diễn; tổ chức chia sẻ, truyền đạt kinh nghiệm làm ăn giữa các hộ gia đình trong cộng

đồng, dòng tộc; chia sẻ kinh nghiệm làm ăn, các mô hình kinh tế hiệu quả giữa các thôn, bản, giữa các dòng họ với nhau.

3.1.3.2. Đối với cộng đồng dân cư

Sự tham gia của người dân trong cộng đồng là một trong những yếu tố tạo nên sự thu hút, hiệu quả của các chương trình dự án. Các thành viên của cộng đồng muốn tham gia vào chương trình phải có sự hiểu biết nhất định về các chủ trương, chính sách của nhà nước thông qua tuyên truyền, tập huấn. Cách triển khai theo nhóm nòng cốt bước đầu tạo cơ sở để hình thành nên những hạt nhân, những kênh tiên phong trong cộng đồng. Để phát huy được vai trò giám sát chương trình giảm nghèo của mình, người dân cần thực hiện một số nội dung sau:

(1) Tham dự đầy đủ các buổi họp. Thẳng thắn góp ý, trao đổi kinh nghiệm của mình tại các cuộc họp. Thể hiện quyền làm chủ bằng cách có ý kiến tranh luận, thảo luận, biểu quyết hay bỏ phiếu. Việc tham gia các buổi họp vừa là quyền lợi vừa là trách nhiệm của người dân. Bởi vậy, người dân cần thể hiện quyền làm chủ của mình, thể hiện được quyền lợi của mình đóng góp ý kiến, quan điểm vào xây dựng nội dung chung của thôn, xã.

(2) Làm việc có trách nhiệm, có hiệu quả với công việc được phân công. Thực hiện đầy đủ các quyết định của địa phương. Mạnh dạn phản ánh, đặt câu hỏi đối với những vấn đề chưa hoặc không hài lòng. Có như vậy thì quyền lợi của chính các hộ dân mới được đề cao và cũng qua việc phản ánh này mà các cấp, ban ngành lãnh đạo mới có những biện pháp kịp thời để khắc phục.

3.1.3.3. Đối với chính quyền cấp xã

(1) Kiện toàn bộ máy Ban chỉ đạo giảm nghèo, nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành của các ban chỉ đạo cho phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương

(2) Chính quyền cấp xã cần dựa vào những kết quả thu được quá trình triển khai thực hiện các tiêu dự án nông nghiệp nhằm tận dụng và phát huy các thế mạnh địa phương, cải thiện đời sống người dân.

(3) Trong giai đoạn tới, các địa phương cần tăng cường tập huấn cho đội ngũ cán bộ nhằm xây dựng và duy trì năng lực lập kế hoạch cho địa phương. Trên thực tế ở cơ sở, công tác lập kế hoạch thời gian qua không cao, đặc biệt là ở cấp thôn. Mỗi buổi họp như vậy thường huy động người dân đến tham gia buổi họp thu thập thông tin tại cấp thôn và thảo luận về danh mục các đề xuất ưu tiên, chưa có khả năng hướng dẫn thảo luận và điền thông tin đầy đủ vào các biểu mẫu theo logic (vấn đề-nguyên nhân-giải pháp-hoạt động).

(4) Tăng cường vai trò của người dân tham gia một cách tích cực vào các chương trình, dự án phát triển cộng đồng, chứ không phải tham gia mang tính hình thức như hiện nay.

(5) Cần có quan điểm mới về việc thực hiện công tác giảm nghèo. Quan điểm của thoát nghèo bền vững là tạo môi trường, tạo điều kiện, tạo cơ hội để tiếp sức cho người nghèo trong đó nguồn lực của người dân là quan trọng nhất, nguồn lực của chính quyền địa phương và bên ngoài mang tính chất hỗ trợ. Mục tiêu của thoát nghèo bền vững là giúp người dân thoát nghèo, tránh tái nghèo và tránh phụ thuộc vào những phúc lợi của xã hội.

3.1.3.4. Đối với cấp huyện

(1) Tiếp tục quan tâm kiện toàn bộ máy Ban chỉ đạo giảm nghèo từ huyện đến cơ sở, nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành của các ban chỉ đạo cho phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương. Đào tạo bồi dưỡng cho cán bộ trực tiếp là công tác giảm nghèo ở các huyện, các xã nhằm trang bị cho họ những kiến thức cần thiết về công tác dân vận.

(2) Giai đoạn 2016-2020, Nhà nước sẽ thực hiện chủ trương hỗ trợ 80% vốn, còn 20% huy động từ người dân. Do vậy, nếu người dân không tham gia tích cực vào các chương trình phát triển cộng đồng trong giảm nghèo để biết cách sử dụng tiền vốn hợp lý thì nguy cơ họ đã nghèo lại càng trở nên nghèo hơn trước là rất cao. Để thực hiện có hiệu quả chủ trương này, cần triển khai một số nội dung sau:

- Phải tổ chức tập huấn dạy nghề lồng ghép với việc thực hiện các tiểu dự án khuyến nông.

- Phát huy lợi thế về điều kiện tự nhiên như đất đai màu mỡ thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, khai thác tiềm năng kinh tế của địa phương để giúp người nghèo cải thiện đời sống và thoát nghèo bền vững.

- Để mang lại kết quả giảm nghèo bền vững cần phải có sự đầu tư và chỉ đạo quyết liệt từ mọi cấp mọi ngành, đặc biệt là vai trò chỉ đạo điều hành tổ chức thực hiện ở cấp huyện và cơ sở. Có sự phân công các tổ chức đoàn thể, các ban phòng, các trường học, tổ chức trên địa bàn xã, huyện mỗi đơn vị giúp đỡ hướng dẫn xóa nghèo cho một số hộ... Có được như vậy kết quả giảm nghèo sẽ nhanh hơn và đi theo được hướng giảm nghèo bền vững hơn.

3.1.3.5. Đối với cấp tỉnh.

(1) Bằng các biện pháp và hình thức tuyên truyền hạn chế tư tưởng trông chờ ỷ lại, mong muốn thuộc diện hộ nghèo để thụ hưởng các chế độ chính sách của nhà nước. Cần phân loại các nhóm đối tượng để có các chính sách hỗ trợ nhằm phát huy khả năng phát triển kinh tế của hộ nghèo.

(2) Tăng dần các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất (giảm dần các chính sách hỗ trợ trực tiếp - chính sách cho không) trong đó gắn trách nhiệm của hộ nghèo với nguồn hỗ trợ, có chính sách đối với các hộ thoát nghèo để mua phương tiện, cây con giống phát triển sản xuất nhằm khuyến khích họ

vươn lên thoát nghèo bền vững. Giảm dần chính sách hỗ trợ trực tiếp “*cho không*” đối với một số nhóm đối tượng cụ thể.

Tuy nhiên, một điểm cần lưu ý là hiện nay cơ sở hạ tầng phục vụ nước sinh hoạt còn hạn chế. Một số lượng lớn các hộ địa phương vẫn còn dùng nước từ khe, suối để sinh hoạt. Vì vậy, cần có sự hỗ trợ lớn cho người nghèo được tiếp cận nguồn nước sạch là cần thiết. Tăng cường số lượng và chất lượng của các khoá tập huấn kỹ thuật sản xuất, gắn nội dung tập huấn với nhu cầu thực tế của nông dân, thực hiện khảo sát nhu cầu trước khi tổ chức lớp tập huấn, nâng cao khả năng áp dụng kỹ thuật của hộ nông dân từ các khoá tập huấn bằng các mô hình trình diễn, thực hiện cầm tay chỉ việc đối với hộ nông dân có năng lực hạn chế.

Ngoài chính quyền địa phương, nhận thức, thái độ của cộng đồng, các đối tượng và gia đình của họ về vấn đề nghèo cũng ảnh hưởng rất lớn tới đời sống sinh hoạt của đồng bào dân tộc thiểu số. Cộng đồng và gia đình, người thân của các đối tượng phải tích cực hỗ trợ họ trong quá trình tiếp cận đối với các dịch vụ xã hội. Cần xác định giảm nghèo là việc của bản thân người nghèo, hộ nghèo, phải làm cho người nghèo, hộ nghèo tự giác, chủ động thực hiện và có trách nhiệm hơn nữa để vươn lên thoát nghèo bền vững chứ không nên có tư tưởng ỷ lại trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

Tổ chức Đảng, Ban công tác mặt trận ở các khu phố, tổ dân cư phải có trách nhiệm giới thiệu, tuyên truyền đến từng hộ gia đình để giúp thay đổi nhận thức của người dân trong vấn đề giảm nghèo bền vững.

3.1.3.6. Đối với cộng đồng doanh nghiệp.

(1) Tiếp tục tăng cường xã hội hóa nguồn lực thực hiện công tác giảm nghèo, trong đó nên cao vai trò chủ đạo của các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm...trong việc huy động nguồn lực thực hiện Chương trình.

(2) Thường xuyên theo dõi, giám sát tình hình triển khai các chính sách giảm nghèo để kịp thời phát hiện, tháo gỡ những khó khăn trong quá trình triển khai. Tạo điều kiện để các đơn vị, doanh nghiệp đầu tư vào những địa bàn khó khăn và tập trung đông người nghèo, người dân tộc thiểu số tạo điều kiện để họ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, kinh tế - xã hội các địa phương khó khăn trên cơ sở lồng ghép các nguồn lực.

(3) Tiếp tục trung tâm vận động hiệu quả các nguồn lực để phục vụ công tác giảm nghèo như: Quỹ Vì người nghèo, vận động các doanh nghiệp hỗ trợ các địa phương khó khăn theo địa chỉ cụ thể, để đảm bảo nguồn hỗ trợ đạt hiệu quả, mang lại lợi ích cho người dân, đặc biệt là người người nghèo, nhằm hướng tới đạt mục tiêu giảm nghèo đề ra ở mỗi địa phương.

Phát triển cộng đồng trong xóa đói giảm nghèo hướng vào đối tượng là cộng đồng nghèo, với mục đích cuối cùng nhằm tạo ra những chuyển biến tích cực, giúp họ cải thiện đời sống và vươn lên thoát nghèo bền vững. PTCĐ cần có sự phối hợp của nhiều lực lượng xã hội bên trong và bên ngoài cộng đồng vì mục tiêu phát triển, huy động các nguồn tài nguyên, nguồn lực sẵn có của địa phương, thông qua đó phân bổ nguồn lực một cách hợp lý để cộng đồng giảm nghèo nhanh và bền vững.

Trong nội dung chương này luận văn trình bày một số giải pháp đối với các cấp, cơ quan chức năng nhằm giúp những hộ nghèo của cộng đồng huyện Đông Hưng thoát nghèo đứng dưới góc độ nhìn nhận của một tác viên phát triển cộng đồng.

3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động công tác xã hội trong công tác giảm nghèo.

Để giải quyết được những thách thức đối với công tác giảm nghèo, thực hiện tốt công tác giảm nghèo cần có sự chung tay góp sức của toàn xã hội, trong đó công tác xã hội đóng vai trò hết sức quan trọng. Mục đích của công

tác xã hội với người nghèo nhằm giúp đỡ cá nhân, gia đình và cộng đồng nghèo nâng cao năng lực để thoát nghèo bền vững, giúp họ đổi mặt, vượt qua những rủi ro như thất học, thiếu việc làm, thiếu vốn... Bên cạnh đó, còn thúc đẩy các điều kiện xã hội để cá nhân, gia đình nghèo tiếp cận được các chính sách, nguồn lực xã hội, đáp ứng nhu cầu cơ bản. Công tác xã hội với người nghèo, vì thế, nên là hoạt động trợ giúp chuyên nghiệp nhằm nâng cao năng lực, chức năng xã hội của người nghèo; thúc đẩy các chính sách liên quan tới nghèo đói; huy động các nguồn lực, dịch vụ nhằm giúp cá nhân, gia đình và cộng đồng nghèo giải quyết vấn đề nghèo đói và hướng tới bảo đảm An sinh xã hội.

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm tới công tác giảm nghèo cho người dân tỉnh Thái Bình nói chung và các hộ dân huyện Đông Hưng nói riêng bằng nhiều hình thức như: đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, nhất là các công trình thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống. Cấp ủy Đảng, chính quyền luôn quan tâm chỉ đạo sát sao các ngành liên quan thường xuyên theo dõi, kiểm tra đôn đốc và giám sát quá trình thực hiện; đồng thời chính sự phấn đấu vươn lên của người dân đã đem lại cuộc sống ấm no cho nhân dân. Tuy nhiên, trình độ dân trí một bộ phận dân cư còn thấp, việc thực hiện các chính sách giảm nghèo mang tính bảo trợ xã hội là chủ yếu, chưa kêu gọi được sự tham gia nhiệt tình của người dân, hiệu quả giảm nghèo chưa thật sự bền vững. Do đó vấn đề đặt ra là: Cần có những chính sách cụ thể nhằm phát triển nghề công tác xã hội trên địa bàn tỉnh, trong đó có chính sách nhằm phát triển công tác xã hội đối với người nghèo, nhằm giúp họ tăng năng lực, chủ động tự tin thụ hưởng các chính sách của nhà nước một cách tốt nhất; làm cho chính sách của Đảng và nhà nước đến với người nghèo tốt nhất. Mặt khác, cần phát triển mạng lưới cung cấp các dịch vụ cho người nghèo; xây dựng đội ngũ nhân viên xã hội tâm huyết

với người nghèo và có cơ chế chính sách đãi ngộ phù hợp với nhân viên xã hội.

Đề Công tác xã hội trở thành một hoạt động chuyên nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả trong thực hiện công tác giảm nghèo trên địa bàn huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, thời gian tới cần tập trung vào các hoạt động sau:

Một là, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội của tỉnh. Đồng thời nâng cao năng lực đội ngũ nhân viên CTXH chuyên nghiệp, nhân viên CTXH cộng đồng, cộng tác viên xã hội tại Trung tâm nhằm đáp ứng và cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân.

Hai là, xây dựng hệ thống mạng lưới cung cấp dịch vụ CTXH tại cộng đồng của địa phương để người nghèo nói riêng và các nhóm đối tượng yếu thế khác dễ dàng tiếp cận được với hệ thống cung cấp dịch vụ CTXH.

Ba là, đào tạo kiến thức, kỹ năng, phương pháp CTXH cho các cán bộ Lao động- Thương binh xã hội các cấp, kể đội ngũ cán bộ của các tổ chức đoàn thể đang tham gia vào hoạt động giảm nghèo như Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh.

Bốn là, tổ chức tuyên truyền vận động, giáo dục nhận thức của người dân, cán bộ, chính quyền địa phương đối với công tác giảm nghèo, đưa CTXH chuyên nghiệp vào giải quyết vấn đề nghèo đói ở địa phương.

Năm là, nâng cao năng lực cho người nghèo, dựa vào thế mạnh của từng vùng, miền, có chính sách hỗ trợ và hướng dẫn họ phát huy nội lực của mình; tránh việc áp đặt mà phải để người nghèo được thảo luận và đưa ra kế hoạch, phương án triển khai thực hiện các mô hình giảm nghèo phù hợp với điều kiện, đặc điểm văn hóa của dân tộc mình.

Sáu là, hoạt động CTXH phải hướng tới thúc đẩy thực hiện các chính sách, chương trình, dự án hỗ trợ người nghèo để giúp người nghèo có cơ hội

tiếp cận ngày một tốt hơn các dịch vụ xã hội cơ bản như chăm sóc sức khỏe, giáo dục - đào tạo, nước sạch, điều kiện vệ sinh, dịch vụ pháp lý, thông tin - truyền thông, tiếp cận được các nguồn vốn để phát triển sản xuất, cải thiện đời sống, tăng thu nhập và thoát nghèo bền vững.

Đây cũng là một định hướng mới trong lĩnh vực giảm nghèo của tỉnh Thái Bình. Có như thế, việc xây dựng, hoạch định chính sách, triển khai thực hiện các chương trình, dự án trong công tác giảm nghèo sẽ có những bước khởi sắc mới, góp phần nâng cao hiệu quả giảm nghèo đối với người nghèo trên địa bàn tỉnh Thái Bình nói chung và huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình nói riêng.

KẾT LUẬN

Xã hội ngày càng phát triển, đời sống vật chất và đời sống tinh thần cũng không ngừng được nâng cao. Tuy nhiên ở những vùng quê đời sống của người nông dân vẫn còn khó khăn. Trong suốt thời gian qua, Đảng và Nhà nước đã có rất nhiều chính sách, chương trình cho giảm nghèo và đã mang lại nhiều kết quả thiết thực với người dân, nhưng công tác giảm nghèo bền vững còn nhiều hạn chế, cần có sự phối hợp đồng bộ của toàn xã hội, nhiều biện pháp trợ giúp thực sự hiệu quả .

Công tác xã hội là một nghề mới được công nhận ở Việt Nam năm 2000. Trên thế giới với lịch sử phát triển trên 100 năm ở các nước phát triển nó đã chứng tỏ được những ưu thế và lợi ích mà công tác xã hội mang lại cho xã hội. Điều đó cho thấy khi xã hội càng phát triển thì vai trò của công tác xã hội càng quan trọng. Đặc biệt là phương pháp phát triển cộng đồng trong việc giải quyết các vấn đề của cộng đồng đặc biệt là cộng đồng yếu kém.

Dựa trên những kết quả phân tích ở trên, tác giả đưa ra một số giải pháp nhằm thực hiện hiệu quả hơn mục tiêu giảm nghèo tại cộng đồng. Người nghèo tiếp tục khai thác những thế mạnh sẵn có như điều kiện tự nhiên, cơ sở hạ tầng cũng như các giá trị bản địa như văn hóa, đặc sản. Tiếp tục nâng cao hiệu quả các mô hình sinh kế cũng là một giải pháp. Ngoài ra người nghèo cũng cần quan tâm đến các giải pháp hỗ trợ tín dụng cho người nghèo, các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, hỗ trợ việc làm... để có điều kiện sản xuất vươn lên thoát nghèo.

Kết quả nghiên cứu nêu trên cũng chỉ làm rõ được một phần thực trạng nghèo của địa phương, các mặt đã thực hiện được cũng như hạn chế trong thực hiện phát triển cộng đồng đối với hộ nghèo. Để chương trình giảm nghèo đạt hiệu quả cần có sự phối hợp với các chương trình phát triển cộng đồng

nhằm mục tiêu giảm nghèo bền vững, mang lại những thay đổi cả về vật chất lẫn năng lực phát triển của người nghèo.

“Dân giàu nước mạnh xã hội công bằng dân chủ văn minh” là mong muốn của tất cả mọi người. Hy vọng hướng đi mới giảm nghèo theo phương pháp phát triển cộng đồng sẽ mang lại ấm no và hạnh phúc cho mỗi người dân nghèo trên khắp Tổ quốc!

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2011-2015, Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Thái Bình.
2. Báo cáo về tình hình phát triển thế giới – “Tấn công nghèo đói” năm 2000.
3. Bùi Thế Cường - Phúc lợi xã hội ở Việt Nam, hiện trạng và xu hướng – 2003 (Tài liệu Hội thảo)
4. Cơ quan hợp tác phát triển quốc tế Thụy Điển (SIDA) (1995), có đề cập trong cuốn “Vấn đề nghèo ở Việt Nam”
5. Nguyễn Mạnh Đôn (20/02/2005) “*Một số suy nghĩ về hoạt động phát triển cộng đồng và xóa đói, giảm nghèo vùng đồng bào dân tộc*”
6. Phan Huy Đường, Đại học Quốc gia Hà Nội, “*Phát triển cộng đồng: Phương pháp quan trọng của công tác xã hội trong xóa đói giảm nghèo*”
7. Nguyễn Thị Hằng (1997). “Vấn đề xóa đói giảm nghèo ở nông thôn nước ta hiện nay”, Nxb. Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
8. Nguyễn Thị Hoa (2011) với đề tài nghiên cứu “*Hoàn thiện các chính sách xóa đói giảm nghèo chủ yếu của Việt Nam đến 2015*”
9. Nguyễn Thị Thanh Huyền (năm 2013) với đề tài nghiên cứu “*Tác động của hội nhập quốc tế tới bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị tại Việt Nam*”
10. Do Hoai Nam, Gre Mills, Dianna Games (2007) với cuốn “*Vietnam and Africa: Comparative lessons and mutual opportunities*” (Việt Nam và Châu Phi: So sánh các bài học kinh nghiệm và cơ hội
11. Nguyễn Thị Hồng Nga (2016). “*Phát triển cộng đồng đối với người dân tộc Dao trong xóa đói giảm nghèo từ thực tiễn xã Hồ Thầu, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu*”

12. Nguyễn Thị Oanh, Giáo trình phát triển cộng đồng, Đại học mở thành phố Hồ Chí Minh (*Trang 12*)

13. Oxfam: “*Mô hình giảm nghèo tại một số cộng đồng dân tộc thiểu số điển hình ở Việt Nam*”, Hà Nội - 2013

14. Mai Kim Thanh Giáo trình nhập môn CTXH – 2007 (trang 7 và 8)

15. Tập thể tác giả: “*Nghèo đói và xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam*”, Nxb. Nông nghiệp Hà Nội - 2001

16. Nguyễn Thu Thủy (2016) với nghiên cứu “*Phát triển cộng đồng đối với người trong giảm nghèo bền vững từ thực tiễn huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh*”

PHIẾU TRUNG CẦU Ý KIẾN
PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG ĐỐI VỚI NGƯỜI NGHÈO
(Bảng hỏi dành cho các hộ gia đình nghèo)

Xin chào ông/bà!

Được sự đồng ý của Ủy ban Nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, học viên Hà Thị Thu Hường thực hiện khảo sát nghiên cứu với đề tài luận văn "*Hoạt động phát triển cộng đồng đối với người nghèo từ thực tiễn huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình*". Nghiên cứu tập trung vào các hoạt động phát triển cộng đồng: tuyên truyền, nâng cao nhận thức; kết nối sản xuất; và cung cấp các dịch vụ xã hội. Những thông tin thu thập được chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu. Mọi thông tin được đảm bảo bí mật. Tôi xin chân thành cảm ơn!

I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ HỘ NGHÈO

Câu 1: Thông tin chung

1.1. Họ và tên chủ hộ:

1.2. Tuổi:..... Giới tính: Nam / Nữ

1.3. Trình độ văn hóa:

- a. Đọc viết chưa thông thạo
- b. Tiểu học
- c. Trung học cơ sở
- d. Trung học phổ thông
- e. Khác

1.4. Nghề nghiệp:

- a. Nông Nghiệp
- b. Công nhân
- c. Giáo viên
- d. Cán bộ/Nhân viên/ Công an/Bộ đội

e. Ở nhà/nội trợ

đ. Tự làm

g. Khác (ghi rõ)

1.5. Gia đình anh/chị có bao nhiêu người ?..... người;

Số người tham gia lao động?..... người

Câu 2: Xin anh/chị cho biết các nguồn thu nhập trong gia đình mình?

2.1 Chăn nuôi: (con gì, số lượng,...)

2.2 Trồng trọt: (cây gì, năng suất?):

2.3 Dịch vụ:

2.4 Nghề phụ

2.5 Khác:

Ước tính bằng tiền khoảng bao nhiêu/ tháng?

Từ 700.000 đồng	
Trên 700.000 - 1.000.000 đồng	
Trên 1.000.000 đồng	

Câu 3: Tình hình việc làm của gia đình của anh/chị trong 6 tháng qua như thế nào?

3.1 Có việc làm thường xuyên Làm gì?

3.2 Có việc làm (không thường xuyên) Tại sao?

3.3 Không có việc làm Tại sao?

Câu 4: Theo anh/chị, các tổ chức đoàn thể trong xã mình hoạt động như thế nào?

<u>Các tổ chức</u>	<u>Không</u>	<u>Có</u>	<u>Hoạt động như thế nào</u>			
			Chưa tốt	Bình thường	Tốt	Rất tốt
4.1. Chi bộ Đảng						
4.2. Mặt Trận tổ quốc						
4.3. Hội cựu chiến binh						
4.4. Hội phụ nữ						
4.5. Đoàn thanh niên						
4.6. Ủy ban nhân dân						
4.7. Hội nông dân						
4.8. Hội người cao tuổi						
4.9. Hội Khuyến nông						
4.10. Khác?						

Câu 5: Gia đình anh/chị được hưởng những chính sách xã hội nào của Nhà nước?

<i>Chính sách</i>	<i>Có</i>	<i>Không</i>
5.1. Chính sách giảm nghèo (vay vốn, hỗ trợ sx, nhà ở, BHYT...)		
15.2 Chính sách người có công		
15.3 Chính sách với trẻ em trong HCDB		
15.4 Chính sách với người cao tuổi		
15.5 Chính sách người khuyết tật		
15.6 Chính sách dạy nghề-việc làm		
15.7 Khác (Xin ghi rõ)?		

II. CÁC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG ĐỐI VỚI NGƯỜI NGHÈO TẠI HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH.

A. Hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức

Câu 1. Anh/chị cho biết các hình thức tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong giảm nghèo bền vững?

- a. Bảng rôn, khẩu hiệu
- b. Pa nô, áp phích, tờ rơi, sách, báo
- c. Trao đổi, tư vấn, tham vấn, thảo luận trực tiếp
- d. Thông qua nói chuyện, họp, hội nghị
- e. Đài, ti vi
- g. Khác (xin ghi rõ)

.....
.....
.....

Câu 2. Anh/chị cho biết nội dung của hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong giảm nghèo bền vững cụ thể nội dung

1. Kiến thức chăm sóc sức khỏe
2. Giáo dục
3. Nhà ở
4. Nước sạch và vệ sinh
5. Tiếp cận thông tin
6. Khác (ghi rõ)

.....
.....

Câu 3. Anh/chị đánh giá mức độ tham gia của người dân trong hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức trong giảm nghèo bền vững?

- | | |
|-------------------|--------------------------|
| a. Rất tích cực | <input type="checkbox"/> |
| b. Tích cực | <input type="checkbox"/> |
| c. Bình thường | <input type="checkbox"/> |
| d. Không tích cực | <input type="checkbox"/> |

Câu 5. Anh/chị đánh giá như thế nào về việc huy động nguồn lực từ cộng đồng đối với hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong giảm nghèo bền vững?

- | | |
|-----------------|--------------------------|
| a. Rất hiệu quả | <input type="checkbox"/> |
| b. Hiệu quả | <input type="checkbox"/> |

c. Bình thường

d. Không hiệu quả

B. Hoạt động kết nối sản xuất

Câu 1. Anh/chị cho biết sự tham gia vào các hoạt động kết nối sản xuất trong giảm nghèo bền vững?

a. Hỗ trợ vốn

b. Hỗ trợ tạo việc làm

c. Hỗ trợ khoa học - kỹ thuật

d. Hỗ trợ cây, con, giống

e. Hỗ trợ chuyển giao công nghệ...

g. Khác (xin ghi rõ)

Câu 2. Anh/chị biết đến các hoạt động kết nối sản xuất trong giảm nghèo bền vững qua hình thức nào sau đây?

<i>Hình thức</i>	X
<i>Hợp dân</i>	
<i>Phát thanh</i>	
<i>Cán bộ cộng đồng</i>	
<i>Cán bộ dự án</i>	
<i>Truyền miệng</i>	
<i>Qua lãnh đạo địa phương</i>	
<i>Qua nhân viên công tác xã hội</i>	
<i>Khác (nêu cụ thể)</i>	

Câu 3. Anh/chị cho biết sự tham gia vào hoạt động kết nối sản xuất trong giảm nghèo bền vững?

a. Rất tích cực

b. Tích cực

c. Bình thường

d. Không tích cực

Câu 4. Theo anh/chị hằng năm chính quyền địa phương tổ chức vận động nguồn lực cộng đồng để thực hiện giảm nghèo bền vững có thu được kết quả như mong muốn không?

a. Rất hiệu quả

b. Hiệu quả

c. Bình thường

d. Không hiệu quả

C. Hoạt động cung cấp dịch vụ xã hội:

Câu 1. Anh/chị cho biết về mức độ tiếp cận các dịch vụ xã hội sau đây?

RRất thườn g xuyên	TThườ ng xuyên	BBình thườn g	KKhôn g thườn g xuyên
-----------------------------	----------------------	---------------------	-----------------------------------

a. Nhà ở

b. Thông

tin

c. Y tế

d. Giáo

dục

e. Vệ sinh

Câu 2. Anh/chị cho biết về mức độ tham gia vào các dịch vụ xã hội trong giảm nghèo bền vững?

a. Rất tích cực

b. Tích cực

c. Bình thường

d. Không tích cực

Câu 3. Anh/chị đánh giá thế nào về việc huy động nguồn lực cộng đồng đối với các dịch vụ xã hội trong giảm nghèo bền vững?

a. Rất tốt

b. Tốt

—

c. Bình thường

d. Không tốt

Câu 5: Các dịch vụ xã hội trong giảm nghèo bền vững được thực hiện ở địa phương đã tác động như thế nào đến gia đình anh/chị?

<i>Hình thức</i>	X
<i>Phát triển kinh tế hộ gia đình</i>	
<i>Được vay vốn</i>	
<i>Con cái được đi học miễn phí</i>	
<i>Được hưởng thủy lợi thủy nông miễn phí</i>	
<i>Tác động đến đời sống, giáo giục, y tế...</i>	
<i>Tác động khác (nêu cụ thể)</i>	

III. Các yếu tố ảnh hưởng

1. Theo anh/chị yếu tố nào sau đây ảnh hưởng nhất đến đến hoạt động phát triển cộng đồng trong giảm nghèo bền vững?

- Yếu tố thuộc về nhân viên, cộng tác viên công tác xã hội
- Yếu tố văn hóa – xã hội
- Yếu tố đặc điểm của người nghèo
- Yếu tố thuộc về công tác chỉ đạo điều hành chương trình giảm nghèo của chính quyền địa phương

V. Anh/chị có giải pháp gì đề các hoạt động phát triển cộng đồng trong giảm nghèo được thực hiện một cách hiệu quả hơn?

1. Đối với người nghèo:

.....
.....

2. Đối với cộng đồng dân cư:

.....
.....

3. Đối với chính quyền địa phương nơi anh/chị sinh sống:

.....
.....

4. Đối với cấp huyện:

.....
.....

.....

5. Đối với cấp tỉnh:

.....
.....

.....

6. Đối với cộng đồng doanh nghiệp:

.....
.....

Xin cảm ơn sự hợp tác của anh/chị!

NỘI DUNG THẢO LUẬN NHÓM
PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG ĐỐI VỚI NGƯỜI NGHÈO
*(Dành cho nhóm đại diện BCD giảm nghèo cấp huyện,
đại diện BCD cấp xã, trưởng thôn,)*

Xin chào ông/bà!

Những năm qua, nghèo đói luôn được coi là một trong những nhiệm vụ chính trị - xã hội hàng đầu của cấp ủy chính quyền địa phương các cấp, có thể nhận thấy hậu quả của đói nghèo có tác động không nhỏ đến đời sống xã hội, làm gia tăng tội phạm, tăng dịch bệnh, tăng tệ nạn xã hội, lạc hậu, thiếu thốn đời sống vật chất và đời sống tinh thần, giảm tuổi thọ của bản thân họ... Nhằm hạn chế và có những hoạt động phát triển cộng đồng hỗ trợ người nghèo trong giảm nghèo bền vững, chúng tôi đang triển khai nghiên cứu với đề tài: *“Hoạt động phát triển cộng đồng đối với người nghèo từ thực tiễn huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình”*

Thông tin Ông/bà cung cấp cho chúng tôi, chỉ nhằm mục đích nghiên cứu và đảm bảo tính khuyết danh.

1. Khái quát về đặc điểm tình hình KT-XH và kết quả công tác giảm nghèo của địa phương giai đoạn 2011-2015?
2. Anh/chị đánh giá thế nào về sự tham gia của chính quyền địa phương, BCD giảm nghèo cấp xã, các tổ chức đoàn thể xã hội và cộng đồng trong giảm nghèo của địa phương như thế nào?
3. Vai trò, trách nhiệm của BCD cấp xã như thế nào trong các hoạt động giảm nghèo bền vững ở địa phương?
4. Theo anh/chị những vấn đề bất cập trong việc thực hiện công tác giảm nghèo từ khi Thủ tướng Chính phủ ban hành chuẩn nghèo theo hướng đa chiều của địa phương hiện nay là gì?

5. Anh/chị cho biết nội dung và hình thức của hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong giảm nghèo bền vững hiện nay? Sự tham gia của người dân trong hoạt động này? Việc huy động nguồn lực từ cộng đồng đối với hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong giảm nghèo bền vững được thực hiện ra sao?

6. Việc tổ chức hoạt động kết nối sản xuất cho các hộ gia đình nghèo được thực hiện như thế nào? Ai là người trực tiếp tham gia các hoạt động này? Tính hiệu quả của hoạt động như thế nào trong thời gian qua? Việc huy động nguồn lực từ cộng đồng đối với hoạt động kết nối sản xuất trong giảm nghèo bền vững được thực hiện ra sao?

7. Theo anh/chị, chính quyền địa phương đã triển khai hỗ trợ và cung cấp dịch vụ xã hội cơ bản nào (theo đa chiều) cho các hộ gia đình nghèo? Phản ứng của người dân đặc biệt là người nghèo đối với hoạt động này như thế nào? Vận động nguồn lực từ cộng đồng có vai trò gì đối với hoạt động cung cấp dịch vụ xã hội cho các hộ gia đình nghèo?

8. Theo anh/chị, các yếu tố nào sau đây ảnh hưởng đến hoạt động phát triển cộng đồng trong giảm nghèo bền vững tại địa phương?

- Yếu tố thuộc về nhân viên, cộng tác viên công tác xã hội

- Yếu tố văn hóa – xã hội

- Yếu tố đặc điểm của người nghèo

- Yếu tố thuộc về công tác chỉ đạo điều hành chương trình giảm nghèo của chính quyền địa phương

9. Theo anh/chị để việc triển khai các hoạt động phát triển cộng đồng trong giảm nghèo bền vững ở địa phương thực sự đạt hiệu quả trong thời gian tới chính quyền địa phương cần phải quan tâm đến vấn đề gì?

NỘI DUNG PHÒNG VẤN SÂU

(Dành cho hộ nghèo)

1. Anh/chị có thể cho biết khái quát về đặc điểm tình hình KT-XH và kết quả thực hiện công tác giảm nghèo bền vững của địa phương trong thời gian qua?

2. Ở địa phương anh/chị, các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức, hoạt động kết nối sản xuất và hoạt động kết nối các dịch vụ xã hội cho người nghèo trong giảm nghèo bền vững đang được triển khai như thế nào?

3. Anh/chị đánh giá thế nào về sự tham gia & đóng góp của người dân vào 03 hoạt động này? (*Hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức; Hoạt động kết nối sản xuất; Hoạt động kết nối các dịch vụ xã hội cho người nghèo*)

4. Theo anh/chị, yếu tố nào quyết định sự thành công của hoạt động phát triển cộng đồng trong giảm nghèo bền vững tại địa phương? Xin anh/chị nói rõ thêm về yếu tố đó.

- Yếu tố đặc điểm của người nghèo;

- Yếu tố văn hóa - xã hội

- Yếu tố thuộc về công tác chỉ đạo điều hành chương trình giảm nghèo của chính quyền địa phương

- Yếu tố thuộc về nhân viên, cộng tác viên công tác xã hội

5. Theo anh/chị những giải pháp nào sau đây tạo nên sự thành công của hoạt động phát triển cộng đồng trong giảm nghèo bền vững tại địa phương? (giải pháp đối với người nghèo; Đối với cộng đồng dân cư; Đối với chính quyền cấp xã; Đối với cấp huyện; Đối với cấp tỉnh; Đối với cán bộ phát triển cộng đồng) anh/chị hãy trao đổi thêm về giải pháp đó.

Xin cảm ơn sự tham gia đóng góp ý kiến của anh/chị!